



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH15OT_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **08/06/2017**

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi **HD202**

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

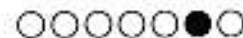
Lớp **DH15CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK			8	7.3	1	3.6	0012345678910	0123456789
2	15137002	Võ Trường An	DH15NL			8	6.0	0.5	2.9	0012345678910	0123456789
3	15154002	Đậu Đức Anh	DH15OT			8	6.0	2	3.8	0012345678910	0123456789
4	12154223	Lê Công Tuấn Anh	DH12OT							0012345678910	0123456789
5	15115004	Lưu Tuyết Anh	DH15GB			9	7.3	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
6	15154003	Nguyễn Đình Tuấn Anh	DH15OT			8	8.0	2	4.4	0012345678910	0123456789
7	15154001	Phạm Trọng Ân	DH15OT			10	7.3	8	8.0	0012345678910	0123456789
8	13138027	Bùi Minh Bảo	DH13TD							0012345678910	0123456789
9	14137009	Hồ Thế Bảo	DH14NL			8	6.7	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
10	15154006	K" Bùng	DH15OT			8	6.7	0	2.8	0012345678910	0123456789
11	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL			8	8.0	3	5.0	0012345678910	0123456789
12	15154007	Nguyễn Xuân Chính	DH15OT			8	6.0	3.5	4.7	0012345678910	0123456789
13	15137006	Phạm Văn Chính	DH15NL			8	7.3	2	4.2	0012345678910	0123456789
14	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT			8	6.7	1	3.4	0012345678910	0123456789
15	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC			8	5.3	1	3.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03022



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH15OT_01

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD202

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

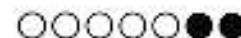
Lớp DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15154009	Đoàn Văn Cường	DH15OT	<i>Cường</i>		8	7.3	4	5.4	0012345678910	0123456789
17	15154073	Dương Võ Duy	DH15OT	<i>Duy</i>		8	6.0	4	5.0	0012345678910	0123456789
18	15118024	Nguyễn Văn Hoàng	DH15CC	<i>Hoàng</i>		8	7.3	2	4.2	0012345678910	0123456789
19	15154010	Lê Minh Đạt	DH15OT	<i>Dat</i>		8	6.7	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
20	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC	<i>Phát</i>		8	8.7	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
21	13115024	Nguyễn Thanh Diệp	DH13CB	<i>Diệp</i>		8	7.3	2	4.2	0012345678910	0123456789
22	15154014	Nguyễn Văn Giang	DH15OT	<i>Giang</i>		8	6.0	1	3.2	0012345678910	0123456789
23	15154016	Huỳnh Quang Đường	DH15OT	<i>Đường</i>		8	6.7	3	4.6	0012345678910	0123456789
24	15154018	Lê Trường Giang	DH15OT	<i>Giang</i>		8	7.3	2	4.2	0012345678910	0123456789
25	15154019	Võ Duy Hà	DH15OT	<i>Hà</i>		8	7.3	3	4.8	0012345678910	0123456789
26	15154021	Nguyễn Trung Hậu	DH15OT	<i>Hậu</i>		8	8.0	4	5.6	0012345678910	0123456789
27	15137019	Dương Thu Hiền	DH15NL	<i>Huân</i>		8	7.3	2	4.2	0012345678910	0123456789
28	15154022	Phan Phước Hiền	DH15OT	<i>Hiền</i>		8	6.3	3	4.5	0012345678910	0123456789
29	15118037	Nguyễn Công Hòa	DH15CK	<i>Hòa</i>		8	7.3	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
30	13138076	Võ Minh Hòa	DH13TD	<i>Hòa</i>		8	7.3	5.5	4.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03022



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH15OT_01

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD202

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118162	Bùi Xuân Hoàng	DH14CK			8	8.0	4.5	5.9	0012345678910	0123456789
32	15137025	Bùi Quốc Huy	DH15NL			8	7.3	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
33	15154024	Hồ Ngọc Huy	DH15OT			8	8.0	2.5	4.7	0012345678910	0123456789
34	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL			8	7.3	3	4.8	0012345678910	0123456789
35	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT			9	6.0	6.5	6.6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 33...Số sinh viên vắng: 2...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 002 DHISOT 01

Số Tin Ch. 2

Ngày Thi: 08/06/2017

Giờ Thi: 14:45

Phong Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp

DH150T (Công nghệ kỹ thuật ôtô)

Page 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 10%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT			10	6.7	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
2	15154027	Lê Trịnh Bình	DH15OT			8	6.0	4	5.0	0012345678910	0123456789
3	15137032	Nguyễn Bách	DH15NL			8	7.3	3	4.8	0012345678910	0123456789
4	15154030	Nguyễn Duy	DH15OT			8	7.7	2	4.3	0012345678910	0123456789
5	15154031	Nguyễn Hữu	DH15OT			8	6.7	2	4.0	0012345678910	0123456789
6	15118054	Đặng Duy	DH15CK			8	8.0	3	5.0	0012345678910	0123456789
7	15154032	Nguyễn Hữu	DH15OT			8	6.0	3.5	4.7	0012345678910	0123456789
8	15115092	Lê Nguyễn Nhật	DH15GB			8	7.3	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
9	15138041	Trương Đức	DH15TD			9	4.7	5	5.3	0012345678910	0123456789
10	15154033	Nguyễn Thành	DH15OT			8	3.3	0.5	2.1	0012345678910	0123456789
11	15118070	Lý	DH15CK			9	6.0	5.5	6.0	0012345678910	0123456789
12	15154035	Vương Quốc	DH15OT			10	6.7	9	8.4	0012345678910	0123456789
13	15154036	Võ Khắc Hoàn	DH15OT			10	8.7	10	9.6	0012345678910	0123456789
14	15154037	Huỳnh Trọng	DH15OT			8	7.3	4	5.4	0012345678910	0123456789
15	15137038	Nguyễn Văn	DH15NL			8	8.0	2.5	4.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03023



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 002_DH15OT_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 08/06/2017 Giờ Thi: 14:45 Phòng Thi TV303 Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

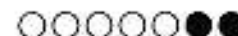
Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13115317	Nguyễn Hồ Phan	DH13CB							0001234567890	0123456789
17	15137039	Lê Nam Phong	DH15NL	<i>Phong</i>		8	7,3	1	3,6	0001234567890	0123456789
18	15154039	Nguyễn Thanh Phong	DH15OT	<i>Phong</i>		9	6	5	5,7	0001234567890	0123456789
19	13138156	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD							0001234567890	0123456789
20	13138165	Mai Hồng Quân	DH13TD	<i>Ma</i>		8	5,3	1	3,0	0001234567890	0123456789
21	14118057	Ta Minh Quân	DH14CK							0001234567890	0123456789
22	15115136	Đào Thị Quyên	DH15GB	<i>Quyên</i>		8	7,3	4	5,4	0001234567890	0123456789
23	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT	<i>Sang</i>		8	8	2,5	4,7	0001234567890	0123456789
24	15154044	Nguyễn Võ Hoàng Sơn	DH15OT	<i>Son</i>		9	6	5,5	6,0	0001234567890	0123456789
25	15154045	Trần Suker	DH15OT	<i>Suker</i>		9	7,7	6,5	7,1	0001234567890	0123456789
26	15154046	Đào Tuấn Tài	DH15OT	<i>Tai</i>		10	6,7	7	7,2	0001234567890	0123456789
27	15154048	Nguyễn Phúc Tâm	DH15OT	<i>Tam</i>		10	8,7	9	9,0	0001234567890	0123456789
28	14137071	Đỗ Việt Thắng	DH14NL							0001234567890	0123456789
29	14115373	Nguyễn Đức Thắng	DH14GB	<i>Thang</i>		8	6,7	4,5	5,5	0001234567890	0123456789
30	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC	<i>Thang</i>		8	8	2,5	4,7	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03023



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện (207109) - 002_DH15OT_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp **DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15154053	Son Ngọc	Thắng			8	7.3	4	5.4	0012345678910	0123456789
32	14115243	Đỗ Ngọc	Thịnh			8	6.7	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
33	15154058	Lê Đoàn Trường	Thịnh			8	4.7	4.5	4.9	0012345678910	0123456789
34	14154059	Phạm Văn	Thức			8	7.3	1	3.6	0012345678910	0123456789
35	15118106	Trần Trung	Tin			8	7.3	2	4.2	0012345678910	0123456789
36	15154060	Nguyễn Công	Tinh			10	6.7	7	7.2	0012345678910	0123456789
37	15137060	Thái Minh	Toàn			9	7.3	6	6.7	0012345678910	0123456789
38	15154061	Lê Minh	Trí			8	8.0	2	4.4	0012345678910	0123456789
39	15137064	Đỗ Bảo	Trọng			8	7.3	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
40	15137065	Lê	Trung			8	8.7	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
41	15154062	Nguyễn Duy	Trung							0012345678910	0123456789
42	13137156	Dương Minh	Tổ			9	7.3	5	6.1	0012345678910	0123456789
43	15154064	Mai Hoàng	Tuấn			9	6.7	6.5	6.8	0012345678910	0123456789
44	15154065	Nguyễn Anh	Tuấn			9	8.0	6	6.9	0012345678910	0123456789
45	15154066	Nguyễn Thanh	Tuấn			9	6.0	7	6.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03023



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 002_DH15OT_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	15154068	Hà Lâm Tỳ	DH15OT							0012345678910	0123456789
47	15154071	Huỳnh Tấn Vũ	DH15OT			8	7.3	4	5.4	0012345678910	0123456789
48	15137070	Nguyễn Anh Vũ	DH15NL			9	7.3	5	6.1	0012345678910	0123456789
49	15154072	Trần Quốc Vỹ	DH15OT			8	7.3	4.5	5.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 43. Số sinh viên vắng: 6.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

[Signature]
Ng. Hùng Anh

[Signature]
Cao Đức Lợi

[Signature]
Đông Kiên Dũng

[Signature]
Nguyễn Lê Tường

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 001 DH15NL 02

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 14:45

Phỏng Thi HD201

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp **DH16CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16118008	Hồ Thái An	DH16CK	An		10	7.7	9	8.7	001234567890	0123456789
2	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL	An		8	7.3	2	4.2	001234567890	0123456789
3	15137003	Chu Đăng Quốc	DH15NL	Quốc		8	8.7	0	3.5	001234567890	0123456789
4	15153001	Nguyễn Tài	DH15CD	Tài						001234567890	0123456789
5	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK	Châu		8	8.0	1	3.8	001234567890	0123456789
6	13334023	Lê Tuấn Chiến	CD13CI	Chiến						001234567890	0123456789
7	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL	Du		8	6.7	2.5	4.3	001234567890	0123456789
8	15115029	Trần Huỳnh Đức Duy	DH15GN	Duy						001234567890	0123456789
9	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL	Duy		8	8.7	2	4.6	001234567890	0123456789
10	13115027	Huỳnh Lập Đức	DH13CB	Đức		8	7.0	3	4.7	001234567890	0123456789
11	15137009	Lê Thành Được	DH15NL	Được		8	8.0	2.5	4.7	001234567890	0123456789
12	15137012	Vũ Đức Gia	DH15NL	Gia		8	6.7	2.5	2.3	001234567890	0123456789
13	15115032	Nguyễn Thanh Trúc	DH15GN	Trúc		8	8.7	3	5.2	001234567890	0123456789
14	15137013	Nguyễn Trường	DH15NL	Trường		10	6.7	10	9.0	001234567890	0123456789
15	14118021	Đỗ Kỳ Hà	DH14CC	Hà						001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03020



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH15NL_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL			8	7.3	2	4.2	0012345678910	0123456789
17	15154020	Phạm Tấn Hải	DH15OT			10	7.3	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
18	15115045	Nguyễn Đình Hào	DH15CB							0012345678910	0123456789
19	15137016	Lê Công Hậu	DH15NL			8	7.3	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
20	15137017	Phạm Phước Hậu	DH15NL			8	6.0	4	5.0	0012345678910	0123456789
21	14154093	Trương Bửu Hiệp	DH14OT			8	8.0	2.5	4.7	0012345678910	0123456789
22	15118036	Nguyễn Trọng Hiếu	DH15CK							0012345678910	0123456789
23	15137020	Trần Võ Trọng Hiếu	DH15NL			8	7.0	1	3.5	0012345678910	0123456789
24	15138074	Phạm Lê Thanh Hân	DH15TD			8	6.0	2.5	4.1	0012345678910	0123456789
25	15115055	Phạm Văn Hân	DH15GB			8	8.7	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
26	15137022	Trần Văn Hoài	DH15NL			9	6.7	6	6.5	0012345678910	0123456789
27	15118038	Lê Sĩ Hoàng	DH15CK			9	6.7	5	5.9	0012345678910	0123456789
28	14118164	Tôn Nhật Hoàng	DH14CK			8	7.7	2	4.3	0012345678910	0123456789
29	14118170	Bùi Quang Huy	DH14CK			10	6.0	7	7.0	0012345678910	0123456789
30	13334081	Nguyễn Bá Huy	CD13CI							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03020



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH15NL_02

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15137030	Vũ Gia Huy	DH15NL			8	8.7	3	5,2	00012345678910	0123456789
32	15137023	Quách Nguyễn Kim Hưng	DH15NL			8	6.7	4,5	5,5	00012345678910	0123456789
33	15137024	Vũ Quang Hưng	DH15NL			8	6.0	3	4,4	00012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 26. Số sinh viên vắng: 2.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 002_DH15NL_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 08/06/2017 Giờ Thi: 14:45 Phòng Thi TV302 Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp DH15GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15115065	Võ Đình Hương	DH15GN			8	6,7	2	4,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	14137044	Nguyễn Văn Ka	DH14NL			8	8,7	2	4,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	15137031	Nguyễn Hữu Kha	DH15NL			8	6,7	1	3,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL			8	6,0	4	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	14118187	Nguyễn Hữu Khôi	DH14CC			8	9,3	0,5	3,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	15148051	Mai Văn Lịch	DH15CK							① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	15137034	Phạm Thanh Long	DH15NL			9	6,7	5	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	15137035	Bùi Công Minh	DH15NL			9	7,3	6	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	15118068	Phạm Đức Nam	DH15CK			8	7,3	1	3,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	12344172	Trịnh Hữu Nhân	GD12CI							① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL			8	7,3	3,5	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	14118207	Nguyễn Lê Nguyên	DH14CK			9	8,0	5,5	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	15137041	Trần Duy Phong	DH15NL			9	7,3	5	6,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	15115125	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	DH15GN			9	8,0	5,5	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	15115126	Tô Thị Yến Phụng	DH15GN			8	8,0	3,5	5,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 03021



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 002_DH15NL_02

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp

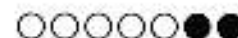
DH15GB (Công nghệ giấy và bột giấy)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Sá	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15115129	Lê Anh Phương	DH15GB			8	7.3	2.5	4.5	001234567890	0123456789
17	13115345	Nguyễn Đình Quang	DH13CB			8	8.0	4.5	5.9	001234567890	0123456789
18	13154161	Thượng Minh Quang	DH13OT			8	6.7	3.5	4.9	001234567890	0123456789
19	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL			8	7.3	1.5	3.9	001234567890	0123456789
20	15137045	Vũ Kim Sơn	DH15NL							001234567890	0123456789
21	14154139	Lê Tấn Tài	DH14OT			8	6.0	1	3.2	001234567890	0123456789
22	15137046	Nguyễn Thành Tâm	DH15NL			8	6.7	1	3.4	001234567890	0123456789
23	15137048	Nguyễn Đình Nhật Tân	DH15NL			8	6.7	1	3.4	001234567890	0123456789
24	14137068	Nguyễn Việt Tân	DH14NL			9	8.7	5	6.5	001234567890	0123456789
25	15137049	Lâm Hồng Thái	DH15NL			8	8.0	3	5.0	001234567890	0123456789
26	15137051	Trần Lê Công Thành	DH15NL							001234567890	0123456789
27	15118097	Vũ Trung Thành	DH15CC							001234567890	0123456789
28	15137052	Lê Văn Thành	DH15NL			8	8.0	2	4.4	001234567890	0123456789
29	15138060	Lê Quốc Thắng	DH15TD			8	7.3	0	3.0	001234567890	0123456789
30	15137050	Phan Minh Thâm	DH15NL			8	9.3	3	5.4	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03021



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 002_DH15NL_02

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14137005	Nguyễn Hữu Thế	DH14NL			8	8.0	3	5.4	0012345678910	0123456789
32	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL			8	6.0	2.5	4.1	0012345678910	023456789
33	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL			8	7.3	3.5	5.1	0012345678910	0723456789
34	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC			8	6.7	0.5	3.1	0012345678910	023456789
35	14115376	Thái Kế Thiện	DH14GN			8	6.0	1	3.2	0012345678910	0123456789
36	15137055	Trần Ngọc Thiện	DH15NL			8	7.3	3.5	5.2	0012345678910	023456789
37	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL			8	6.7	2	4.0	0012345678910	0123456789
38	15115162	Võ Thanh Thùy	DH15GN			8	8.7	2.5	5.0	0012345678910	0123456789
39	15137059	Phan Nhật Tiến	DH15NL			8	4.0	2	3.2	0012345678910	0123456789
40	15115178	Phạm Quang Trí	DH15GN							0012345678910	0123456789
41	15137063	Nguyễn-Phước-Trịnh	DH15NL							0012345678910	0123456789
42	15154063	Hồ Nhật Trường	DH15OT			8	8.0	1	3.8	0012345678910	0123456789
43	15118123	Trần Thanh Tú	DH15CK			9	7.3	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
44	15137068	Nguyễn Minh Tuấn	DH15NL			9	6.7	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
45	13118354	Lê Lương Tuấn Vũ	DH13CC			8	8.0	3	5.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03021



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện (207109) - 002_DH15NL_02**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **08/06/2017**

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp **DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	13138256	Nguyễn Lê Nhật Vũ	DH13TD							0012345678910	0123456789
47	13154070	Nguyễn Vũ Hoàng Vũ	DH13OT							0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 38. Số sinh viên vắng: 09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Dũng
Phạm Quang Thắng

Phạm Quang Thắng

Nguyễn Lê Tường

Nguyễn Lê Tường

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH15CC_03**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **08/06/2017**

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp **DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118070	Lê Hồng Anh	DH13CC							001234567890	0123456789
2	15138019	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	DH15TD	<i>Duy</i>		8	7.3	0.5	3.3	001234567890	0123456789
3	14137016	Trần Thanh Duy	DH14NL	<i>Trần</i>		8	6.7	0	2.8	001234567890	0123456789
4	14137024	Nguyễn Đức Dương	DH14NL	<i>Đức</i>		10	6.7	7	7.2	001234567890	0123456789
5	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC	<i>Minh</i>		8	8.0	2	4.4	001234567890	0123456789
6	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC	<i>Đại</i>		10	6.7	5.5	6.3	001234567890	0123456789
7	13115184	Nguyễn Hoàng Vĩ Đại	DH13GN							001234567890	0123456789
8	15118015	Nguyễn Quốc Đạt	DH15CK	<i>Quốc</i>		8	6.7	0	2.8	001234567890	0123456789
9	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL	<i>Minh</i>		8	6.0	2	3.8	001234567890	0123456789
10	15154017	Huỳnh Thanh Giang	DH15OT	<i>Thanh</i>		8	9.3	3.5	5.8	001234567890	0123456789
11	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC	<i>Hùng</i>		9	8.0	6	6.9	001234567890	0123456789
12	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC	<i>Ngọc</i>		10	7.3	8	8.0	001234567890	0123456789
13	15118030	Nguyễn Ngọc Hân	DH15CC							001234567890	0123456789
14	14115311	Lê Thị Hiền	DH14GB	<i>Thị</i>		8	8.0	3	5.0	001234567890	0123456789
15	15118033	Đào Trung Hiếu	DH15CC	<i>Trung</i>		8	8.8	4	5.8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03019



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH15CC_03

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 08/06/2017

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi: TV101

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp

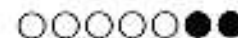
DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 10%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15118034	Hoàng Anh	Hiếu	DH15CC	QA	8	8.0	4	5.6	0012345678910	0123456789
17	15137029	Phạm Đăng	Huy	DH15NL	HUY	8	5.3	0	2.4	0012345678910	0123456789
18	15138027	Bùi Hữu	Hùng	DH15TD						0012345678910	0123456789
19	12154066	Trần Công	Khang	DH12OT						0012345678910	0123456789
20	15118043	Trần Minh	Khang	DH15CC	Khang	8	8.0	4	5.6	0012345678910	0123456789
21	15118044	Huỳnh Quốc	Khanh	DH15CC	Khanh	8	6.7	3	4.6	0012345678910	0123456789
22	15138032	Nguyễn Văn	Khế	DH15TD	Khế	10	6.7	9.5	8.7	0012345678910	0123456789
23	13138096	Võ Anh	Khoa	DH13TD	Khoa	9	8.7	5	6.5	0012345678910	0123456789
24	12115208	Nguyễn Vương	Long	DH12GN						0012345678910	0123456789
25	15118052	Trào An	Lộc	DH15CC	Lộc	8	8.0	4	5.6	0012345678910	0123456789
26	14154034	Đỗ Trọng	Lôi	DH14OT						0012345678910	0123456789
27	15118059	Trương Minh	Luân	DH15CC	Luân	8	8.0	4	5.6	0012345678910	0123456789
28	15118061	Đoàn Minh	Mẫn	DH15CC	Mẫn	8	8.7	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
29	13115071	Dương Công	Minh	DH13CB						0012345678910	0123456789
30	15118077	Nguyễn Minh	Nhật	DH15CC	Nhật	8	8.0	3	5.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03019



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH15CC_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

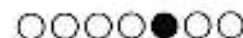
Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đ1 %	Đ2 Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14154041	Vũ Văn Phát	DH14OT							00012345678910	0123456789
32	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT	Phong		8	6.0	1	3.2	00012345678910	0123456789
33	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC			8	7.3	1	3.6	00012345678910	0123456789
34	14138025	Lê Ngọc Phước	DH14TD			8	5.3	0	2.4	00012345678910	0123456789
35	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC			8	7.3	3	4.8	00012345678910	0123456789
36	15118084	Bùi Quốc Qui	DH15CC			8	7.3	4.5	5.7	00012345678910	0123456789
37	15118085	Vũ Văn Quốc	DH15CC			8	0	3	2.6	00012345678910	0123456789
38	15154041	Nguyễn Minh Nhật	DH15OT			8	7.3	2	4.2	00012345678910	0123456789
39	15138052	Nguyễn Quốc Quyền	DH15TD			8	4.0	2	3.2	00012345678910	0123456789
40	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC			8	6.7	5	5.8	00012345678910	0123456789
41	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC			8	6.7	4	5.2	00012345678910	0123456789
42	15137044	Trần Xuân Sơn	DH15NL			8	8.0	3	5.0	00012345678910	0123456789
43	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL			8	7.3	1	3.6	00012345678910	0123456789
44	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC			8	6.7	0	2.8	00012345678910	0123456789
45	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH15OT			8	6.0	1.5	3.5	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03019



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH15CC_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13137131	Lê Hoàng Thắng	DH13NL			8	0	0	0,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13137140	Nguyễn Vĩnh Thuận	DH13NL							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13115413	Trần Anh Thư	DH13CB			8	8.0	3	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC			8	6.7	4.5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	15118108	Lê Trung Tinh	DH15CC			8	7.3	2.5	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13137146	Đinh Thanh Toàn	DH13NL			8	8.0	5.5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	14115136	Trần Văn Toàn	DH14GB							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	15118112	Nguyễn Hữu Trần	DH15CC			8	7.3	4.5	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	15137061	Hùng Phạm Minh Trí	DH15NL			8	8.0	6	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	13137151	Lê Minh Trí	DH13NL			8	6.7	1	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC			8	5.3	2	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	14118287	Lê Văn Trung	DH14CC			10	8.7	7.5	8,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	15115187	Trần Bá Trường	DH15GN			8	7.3	0	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13154066	Nguyễn Tùng	DH13OT			8	7.3	1	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	15118128	Hoàng Trung Tường	DH15CC			8	6.0	3	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03019



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật điện (207109) - 001_DH15CC_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 08/06/2017

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Nguyễn Lê Tường

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	15118130	Huỳnh Tấn Vãng	DH15CC			8	8.7	3	5,2	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
62	14137095	Trương Thế Vinh	DH14NL			9	6.7	5	5,9	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
63	15118139	Nguyễn Thành ý	DH15CK			9	6.7	6	6,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi: 58. Số sinh viên vắng: 4.1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Kiến Văn Đức
Lê Khắc Quý
Đông Kiên Dũng
Nguyễn Lê Tường

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH13CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 09/06/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi HD201 Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt) Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 ± %	D.Số đ	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15137003	Chu Đặng Quốc Anh	DH15NL	<i>Quang Anh</i>		-	2.2	1.4	3.6	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
2	14137008	Lê Đình Ba	DH14NL	<i>Ba</i>		-	2.2	3.3	5.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
3	13115160	Trần Thanh Cẩm	DH13GN	<i>Thanh Cẩm</i>		-	1.5	0.5	2.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
4	13154005	Lưu Công Chí	DH13OT	<i>Chí</i>		-	1.5	3	4.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	13138030	Trần Huy Chương	DH13TD	<i>Chương</i>		-	2.3	4.2	6.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
6	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK	<i>Cường</i>		-	2.2	3.3	5.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
7	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK	<i>Danh</i>		-	2.2	0.5	2.7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
8	14115020	Trần Duy Dương	DH14CB	<i>Dương</i>		-	2.8	0.5	3.3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
9	13115184	Nguyễn Hoàng Vĩ Đại	DH13GN	<i>Vĩ Đại</i>			Cẩn thận		✓	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
10	13115022	Nguyễn Hồng Tấn Đạt	DH13CB	<i>Đạt</i>		-	2.8	3.3	6.1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
11	14154011	Nguyễn Phát Đạt	DH14OT	<i>Phát Đạt</i>		-	2.8	6.2	9.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
12	13115026	Nguyễn Thành Đỗ	DH13CB	<i>Đỗ</i>		-	2.8	3.3	6.1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
13	14118018	Trần Phương Đông	DH14CK	<i>Đông</i>		-	2.3	4.8	8.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
14	14115022	Phan Hữu Đức	DH14CB	<i>Đức</i>		-	2.2	5.1	7.3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
15	15137009	Lê Thành Được	DH15NL	<i>Được</i>		-	2.2	3	5.2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○



Mã nhận dạng 03026



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH13CK_01

Số Tin Ch 2

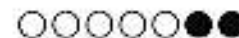
Ngày Thi 09/06/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi HD201 Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô) Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13154098	Lê Trường Giang	DH13OT								
17	15137013	Nguyễn Trường Giang	DH15NL								
18	14118149	Hà Văn Giao	DH14CC								
19	14115181	Nguyễn Minh Hào	DH14GN								
20	14137002	Lê Nguyễn Việt Hào	DH14NL								
21	14153079	Hải Văn Hân	DH14CD								
22	13154108	Đỗ Minh Hiếu	DH13OT								
23	14153085	Huỳnh Thanh Hoài	DH14CD								
24	13115214	Hồ Xuân Hoàng	DH13CB								
25	13138079	Nguyễn Trần Minh Hoàng	DH13TD								
26	13153109	Nguyễn Tấn Hồng	DH13CD								
27	13115235	Nguyễn Mạnh Hùng	DH13CB								
28	13154123	Phạm Hùng	DH13OT								
29	13334081	Nguyễn Bá Huy	CD13CI								
30	12115291	Văn Ngọc Mỹ Huyền	DH12GN								



Mã nhận dạng 03026



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH13CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 09/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14153094	Hùng Tiến Hưng	DH14CD			1	2.8	5.2	8.0	0012345678910	0123456789
32	13138006	Đào Thanh Hùng	DH13TD			1	2.2	4.9	5.1	0012345678910	0123456789
33	14153019	Cao Bá Kế	DH14CD			6.7	2.8	2.3	5.8	0012345678910	0123456789
34	12154119	Nguyễn Đăng Khoa	DH12OT			0.5	2.2	2.3	5.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 21...Số sinh viên vắng: 0.5

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

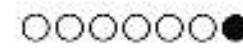
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 002_DH13CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 09/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH14CB (Chế biến lâm sản)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 ± %	D2 ± %	D.S	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14115424	Trần Văn Kiệt	DH14CB	Kiệt			2.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
2	13138099	Cao Hoàng Lâm	DH13TD	Lâm			3	5.5	8.5	0012345678910	0123456789
3	12154237	Nguyễn Chánh Lâm	DH12OT	Lâm			2.2	3.3	5.5	0012345678910	0123456789
4	14114396	Nguyễn Thành Long	DH14CB	Long			3	7	10.0	0012345678910	0123456789
5	15137034	Phạm Thanh Long	DH15NL	Phạm		1	2.2	4.4	7.6	0012345678910	0123456789
6	15153034	Trần Minh Long	DH15CD	Long			2.2	5.4	7.6	0012345678910	0123456789
7	12154239	Nguyễn Văn Luận	DH12OT	Luận		6.5	1.4	0.9	2.8	0012345678910	0123456789
8	13115271	Đặng Hoàng Lương	DH13CB	Lương			2.6	1.4	4.0	0012345678910	0123456789
9	13153013	Huỳnh Minh Lý	DH13CD	Lý			1.4	2.6	4.0	0012345678910	0123456789
10	13153150	Nguyễn Tiến Mạnh	DH13CD	Mạnh					✓	0012345678910	0123456789
11	13118209	Đỗ Văn Minh	DH13CK	Minh					✓	0012345678910	0123456789
12	14115342	Bùi Thế Mỹ	DH14CB	Mỹ					✓	0012345678910	0123456789
13	15153040	Hà Văn Nghĩa	DH15CD	Nghĩa			2.5	3	5.5	0012345678910	0123456789
14	12344172	Trịnh Hữu Nhân	CD12CI	Nhân					✓	0012345678910	0123456789
15	14153037	Lê Trung Nhân	DH14CD	Nhân			2.2	5.4	7.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03027



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 002_DH13CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 09/06/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi TV302 Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14153040	Phạm Thị Nhân	DH14CD				2.2	6.3	8.5	0012345678910	0123456789
17	13115310	Huỳnh Chí Nhơn	DH13CB				2.8	3.2	6.0	0012345678910	0123456789
18	13115315	Phạm Thị Huỳnh Như	DH13CB				2.6	2.4	5.0	0012345678910	0123456789
19	13115317	Nguyễn Hồ Phan	DH13CB	✓					✓	0012345678910	0123456789
20	14115450	Lê Thanh Phong	DH14CB				2.8	2.2	5.0	0012345678910	0123456789
21	13115324	Trần Bảo Phong	DH13CB				2.5	1.5	4.0	0012345678910	0123456789
22	13115326	Diệp Quang Phú	DH13GB				2.2	2.3	4.5	0012345678910	0123456789
23	13334155	Nguyễn Tấn Quốc	CD13CI			0.5	2.2	2.3	5.0	0012345678910	0123456789
24	12118079	Vô Hồng Quốc	DH12CK	✓					✓	0012345678910	0123456789
25	13115092	Ngô Tấn Sĩ	DH13CB				2.8	3.2	6.0	0012345678910	0123456789
26	14137062	Nguyễn Ngọc Sơn	DH14NL				1.8	3.2	5.0	0012345678910	0123456789
27	14115231	Hoàng Đình Tài	DH14CB			1	2.2	6.8	10	0012345678910	0123456789
28	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL				1.4	1.6	3.0	0012345678910	0123456789
29	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC				2.4	3.7	6.1	0012345678910	0123456789
30	13334169	Nguyễn Văn Tài	CD13CI	✓					✓	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03027



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy (207111) - 002_DH13CK_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 09/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: TV302

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp: DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13137121	Vi Văn Tấn	DH13NL				2.4	3.3	5.7	0012345678910	0123456789
32	14154049	Huỳnh Ngọc Tấn	DH14OT				3	4	7.0	0012345678910	0123456789
33	14153125	Lưu Đức Thái	DH14CD				2.2	1.9	4.1	0012345678910	0123456789
34	15114150	Lê Quỳnh Thao	DH15GN				2.6	3.6	5.6	0012345678910	0123456789
35	12153144	Lưu Thế Thắng	DH12CD				0.8	3.5	4.3	0012345678910	0123456789
36	13154054	Lê Minh Thiện	DH13OT				1.4	1.9	3.3	0012345678910	0123456789
37	13153219	Tân Thất Thiện	DH13CD						✓	0012345678910	0123456789
38	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL				2.4	0.6	3.0	0012345678910	0123456789
39	13115393	Lê Văn Thịnh	DH13CB				1.4	1.6	3.0	0012345678910	0123456789
40	13118285	Nguyễn Phú Thịnh	DH13CK						✓	0012345678910	0123456789
41	15114156	Nguyễn Công Thông	DH15CB				1.4	0.6	2.0	0012345678910	0123456789
42	13115399	Trần Thị Thanh Thu	DH13GB				2.2	3.3	5.5	0012345678910	0123456789
43	14114121	Vũ Thị Thu	DH14CB				2.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
44	13115403	Trần Văn Thuận	DH13GN				1.9	0.9	2.8	0012345678910	0123456789
45	14154059	Phạm Văn Thúc	DH14OT			1	2.2	1.3	4.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03027



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 002_DH13CK_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 09/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Trương Quang Trường

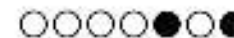
Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	14115250	Châu Ngọc	Thương	DH14GN	<i>Châu Ngọc</i>		2	1.6	3.6	0012345678910	0123456789
47	13115116	Nguyễn Hoàng	Thương	DH13GB	<i>Nguyễn Hoàng</i>		2.8	1.9	4.7	0012345678910	0123456789
48	13334212	Lâm Quốc	Tiến	CD13CI	<i>✓</i>				✓	0012345678910	0123456789
49	15137058	Nguyễn Thành	Tiến	DH15NL	<i>Nguyễn Thành</i>		2.4	3.1	5.5	0012345678910	0123456789
50	14154060	Tăng Quốc	Tiến	DH14OT	<i>Tăng Quốc</i>		2.2	3.3	5.5	0012345678910	0123456789
51	15153068	Nguyễn Huy	Toàn	DH15CD	<i>Toàn</i>		2.2	4.4	6.6	0012345678910	0123456789
52	13115120	Nguyễn Thế	Toàn	DH13CB	<i>✓</i>				✓	0012345678910	0123456789
53	15115176	Nguyễn Thị Thùy	Trung	DH15GN	<i>Nguyễn Thị Thùy</i>		2.4	1.2	3.6	0012345678910	0123456789
54	13115127	Nguyễn Văn	Trí	DH13GN	<i>Nguyễn Văn</i>		✓	1.2	1.2	0012345678910	0123456789
55	14137085	Đinh Thành	Trọng	DH14NL	<i>Đinh Thành</i>		1.8	2.2	4.0	0012345678910	0123456789
56	14153138	Phan Văn	Trọng	DH14CD	<i>Phan Văn</i>		2.2	4.8	7.0	0012345678910	0123456789
57	14115454	Hồ Hoàng	Trung	DH14CB	<i>Hồ Hoàng</i>		2.8	3.7	6.5	0012345678910	0123456789
58	13334233	Nguyễn Hoàng	Tuấn	CD13CI	<i>Nguyễn Hoàng</i>	6.5	2.4	3.7	6.6	0012345678910	0123456789
59	13138020	Trần Thanh	Tuấn	DH13TD	<i>Trần Thanh</i>				✓	0012345678910	0123456789
60	13115460	Lê Tiến	Tùng	DH13CB	<i>Lê Tiến</i>		2.2	0.5	2.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03027



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 002_DH13CK_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 09/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	14118304	Phạm Thanh Tùng	DH14CK							②①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số sinh viên dự thi: 2...Số sinh viên vắng: 11

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001 DH14CK 02

Số Tín Ch. 2

Ngày Thi 09/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phỏng Thi ID301

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp

DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 ± %	D2 30 %	D Số 70	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14115282	Nguyễn Tú Anh	DH14GN				1.8	4	5.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14153001	Nguyễn Tuấn Anh	DH14CD				2	4	6.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13137008	Vũ Tuấn Anh	DH13NL				2.8	2.7	5.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14115283	Nguyễn Thị Ánh	DH14GN				3	3.3	6.3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14137009	Hồ Thế Bảo	DH14NL				1.9	2.6	4.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13137015	Phạm Thái Minh	DH13NL				1	3.3	4.3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC				1.4	1.6	3.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14115287	Trần Công Bình	DH14GN				2.2	2.6	4.8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14115008	Nguyễn Ngọc Chi	DH14GN				1	4.7	5.7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14153007	Phạm Hòa Chính	DH14CD				3	4.4	7.4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14115011	Nguyễn Thị Minh Cư	DH14GB				2.8	4.4	7.2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14153009	Lê Mạnh Cường	DH14CD				2.4	1.6	4.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14153070	Mai Thạch Dữ	DH14CD			-0.5	2.6	4.4	6.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14153071	Thái Anh Dũng	DH14CD				2	2.1	4.1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118013	Bùi Tấn Dương	DH14CK				2.8	2.3	5.1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03028



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH14CK_02

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 09/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: HD301

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp

DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC				0.6	1.2	1.8	0001234567890	0123456789
17	14137028	Nguyễn Văn Đông	DH14NL				2.4	5.1	7.5	0001234567890	0123456789
18	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK				2.2	2.3	4.5	0001234567890	0123456789
19	14115308	Trần Thị Hào	DH14GN				2.4	1.6	4.0	0001234567890	0123456789
20	14153015	Đặng Đình Hiệp	DH14CD				1.4	3.3	4.7	0001234567890	0123456789
21	14118026	Nguyễn Đức Hiếu	DH14CK				2.2	3	5.2	0001234567890	0123456789
22	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK				1.4	0.9	2.3	0001234567890	0123456789
23	15115057	Hoàng Tăng Hoài	DH15CB				2	0.5	2.5	0001234567890	0123456789
24	14118162	Bùi Xuân Hoàng	DH14CK			-1	1.2	2.4	3.6	0001234567890	0123456789
25	14115041	Trương Văn Hoàng	DH14GN				2.2	3	5.2	0001234567890	0123456789
26	14115432	Tô Thị Huệ	DH14GN				2.2	2.3	4.5	0001234567890	0123456789
27	13137068	Lê Văn Hùng	DH13NL				2.8	3.3	6.1	0001234567890	0123456789
28	14154024	Nguyễn Phi Hùng	DH14OT				2.8	3.2	6.0	0001234567890	0123456789
29	14118170	Bùi Quang Huy	DH14CK				2.4	0.9	3.3	0001234567890	0123456789
30	14118030	Nguyễn Đức Huy	DH14CK			-1	2	1	3.0	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03028



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH14CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 09/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD301

Giảng viên: Trương Quang Trường

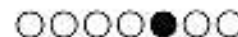
Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15137032	Nguyễn Bách	Khoa	<i>Khoa</i>			2.8	5.4	8.2	0012345678910	0123456789
32	13137079	Phan Đặng Tuấn	Khôi	<i>no</i>		-1	1.8	2.3	3.1	0012345678910	0123456789
33	13137081	Vũ Đình Nguyên	Khuong	<i>Khuong</i>			2.8	1.9	4.7	0012345678910	0123456789
34	14154030	Đỗ Đức	Linh	<i>Đỗ</i>		0.7	2.8	3.7	7.2	0012345678910	0123456789
35	14115334	Nguyễn Thành	Long	<i>Long</i>			2.2	3	5.2	0012345678910	0123456789
36	14153029	Hàng	Lực	<i>Hàng</i>			2	1	3.0	0012345678910	0123456789
37	14115339	Vũ Thị Sao	Mai	<i>Đỗ</i>			1.8	1.7	3.5	0012345678910	0123456789
38	14153103	Nguyễn Đức	Nam	<i>Đức</i>			2	1.6	3.6	0012345678910	0123456789
39	14137004	Nguyễn Hoài	Nam	<i>Đức</i>			2.4	1.6	4.0	0012345678910	0123456789
40	14153107	Đinh Như	Nhân	<i>Nhân</i>			2	4.5	6.5	0012345678910	0123456789
41	14153039	Nguyễn Văn	Nhân	<i>Nhân</i>			2	6.8	8.8	0012345678910	0123456789
42	14137051	Nguyễn Hữu	Nhật	<i>Nhật</i>			2.2	3	5.2	0012345678910	0123456789
43	14153041	Vũ Minh	Nhật	<i>Nhật</i>			2	2	4.0	0012345678910	0123456789
44	14118048	Bùi Hoàng	Phong	<i>Phong</i>			1.4	1.2	2.6	0012345678910	0123456789
45	14115224	Trần Hoài	Phuong	<i>Phong</i>			1	1.2	2.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03028



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH14CK_02

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 09/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: HD301

Giảng viên: Trương Quang Trường

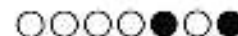
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14118057	Tạ Minh Quân	DH14CK						✓	0012345678910	0123456789
47	14118240	Trịnh Văn Sơn	DH14CK	<i>V Sơn</i>			2.4	4.4	6.8	0012345678910	0123456789
48	14137065	Nguyễn Minh Tài	DH14NL	<i>N Tài</i>		1	2.8	2	5.8	0012345678910	0123456789
49	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK	<i>Trần Văn Tài</i>			2.8	2.8	5.5	0012345678910	0123456789
50	14153049	Nguyễn Thanh Tâm	DH14CD	<i>N Tâm</i>			1.4	1.6	3.0	0012345678910	0123456789
51	14114399	Võ Nguyễn Huy Tâm	DH14GN	<i>Vũ Nguyễn Huy Tâm</i>			2.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
52	14115109	Huỳnh Duy Tân	DH14GN	<i>Huỳnh Duy Tân</i>		1	2.8	6.4	9.2	0012345678910	0123456789
53	14115372	Nguyễn Văn Thạch	DH14GN	<i>Nguyễn Văn Thạch</i>		-1	1.8	2.2	3.4	0012345678910	0123456789
54	14137069	Ngô Văn Thanh	DH14NL	<i>Ngô Văn Thanh</i>			1.5	4	5.5	0012345678910	0123456789
55	14154142	Trương Quang Thanh	DH14OT	<i>Trương Quang Thanh</i>			2	2.3	4.3	0012345678910	0123456789
56	14115237	Nguyễn Hiếu Thảo	DH14GN	<i>Nguyễn Hiếu Thảo</i>			1.8	2.2	4.0	0012345678910	0123456789
57	14153129	Phạm Hoàng Thân	DH14CD	<i>Phạm Hoàng Thân</i>		1	2	2.3	5.3	0012345678910	0123456789
58	14137074	Nguyễn Mậu Thiết	DH14NL	<i>Nguyễn Mậu Thiết</i>			1.8	3.3	5.0	0012345678910	0123456789
59	14153133	Nguyễn Văn Thuận	DH14CD	<i>Nguyễn Văn Thuận</i>			3	5.8	8.8	0012345678910	0123456789
60	13118056	Võ Đức Tiến	DH13CC	<i>Võ Đức Tiến</i>			1.4	3.2	5.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03028



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_DH14CK_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 09/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD301

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp

DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	13118301	Lê Đức Tín	DH13CC				2.8	2.8	5.6	0012345678910	0123456789
62	14153137	Phạm Ngọc Tri	DH14CD				2	4	6.0	0012345678910	0123456789
63	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK			-1	1.4	1.6	2.0	0012345678910	0123456789
64	13137156	Dương Minh Tú	DH13NL				2.8	2.2	5.0	0012345678910	0123456789
65	14137089	Đinh Như Tuấn	DH14NL						✓	0012345678910	0123456789
66	14153140	Nguyễn Mạnh Tuấn	DH14CD				4	6	10.0	0012345678910	0123456789
67	14137092	Cao Tấn Tùng	DH14NL				1.4	1.9	4.3	0012345678910	0123456789
68	14153143	Nguyễn Thanh Tùng	DH14CD				2.8	1.7	4.5	0012345678910	0123456789
69	14137091	Phạm Đức Tuyên	DH14NL				1.2	4.8	7.0	0012345678910	0123456789
70	14115418	Đặng Trọng Quốc Việt	DH14GN				2.4	2.1	4.5	0012345678910	0123456789
71	14153062	Trịnh Thành Việt	DH14CD				2.8	4.5	7.3	0012345678910	0123456789
72	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK				2.2	1.9	4.1	0012345678910	0123456789
73	14137100	Huỳnh Nhật Vy	DH14NL				2.2	2.3	4.5	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Lành (T84)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm LTH	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15138001	Trương Văn An	DH15TD			8	9	4.5	6.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15138002	Bùi Thị Vân	DH15TD			8	10	3.5	5.7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15154002	Đậu Đức	DH15OT			8	8	5.0	6.2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15138005	Dương Võ	DH15TD	✓						○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15154008	Nguyễn Hữu	DH15OT			8	8	4.0	5.6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15138007	Trương Thành	DH15TD			5	9	6.0	6.4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15138010	Đặng Xuân	DH15TD	✓						○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15118012	Trần Thanh	DH15CK			5	8	3.0	4.4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14154080	Nguyễn Hoàng	DH14OT	✓						○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15138016	Nguyễn Quý	DH15TD			5	9	2.0	4.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15138018	Nguyễn Hữu	DH15TD			8	9	7.5	7.9	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15138019	Nguyễn Vũ Hoàng	DH15TD			8	9.5	4.0	5.9	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15138020	Võ Hải	DH15TD			5	6	3.0	4.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15138017	Hồ Thanh	DH15TD			8	10	8.0	8.4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15118011	Lê Văn	DH15CC			8	10	8.0	8.4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	15138012	Nguyễn Hữu	DH15TD			5	6.5	4.5	5.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15138013	Phạm Thành	DH15TD			5	4	2.0	3.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15138011	Quách Tiến	DH15TD			8	9.5	6.0	7.1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Lành (T84)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm ĐTB	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15138008	Huỳnh Tuấn Hải	Đang	DH15TD		8	8	4.0	5.4	○○○12345678910	0123456789
20	15138014	Trương Công	Định	DH15TD		8	10	7.0	7.8	○○○12345678910	0123456789
21	15138015	Lê Phan Nguyễn Thọ	Đức	DH15TD		5	8	4.0	5.0	○○○12345678910	0123456789
22	15153015	Lê Cảnh Trường	Giung	DH15CD		8	8	5.0	6.2	○○○12345678910	0123456789
23	15138021	Phạm Thị Thủy	Hằng	DH15TD		9	9.5	7.5	8.2	○○○12345678910	0123456789
24	15153018	Dương Thanh	Hân	DH15CD		9	9	7.5	8.1	○○○12345678910	0123456789
25	15153021	Đặng Trung	Hậu	DH15CD		8	9	8.0	8.2	○○○12345678910	0123456789
26	15154022	Phan Phước	Hiền	DH15OT		8	8	5.0	6.2	○○○12345678910	0123456789
27	15138026	Ngô Văn	Hoàn	DH15TD		8	9.5	7.0	7.7	○○○12345678910	0123456789
28	15137030	Vũ Gia	Huy	DH15NL		5	6	5.0	5.2	○○○12345678910	0123456789
29	15138029	Đào Hữu	Huỳnh	DH15TD		5	8	7.0	6.8	○○○12345678910	0123456789
30	15138027	Bùi Hữu	Hưng	DH15TD	✓					○○○12345678910	0123456789
31	15138030	Nguyễn Duy	Kha	DH15TD		8	8	1.0	3.8	○○○12345678910	0123456789
32	15118044	Huỳnh Quốc	Khanh	DH15CC		8	10	7.0	7.8	○○○12345678910	0123456789
33	15138032	Nguyễn Văn	Khê	DH15TD		8	9	7.0	7.6	○○○12345678910	0123456789
34	15138038	Nguyễn Hoàng	Long	DH15TD		8	8	4.5	5.9	○○○12345678910	0123456789
35	15138036	Huỳnh Tấn	Lộc	DH15TD		5	6	3.0	4.0	○○○12345678910	0123456789
36	15138039	Nguyễn Hồ Tấn	Lạc	DH15TD		7	9	8.0	8.0	○○○12345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Lành (T84)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	15138041	Trương Đức Minh	DH15TD			8	4	5.0	5.4	○○○12345678910	0123456789
38	15138042	Vũ Văn Minh	DH15TD			8	9	5.0	6.4	○○○12345678910	0123456789
39	15118066	Hoàng Văn Nam	DH15CK			8	8	4.0	5.6	○○○12345678910	0123456789
40	14118040	Hoàng Vương Nam	DH14CC			8	9	9.5	9.1	○○○12345678910	0123456789
41	15118070	Lý Nghé	DH15CK			8	8	3.0	5.0	○○○12345678910	0123456789
42	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK			8	8	6.0	6.8	○○○12345678910	0123456789
43	15138043	Trần Thành Nghĩa	DH15TD			5	8	4.0	5.0	○○○12345678910	0123456789
44	15153041	Bùi Hồng Ngọc	DH15CD			8	10	7.0	7.8	○○○12345678910	0123456789
45	13118035	Nguyễn Đình Nhật	DH13CK			5	3	2.0	2.8	○○○12345678910	0123456789
46	15153047	Mai Tấn Phát	DH15CD			8	10	7.0	7.8	○○○12345678910	0123456789
47	15153048	Đinh Hoàng Phương	DH15CD			8	10	9.5	9.3	○○○12345678910	0123456789
48	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD			8	3	6.0	5.6	○○○12345678910	0123456789
49	15153051	Nguyễn Anh Quân	DH15CD			8	9	5.0	6.4	○○○12345678910	0123456789
50	15138049	Nguyễn Hoàng Quân	DH15TD			5	8	3.0	4.4	○○○12345678910	0123456789
51	15138052	Nguyễn Quốc Quyền	DH15TD			5	4	3.0	3.6	○○○12345678910	0123456789
52	15138053	Vũ Tiến Sang	DH15TD			5	6.5	2.0	3.5	○○○12345678910	0123456789
53	15137044	Trần Xuân Sơn	DH15NL			8	8	5.0	6.2	○○○12345678910	0123456789
54	15154045	Trần Suker	DH15OT			8	9.8	5.0	6.6	○○○12345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Lành (T84)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm Đ1	Điểm Đ2	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	15153056	Trần Tấn Tài	DH15CD	<i>Trần Tấn Tài</i>		8	8	6.0	6.8		○○○12345678910	0123456789
56	15138056	Dương Thành Tâm	DH15TD	<i>Dương Thành Tâm</i>		8	4.5	1.5	3.4		○○○12345678910	0123456789
57	15138057	Nguyễn Minh Tâm	DH15TD	✓							○○○12345678910	0123456789
58	15137047	Phạm Thị Thanh Tâm	DH15NL	<i>Phạm Thị Thanh Tâm</i>		8	6.5	1.5	3.8		○○○12345678910	0123456789
59	15138059	Phạm Hồng Thái	DH15TD			8	8	2.5	4.7		○○○12345678910	0123456789
60	15118095	Dương Tấn Thành	DH15CK	<i>Dương Tấn Thành</i>		8	8	4.0	5.6		○○○12345678910	0123456789
61	15138060	Lê Quốc Thắng	DH15TD	<i>Lê Quốc Thắng</i>		8	10	7.0	7.8		○○○12345678910	0123456789
62	15138061	Phan Thị Mạnh Thắng	DH15TD	<i>Phan Thị Mạnh Thắng</i>		5	9	4.5	5.5		○○○12345678910	0123456789
63	15138062	Nguyễn Hữu Thiên	DH15TD	<i>Nguyễn Hữu Thiên</i>		8	9	7.5	7.9		○○○12345678910	0123456789
64	15138063	Trần Duy Thiệu	DH15TD	<i>Trần Duy Thiệu</i>		8	9	7.5	7.9		○○○12345678910	0123456789
65	15138064	Nguyễn Phước Toàn Thịnh	DH15TD	<i>Nguyễn Phước Toàn Thịnh</i>		8	8	4.0	5.6		○○○12345678910	0123456789
66	15138065	Nguyễn Tấn Thịnh	DH15TD	<i>Nguyễn Tấn Thịnh</i>		5	6	3.0	4.0		○○○12345678910	0123456789
67	15118106	Trần Trung Tin	DH15CK	<i>Trần Trung Tin</i>		8	5	1.5	3.5		○○○12345678910	0123456789
68	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD	<i>Nguyễn Huy Toàn</i>		8	8	2.0	4.4		○○○12345678910	0123456789
69	15118115	Vô Minh Trí	DH15CK	<i>Vô Minh Trí</i>		5	5.5	6.0	5.7		○○○12345678910	0123456789
70	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL	<i>Đỗ Bảo Trọng</i>		8	9	8.0	8.2		○○○12345678910	0123456789
71	15138069	Nguyễn Trần Nghĩa Trọng	DH15TD	<i>Nguyễn Trần Nghĩa Trọng</i>		8	7	5.5	6.3		○○○12345678910	0123456789
72	15153071	Hồ Thái Trung	DH15CD	<i>Hồ Thái Trung</i>		8	6	2.0	4.0		○○○12345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 04

CBGD: Nguyễn Văn Lành (T84)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
73	15138070	Nguyễn Đình Lâm Tú	DH15TD	✓						○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	15153073	Nguyễn Anh Tuấn	DH15CD	Xuân		8	8	6.5	8.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	15138071	Nguyễn Đình Tùng	DH15TD	Tùng		8	8	4.5	5.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	15118127	Phan Xuân Tùng	DH15CK	Tùng		8	9.5	8.0	8.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	15138072	Lê Thúc Vĩnh	DH15TD	✓						○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	15118136	Đỗ Văn Vương	DH15CK	Đỗ Văn		8	9.3	6.5	8.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	15138023	Trần Văn Vương	DH15TD	Trần Văn		9	9.5	9.5	9.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	15138073	Nguyễn Hoàng Xuyên	DH15TD	Nguyễn		5	8	5.0	5.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vàng:

Hiện diện:

Cần bổ cui thi 1

Cán hệ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Câu hỏi chấm thi 2

Nguyễn Văn Tuấn

Nahar
Lê Văn Tuấn

Sub
Army - Air - Navy


Nguyen Van Thanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Lành (T84)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK			8	7	6,3	6,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
2	15118003	Nguyễn Tuấn Anh	DH15CK			5	7,5	6,3	6,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
3	15118002	Phan Huỳnh Ân	DH15CK							○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
4	15118006	Nguyễn Châu Bình	DH15CK			5	9,5	4	5,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
5	15137005	Nguyễn Đức Báu	DH15NL			5	6	6,3	6,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
6	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK			5	9,8	5,5	6,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
7	15153005	Mai Tuấn Cường	DH15CD			8	9	7,8	8,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
8	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK			5	7,5	7	6,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
9	15118026	Ngô Hồng Duy	DH15CK			8	5	6,8	6,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
10	15153013	Nguyễn Trường Duy	DH15CD			5	8,5	6,5	6,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
11	15118010	Lâm Văn Đại	DH15CK			8	9	6,5	7,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
12	15118014	Châu Tấn Đạt	DH15CK			8	8,5	7,8	8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
13	15118015	Nguyễn Quốc Đạt	DH15CK			8	9,5	7,3	7,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
14	15118017	Đoàn Ngọc Đông	DH15CK			8	10	6,5	7,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
15	15118019	Nguyễn Tấn Đông	DH15CK			5	8	5	5,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
16	15118020	Huỳnh Văn Đức	DH15CK			8	9	6,5	7,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
17	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC			8	9,5	6,3	7,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●
18	14138048	Nguyễn Hữu Hải	DH14TD			5	9,5	5,8	6,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Lành (T84)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC			8	9,5	7,0	7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15118031	Nguyễn Bình Phương Hậu	DH15CK			5	9,8	6,0	6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15137017	Phạm Phước Hậu	DH15NL			8	9,5	8,2	8,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15138023	Nguyễn Thế Hiền	DH15TD	✓						○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15118032	Ngô Đại Hiệp	DH15CK			5	5,5	2,8	3,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15118036	Nguyễn Trọng Hiếu	DH15CK			8	9	7,8	8,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	15153023	Lê Trung Hiếu	DH15CD			5	7,5	5,0	5,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	15153026	Nguyễn Trung Hiếu	DH15CD			9	8,3	1,8	4,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK			5	6,5	6	5,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	15118038	Lê Sĩ Hoàng	DH15CK			8	9	7,5	7,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	15118041	Đỗ Quang Huy	DH15CK			8	8,5	9,3	8,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	13334081	Nguyễn Bá Huy	CD13CI	✓						○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	15118040	Nguyễn Quang Hưng	DH15CK			8	8	6,3	7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	15137031	Nguyễn Hữu Kha	DH15NL			5	3	1,3	2,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK			8	9,3	6,3	7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	15118046	Trần Văn Khôi	DH15CK			8	9,3	6,5	7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	15118049	Nguyễn Văn Lâm	DH15CK			8	8	7,5	7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	15118051	Mai Văn Lịch	DH15CK	✓						○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Lành (T84)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	15118054	Đặng Duy Long	DH15CK			8	9	6,5	7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	15118055	Lê Thanh Long	DH15CK			5	8,5	7,5	7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	15118056	Nguyễn Nhật Long	DH15CK			5	9,5	7	7,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	15153033	Phạm Văn Long	DH15CD			8	9	6,3	7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	15118058	Nguyễn Thành Luân	DH15CK			8	9	7	7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	15153036	Nguyễn Xuân Luận	DH15CD	✓						○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	13138260	Hoàng Đức Lương	DH13TD	✓						○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	15118060	Phạm Văn Mai	DH15CK			5	9,5	6,3	6,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	15118061	Doãn Minh Mẫn	DH15CC			5	8,5	5	5,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	15118062	Lăng Văn Minh	DH15CK			8	9	5,8	6,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	15137038	Nguyễn Văn Nhiên	DH15NL			9	9,5	7,5	8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	15118078	Nguyễn Tấn Phát	DH15CK			8	9,5	5,8	7,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
49	15118081	Trương Văn Phúc	DH15CK			8	7,5	6,8	7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	15118086	K"	DH15CK			8	8	8,3	8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	15118089	Lê Văn Song	DH15CK			8	9	8,5	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK			8	9	7	7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	15118090	Huỳnh Quốc Tài	DH15CK			7	8,5	7,3	7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK			8	9,5	6,8	7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Lành (T84)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
55	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH15OT			5	9,8	6,3	6,7	○○○1234567890	0123456789
56	14154051	Nguyễn Trọng Thành	DH14OT			8	9,5	7,5	8,0	○○○1234567890	0123456789
57	13138199	Trịnh Việt	DH13TD			5	4	7	6,0	○○○1234567890	0123456789
58	15118094	Nguyễn Đoàn Thắng	DH15CK			8	9,5	6,3	7,3	○○○1234567890	0123456789
59	15118099	Huỳnh Nhật Thiện	DH15CK			5	0	5	4,0	○○○1234567890	0123456789
60	15118101	Phạm Minh Thiện	DH15CK			8	6,5	3,8	5,2	○○○1234567890	0123456789
61	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC			5	7	3,5	4,5	○○○1234567890	0123456789
62	13153024	Lê Văn Thuận	DH13CD			5	6	3,8	4,5	○○○1234567890	0123456789
63	15118104	Hoàng Ngọc Tiến	DH15CK			8	8	7	7,4	○○○1234567890	0123456789
64	15118110	Vũ Công Toàn	DH15CK			5	9	7,3	7,2	○○○1234567890	0123456789
65	15118111	Trần Văn Toàn	DH15CK			8	7	6,5	6,9	○○○1234567890	0123456789
66	14138106	Nguyễn Trọng Trí	DH14TD			5	6,8	6,8	6,4	○○○1234567890	0123456789
67	15118117	Lý Ngọc Trọng	DH15CK			8	9,5	4,8	6,4	○○○1234567890	0123456789
68	14118284	Nguyễn Đức	DH14CK							○○○1234567890	0123456789
69	15153072	Vũ Văn Truyền	DH15CD			8	7,5	1,8	4,2	○○○1234567890	0123456789
70	15118121	Lê Quang Trường	DH15CK			5	10	3,3	5,4	○○○1234567890	0123456789
71	15118123	Trần Thanh Tú	DH15CK			8	10	9	9,0	○○○1234567890	0123456789
72	15153074	Trương Khắc Viện	DH15CD			5	7,8	6,8	6,6	○○○1234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 05

CBGD: Nguyễn Văn Lành (T84)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
73	15118131	Dương Quốc Việt	DH15CK			8	8	5,5	6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
74	15118132	Phạm Thế Vinh	DH15CK			8	8,5	7	7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
75	15118133	Đặng Hoàng Vũ	DH15CK			8	7,8	6,3	6,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
76	15118135	Bùi Nhật Vương	DH15CC			8	8,5	1,8	4,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
77	15118137	Nguyễn Quốc Vương	DH15CK			5	9,3	5	5,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
78	15154072	Trần Quốc Vy	DH15OT			5	9,5	6,5	6,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
79	15118138	Hồ Sỹ ý	DH15CK							○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
80	15118139	Nguyễn Thành ý	DH15CK			5	9,3	5,8	6,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 8

Hiện diện: 72

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/hệ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Văn Lành

Đặng Tuấn Dũng

Lê Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DH16CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD203 Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

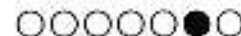
Lớp DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15138001	Trương Văn An	DH15TD	An		8	2	2	3,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	16154007	Nguyễn Tuấn Anh	DH16OT	Anh		8	0	5	4,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD	Anh		8	5	2	3,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD	An		8	2	0	2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	15153003	Đào Lưu Bình	DH15CD	Binh		7	6	8	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	16153004	Dư Tiến Công	DH16CD	Con		8	4	5	5,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	16153005	Vô Thái Công	DH16CD	Con		8	6	3	4,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	15138007	Trương Thành Cua	DH15TD	Cua		7	7	4	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	15138010	Đặng Xuân Danh	DH15TD	Danh		5	2	0	1,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD	Danh		7	6	9	3,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	15118012	Trần Đình Danh	DH15CK	Danh		8	6	5	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	16153016	Đặng Quốc Duy	DH16CD	Duy		8	7	6,5	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	16153017	Đoàn Văn Duy	DH16CD	Duy		8	8	8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	15138018	Nguyễn Hữu Duy	DH15TD	Duy		7	2	2	3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	15138019	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	DH15TD	Duy		8	2	0,5	2,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03045



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DH16CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

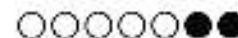
Lớp DH16CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	16153014	Lê Văn Dự	DH16CD			8	4	4	4,8	0012345678910	0123456789
17	16154023	Lê Đại Dương	DH16OT			8	5	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
18	15118023	Nguyễn Minh	DH15CC			8	4	2,5	3,9	0012345678910	0123456789
19	15118024	Nguyễn Văn Hoàng	DH15CC			7	3	4,5	4,7	0012345678910	0123456789
20	16154017	Trần Quang Đạt	DH16OT			8	9	7	7,6	0012345678910	0123456789
21	15138008	Huỳnh Tuấn Hải	DH15TD			8	5	5	5,6	0012345678910	0123456789
22	16153020	Lê Kim Hải	DH16CD			7	3	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
23	16153021	Nguyễn Nhật	DH16CD							0012345678910	0123456789
24	16154029	Trần Sĩ Hào	DH16OT			8	5	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
25	15138023	Nguyễn Thế	DH15TD							0012345678910	0123456789
26	16153025	Lê Hoà Hiệp	DH16CD			8	3	5	5,2	0012345678910	0123456789
27	16153026	Cao Đình Hiếu	DH16CD			7	7	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
28	16153027	Hàn Tấn Hiếu	DH16CD			8	8	8	8	0012345678910	0123456789
29	16153034	Nguyễn Mạnh Hùng	DH16CD			7	3	0	2	0012345678910	0123456789
30	16153037	Trần Đức Huy	DH16CD			8	4	0	2,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03045



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DH16CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH16CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	16153039	Đặng Huỳnh	DH16CD	<i>huỳnh</i>		6	0	2,5	2,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	15138030	Nguyễn Duy	DH15TD	<i>duy</i>		8	3	0	2,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	16153041	Phạm Quốc	DH16CD	<i>Quốc</i>		8	5	6,5	6,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14153024	Ngô Tường	DH14CD	<i>tường</i>		6	4	0	2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 32 Số sinh viên vắng: 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*Phạm Minh Hiền**Cao Đức Lân**Đặng Huỳnh**Nguyễn Huy Bích*
PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 002_DH16CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD301 Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH16CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử) Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16153048	Huỳnh Phúc Linh	DH16CD			8	4	5	5,4	○○○12345678910	○○123456789
2	15138038	Nguyễn Hoàng Long	DH15TD			8	5	0	2,6	○○○12345678910	○○123456789
3	15118056	Nguyễn Nhật Long	DH15CK			8	7	5,5	6,3	○○○12345678910	○○123456789
4	15138036	Huỳnh Tấn Lộc	DH15TD			6	3	2,5	3,3	○○○12345678910	○○123456789
5	16153052	Nguyễn Thanh Luận	DH16CD			8	7	6,5	6,9	○○○12345678910	○○123456789
6	15153036	Nguyễn Xuân Luận	DH15CD							○○○12345678910	○○123456789
7	16153054	Nguyễn Thanh Anh Mạnh	DH16CD							○○○12345678910	○○123456789
8	15138041	Trương Đức Minh	DH15TD			6	6	2	3,6	○○○12345678910	○○123456789
9	16153056	Đặng Toàn Mỹ	DH16CD			8	5	3	4,4	○○○12345678910	○○123456789
10	15118066	Hoàng Văn Nam	DH15CK			6	4	0	2	○○○12345678910	○○123456789
11	14118200	Phạm Quang Nam	DH14CK			7	3	2	3,2	○○○12345678910	○○123456789
12	15118073	Phạm Đỗ Trung Nghĩa	DH15CK							○○○12345678910	○○123456789
13	15138043	Trần Thành Nghĩa	DH15TD			6	3	2	3	○○○12345678910	○○123456789
14	16153060	Lê Nguyên Ngọc	DH16CD			7	7	7,5	7,3	○○○12345678910	○○123456789
15	16153063	Nguyễn Hoài Phong	DH16CD			8	8	9,5	8,9	○○○12345678910	○○123456789



Mã nhận dạng 03046



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 002_DH16CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD301 Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

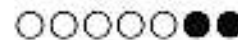
Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13154158	Nguyễn Hoài Phương	DH13OT							0012345678910	0123456789
17	16153067	Hoàng Lê Minh Quân	DH16CD			8	5	1	3,2	0012345678910	0123456789
18	16153068	Lê Quốc Quý	DH16CD			8	6	5	5,8	0012345678910	0123456789
19	15153054	Nguyễn Sỹ	DH15CD			8	4	3	4,2	0012345678910	0123456789
20	16153072	Đỗ Tam Tài	DH16CD			8	7	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
21	16153076	Nguyễn Quốc Tâm	DH16CD			8	5	2	3,8	0012345678910	0123456789
22	16153080	Phạm Đình Thái	DH16CD			8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
23	16153082	Tô Thanh	DH16CD			8	5	4	5	0012345678910	0123456789
24	15118095	Dương Tấn Thành	DH15CK			6	4	3,5	4,1	0012345678910	0123456789
25	16153081	Lê Văn Thắng	DH16CD			8	6	5	5,8	0012345678910	0123456789
26	16153091	Phạm Thị Cát Tiên	DH16CD			8	6	7	7	0012345678910	0123456789
27	15118104	Hoàng Ngọc Tiên	DH15CK			8	2	1	2,6	0012345678910	0123456789
28	16153093	Nguyễn Lê Tinh	DH16CD			8	6	1,5	3,7	0012345678910	0123456789
29	16153094	Nguyễn Vũ Tịnh	DH16CD			8	4	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
30	16153096	Huỳnh Văn Trọng	DH16CD			8	4	8,5	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03046



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 002_DH16CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD301

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D. Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118088	Hồ Hoàng Tuấn	DH14CK			7	7	8	7,6	0012345678910	0123456789
32	16153100	Lê Anh Tuấn	DH16CD			8	5	3	4,4	0012345678910	0123456789
33	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD			7	4	1,5	3,1	0012345678910	0123456789
34	16153104	Trần Xuân Viên	DH16CD			6	8	2	4	0012345678910	0123456789
35	16153106	Nguyễn Hồng Việt	DH16CD							0012345678910	0123456789
36	16153107	Lâm Văn Vinh	DH16CD			8	5	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
37	15138072	Lê Thúc Vinh	DH15TD							0012345678910	0123456789
38	16153108	Huỳnh Tấn Vũ	DH16CD			7	4	4,5	4,9	0012345678910	0123456789
39	16153110	Nguyễn Đình Tuấn Vũ	DH16CD			7	9	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
40	15118137	Nguyễn Quốc Vương	DH15CK			7	3	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
41	15118139	Nguyễn Thành Ý	DH15CK			8	5	3	4,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 35 Số sinh viên vắng: 06

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Bảng Ghi Điểm Thi

Diễn thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001 DH5CK 02

Sở Tin Ch 2

Ngày Thi: 07/06/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD205

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp

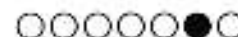
DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK			8	5	2	3,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15154002	Đậu Đức Anh	DH15OT			7	7	0	2,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15118006	Nguyễn Châu Bình	DH15CK			8	4	2	3,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC			7	5	1	3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15118009	Nguyễn Quốc Cường	DH15CK			8	4	7	6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14154080	Nguyễn Hoàng Diễm	DH14OT							○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK			7	7	2	4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15118026	Ngô Hồng Duy	DH15CK			7	6	2	3,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15118010	Lâm Văn Đại	DH15CK			7	2	2,5	3,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC			8	8	8	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15118015	Nguyễn Quốc Đạt	DH15CK			8	4	0	2,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15118016	Phạm Hữu Định	DH15CK			7	5	5	5,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15118017	Đoàn Ngọc Đông	DH15CK			7	8	4,5	5,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15118019	Nguyễn Tấn Đồng	DH15CK			7	5	3	4,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15118020	Huỳnh Văn Đức	DH15CK			8	5	3	4,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03043



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DH15CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD205 Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

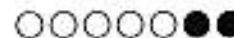
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến hải sản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118149	Hà Văn Giao	DH14CC			7	4	4	4,6	0012345678910	0123456789
17	15154019	Vũ Duy Hà	DH15OT			8	5	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
18	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC			7	6	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
19	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD			7	5	4	4,8	0012345678910	0123456789
20	16154027	Ngô Trần Nhựt	DH16OT			7	8	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
21	15118037	Nguyễn Công Hòa	DH15CK			8	3	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
22	15118038	Lê Sĩ Hoàng	DH15CK			9	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
23	13153108	Bàn Thế Hồng	DH13CD			8	7	1	3,6	0012345678910	0123456789
24	13334081	Nguyễn Bá Huy	CD13CI							0012345678910	0123456789
25	14118030	Nguyễn Đức Huy	DH14CK			9	8	1	4	0012345678910	0123456789
26	15138029	Đào Hữu Huỳnh	DH15TD			6	2	0	1,6	0012345678910	0123456789
27	14118186	Phạm Anh Khoa	DH14CK			9	8	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
28	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK			8	5	3	4,4	0012345678910	0123456789
29	15118046	Trần Văn Khôi	DH15CK			8	7	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
30	15118049	Nguyễn Văn Lâm	DH15CK			8	6	2,5	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03043



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DH15CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD205

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D. Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14153025	Phạm Thanh Lâm	DH14CD	<i>Phạm Thanh Lâm</i>		8	7	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
32	15118051	Mai Văn Lịch	DH15CK							0012345678910	0123456789
33	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT	<i>Linh</i>		8	6	0,5	3,1	0012345678910	0123456789
34	15118054	Đặng Duy Long	DH15CK	<i>Long</i>		8	5	6,5	6,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 31. Số sinh viên vắng: 03

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*Nguyễn Văn Tuấn Anh**Nguyễn Thanh Dũng**Nguyễn Tuấn Dũng**Bích*

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 002 DH15CK 02

Số Tin Ch. 2

Ngày Thi: 07/06/2017

Giờ Thi: 09:30

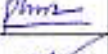
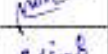
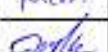
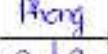
Phòng Thi TV301

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lan

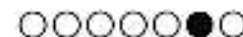
DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115063	Nguyễn Bảo Lộc	DH13CB			8	5	3,5	4,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15118052	Trào An Lộc	DH15CC			8	4	5	5,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14154034	Đỗ Trọng Lôi	DH14OT							○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14138019	Nguyễn Thành Luân	DH14TD			8	5	0	2,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15118058	Nguyễn Thành Luân	DH15CK			8	6	8	7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15118060	Phạm Văn Mai	DH15CK			8	7	4,5	5,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15118061	Doãn Minh Mẫn	DH15CC			8	4	1	3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15118062	Lăng Văn Minh	DH15CK			8	6	5	5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK			8	6	2,5	4,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118207	Nguyễn Lê Nguyễn	DH14CK			6	8	4	5,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118042	Nguyễn Trung Nguyên	DH14CK			9	8	5	6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15118078	Nguyễn Tấn Phát	DH15CK			8	5	3	4,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118215	Võ Tấn Phát	DH14CC			8	5	3	4,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT			6	8	6	6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15118081	Trương Văn Phúc	DH15CK			8	7	4,5	5,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03044



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 002_DH15CK_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV301

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp

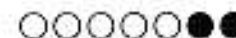
DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC	<i>Thư</i>		8	5	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
17	15118084	Bùi Quốc Qui	DH15CC	<i>Qui</i>		8	7	8	7,8	0012345678910	0123456789
18	15118086	K" San	DH15CK	<i>Sau</i>		6	6	4	4,8	0012345678910	0123456789
19	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC	<i>Sơn</i>		8	5	4	5	0012345678910	0123456789
20	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK							0012345678910	0123456789
21	15153059	Lương Văn Tấn	DH15CD	<i>Tấn</i>		6	7	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
22	15153060	Nguyễn Hữu Thạch	DH15CD	<i>Thạch</i>		5	6	2,5	3,7	0012345678910	0123456789
23	15118097	Vũ Trung Thành	DH15CC							0012345678910	0123456789
24	14154053	Võ Hoàng Thắng	DH14OT	<i>Thắng</i>		8	4	2,5	3,9	0012345678910	0123456789
25	15118099	Huỳnh Nhật Thiện	DH15CK	<i>Thiện</i>		0	0	1,5	0,9	0012345678910	0123456789
26	15118101	Phạm Minh Thiện	DH15CK	<i>Thiện</i>		8	7	3	4,8	0012345678910	0123456789
27	15154058	Lê Đoàn Trường Thịnh	DH15OT	<i>Thịnh</i>		7	6	0	2,6	0012345678910	0123456789
28	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC	<i>Thọ</i>		8	5	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
29	13138217	Nguyễn Đức Tiến	DH13TD							0012345678910	0123456789
30	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK	<i>Trí</i>		7	5	1	3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03044



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 002_DH15CK_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV301

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118283	Lê Đức Trọng	DH14CK			8	7	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
32	14153138	Phan Văn Trọng	DH14CD			8	5	2,5	7,1	0012345678910	0123456789
33	15118121	Lê Quang Trường	DH15CK			8	7	1	3,6	0012345678910	0123456789
34	15118130	Huỳnh Tấn Vàng	DH15CC			8	6	6	6,4	0012345678910	0123456789
35	15118129	Nguyễn Xuân Văn	DH15CK			8	7	8	7,8	0012345678910	0123456789
36	13153029	Trần Văn Vị	DH13CD			6	6	3	4,2	0012345678910	0123456789
37	15118132	Phạm Thế Vinh	DH15CK			8	3	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
38	13153272	Đinh Quốc Vũ	DH13CD			7	7	6	6,4	0012345678910	0123456789
39	15118136	Đỗ Văn Vương	DH15CK			8	7	7	7,2	0012345678910	0123456789
40	15118138	Hồ Sỹ Ý	DH15CK							0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 32. Số sinh viên vắng: 05

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Anh Khoa

Lê Khắc Quý

Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy gia công cơ học NSTP (207216) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

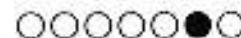
Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bừa quần NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118070	Lê Hồng Anh	DH13CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14118002	Lê Văn Thế Anh	DH14CC	<i>Thao</i>		8,0	6,0	5,0	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
3	13118075	Vũ Văn Anh	DH13CC	<i>Ng</i>		8,0	5,0	6,5	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC	<i>Ng</i>		7,0	4,0	5,5	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
5	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC	<i>Chau</i>		8,0	5,0	5,5	5,9	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
6	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC	<i>Chi</i>		7,0	6,0	5,0	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
7	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC	<i>Thai</i>		7,0	5,0	5,5	5,7	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
8	14118118	Phạm Đức Công	DH14CC	<i>Phu</i>		9,0	7,0	8,0	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC	<i>Nguy</i>		7,0	6,0	7,5	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118014	Nguyễn Bảo Đàm	DH14CC	<i>Nguy</i>		8,0	7,0	7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
11	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC	<i>Nguy</i>		9,0	6,0	6,5	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
12	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC	<i>Nguy</i>		8,0	7,0	7,0	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
13	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC	<i>Nguy</i>		7,0	5,0	5,0	5,4	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
14	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC	<i>Pham</i>		8,0	6,0	6,0	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
15	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC	<i>Pham</i>		8,0	4,0	7,0	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9



Mã nhận dạng 03049



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy gia công cơ học NSTP (207216) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

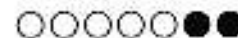
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118148	Cao Thanh	Giang	DH14CC		9,5	5,0	6,5	6,8	0012345678910	00123456789
17	14118149	Hà Văn	Giao	DH14CC		7,0	6,0	6,5	6,5	0012345678910	00123456789
18	14118021	Đỗ Kỳ	Hà	DH14CC		7,0	4,0	7,0	6,4	0012345678910	00123456789
19	12118033	Đỗ Văn	Hải	DH12CC		8,0	5,0	6,0	6,2	0012345678910	00123456789
20	13118014	Bùi Văn	Hào	DH13CC		7,0	6,0	5,0	5,6	0012345678910	00123456789
21	14118154	Lê Doãn	Hào	DH14CC		9,0	7,0	9,5	8,9	0012345678910	00123456789
22	14118160	Võ Đức	Hiệp	DH14CC		9,0	4,0	7,0	6,8	0012345678910	00123456789
23	14118167	Nguyễn Văn	Hóa	DH14CC		9,0	5,0	6,5	6,7	0012345678910	00123456789
24	14118029	Đào Văn	Huy	DH14CC		6,0	4,0	6,0	5,6	0012345678910	00123456789
25	14118031	Nguyễn Trường	Huy	DH14CC		8,0	6,0	5,5	6,1	0012345678910	00123456789
26	14118178	Trần Ngọc	Hùng	DH14CC		7,0	5,0	5,5	5,7	0012345678910	00123456789
27	14118181	Phạm Duy	Khanh	DH14CC		8,0	6,0	5,5	6,1	0012345678910	00123456789
28	13118022	Trần Anh	Kiệt	DH13CC		5,0	3,0	5,5	4,9	0012345678910	00123456789
29	14118036	Nguyễn Thành	Lê	DH14CC		7,0	7,0	4,0	5,2	0012345678910	00123456789
30	13118196	Lê Văn	Linh	DH13CC		7,0	5,0	5,5	5,7	0012345678910	00123456789



Mã nhận dạng 03049



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy gia công cơ học NSTP (207216) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 26/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

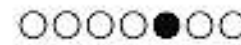
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118037	Trần Đình Hải Long	DH14CC	<i>Long</i>		7,5	8,0	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
32	14118193	Trần Như	DH14CC	<i>Long</i>		7,0	6,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
33	14118040	Hoàng Vương	DH14CC	<i>Nguyen</i>		7,0	7,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
34	14118206	Lê Từ	DH14CC	<i>Nguyen</i>		7,0	6,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
35	14118208	Vũ Tấn	DH14CC	<i>Kg</i>		8,0	7,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
36	14118045	Trần Trọng	DH14CC	<i>Nh</i>		6,5	7,0	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
37	14118046	Nguyễn Phúc Bảo	DH14CC	<i>Nguyen</i>		7,0	8,0	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
38	14118215	Vũ Tấn	DH14CC	<i>Nguyen</i>		9,0	3,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
39	14118048	Bùi Hoàng	DH14CC	<i>Phuong</i>		7,0	3,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
40	14118219	Trần Nguyễn Hoàng	DH14CC	<i>Nguyen</i>		8,0	6,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
41	14118228	Trần Hữu	DH14CC	<i>Phuoc</i>		7,0	5,0	6,5	6,3	0012345678910	0123456789
42	14118222	Nguyễn Thành	DH14CC	<i>Phuong</i>		7,0	6,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
43	14118234	Nguyễn Thiện	DH14CC	<i>Quang</i>		6,5	4,0	3,5	4,2	0012345678910	0123456789
44	14118059	Lê Văn	DH14CC	<i>Quyen</i>		7,0	5,0	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
45	14118237	Trần Quốc	DH14CC	<i>Sang</i>		7,5	4,0	5,0	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03049



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy gia công cơ học NSTP (207216) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch. 3

Ngày Thi 26/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm TC
46	14118238	Trương Tuấn Sang	DH14CC			7,0	7,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
47	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC			6,5	6,0	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
48	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC			6,0	6,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
49	14118063	Huỳnh Ngân Tâm	DH14CC							0012345678910	0123456789
50	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC			7,0	6,0	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
51	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC			7,0	4,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
52	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC			7,5	5,0	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
53	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC			7,0	6,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
54	14118274	Trần Văn Thương	DH14CC			9,0	6,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
55	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CC			7,0	6,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
56	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC			7,0	2,0	5,5	5,1	0012345678910	0123456789
57	14118076	Nguyễn Văn Toán	DH14CC			6,5	7,0	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
58	14118078	Nguyễn Công Trọng	DH14CC			7,0	4,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
59	14118080	Cao Văn Trình	DH14CC			7,0	6,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
60	14118287	Lê Văn Trung	DH14CC			7,0	4,0	6,0	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03049



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Máy gia công cơ học NSTP (207216) - 001_DH14CC_01

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi 26/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trung 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	13118319	Nguyễn Huy Trung	DH13CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	14118092	Nguyễn Hoàng Anh Tú	DH14CC	<i>[Signature]</i>		9,0	7,0	5,5	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	14118296	Nguyễn Duy Tuấn	DH14CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	14118319	Lê Anh Tuấn	DH14CC	<i>[Signature]</i>		7,0	6,0	5,0	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	13118333	Nguyễn Anh Tuấn	DH13CC	<i>[Signature]</i>		7,0	7,0	8,0	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC	<i>[Signature]</i>		9,0	0	5,5	5,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	14118089	Nguyễn Nhật Tuyên	DH14CC	<i>[Signature]</i>		7,0	6,0	5,5	5,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC	<i>[Signature]</i>		7,0	7,0	6,5	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	14118094	Lê Minh Vũ	DH14CC	<i>[Signature]</i>		6,5	5,5	5,5	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	13118354	Lê Lương Tuấn Vũ	DH13CC	<i>[Signature]</i>		7,0	4,0	4,0	4,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Ngày 15 Tháng 8 Năm 2017

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng:.....

Cán bộ coi thi 1

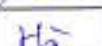
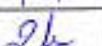
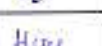
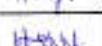
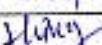
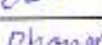
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

[Signature]
Huỳnh Văn Đức*[Signature]*
Lê Văn Tuấn*[Signature]*
Đặng Hữu Dũng*[Signature]*
Nguyễn Văn Công Chính

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC			5,5	8,0	3,0	4,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC			8,0	8,0	5,5	6,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC			8,0	8,5	9,0	8,7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC			5,5	8,5	4,5	5,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC			6,0	8,5	6,5	6,8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			5,5	9,0	6,0	6,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14118021	Đỗ Kỳ Hà	DH14CC			7,0	8,0	4,5	5,7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118160	Võ Đức Hiệp	DH14CC			6,8	9,5	8,0	8,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118167	Nguyễn Văn Hòa	DH14CC			7,0	8,5	8,5	8,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC			6,0	8,0	6,0	6,4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH14CC			8,0	8,5	6,0	6,9	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14118178	Trần Ngọc Hưng	DH14CC			7,8	8,0	8,0	8,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14137046	Nguyễn Nhật Khoa	DH14NL			8,0	8,0	8,0	8,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13137087	Bùi Phú Hoàng	DH13NL			5,5	8,0	4,5	5,4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC			5,5	8,5	5,0	5,8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03055



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật sấy (207222) - 001_DH14CC_02**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 30/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp

DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC			7,0	9,0	4,5	5,9	001234567890	0123456789
17	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC			6,5	8,0	5,0	5,9	001234567890	0123456789
18	14137057	Trần Phước Sang	DH14NL			6,5	8,0	4,0	5,3	001234567890	0123456789
19	14118238	Trương Tuấn Sang	DH14CC			7,0	9,0	8,5	8,3	001234567890	0123456789
20	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC			7,0	7,0	7,0	7,0	001234567890	0123456789
21	14137005	Nguyễn Hữu Thế	DH14NL			7,5	9,0	5,0	6,3	001234567890	0123456789
22	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC			7,0	8,5	5,5	6,4	001234567890	0123456789
23	14118274	Trần Văn Thường	DH14CC			8,0	9,5	9,0	8,9	001234567890	0123456789
24	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CC			6,5	8,5	5,0	6,0	001234567890	0123456789
25	14118078	Nguyễn Công Trọng	DH14CC			6,0	8,0	5,0	5,8	001234567890	0123456789
26	14118080	Cao Văn Trinh	DH14CC			7,5	9,5	4,5	6,1	001234567890	0123456789
27	14118296	Nguyễn Duy Tuấn	DH14CC							001234567890	0123456789
28	14137092	Cao Tấn Tùng	DH14NL			6,5	9,0	4,0	5,5	001234567890	0123456789
29	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC			9,0	8,5	8,5	8,6	001234567890	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học: 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Thiết bị lạnh (207422) - 001 DH13NL 01

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi: 14/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

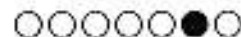
Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13137006	Mai Thế Anh	DH13NL				9 7	7.6	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
2	13137008	Vũ Tuấn Anh	DH13NL				9 4	5.5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
3	13137011	Nguyễn Thiên Ân	DH13NL				7 4	4.9	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
4	13137015	Phạm Thái Minh	DH13NL				7 6	6.3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13137019	Nguyễn Văn Bình	DH13NL				9 7	7.6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
6	13137029	Lê A	DH13NL				8 3	4.5	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
7	13137041	Trần Ngọc Dũng	DH13NL				8 3	4.5	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
8	13137048	Nguyễn Văn Đăng	DH13NL				8 8	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13137052	Huỳnh Tấn Hạnh	DH13NL				7 3.5	4.6	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
10	13137053	Cao Gia Hân	DH13NL				7 8	7.7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
11	13137001	Nguyễn Duy Hậu	DH13NL				7 6	6.3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13137056	Đỗ Văn Hiếu	DH13NL				6 7.5	7.1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13137059	Nguyễn Ngọc Hoan	DH13NL				7 6	6.3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13137062	Hồ Thanh Hoàng	DH13NL				7 5.5	6.0	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13137068	Lê Văn Hùng	DH13NL				8 4	5.2	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03071



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Thiết bị lệnh (207422) - 001_DH13NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 14/06/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi TV202 Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13137074	Mai Quang Khánh	DH13NL				6	3.5	4.3	0012345678910
17	13137076	Đỗ Đăng Khoa	DH13NL				8	3.5	4.9	0012345678910
18	13137079	Phan Đặng Tuấn	DH13NL				8	6.8	7.2	0012345678910
19	13137080	Lê Thành Khôi	DH13NL				7	6.8	6.9	0012345678910
20	13137081	Vũ Đình Nguyên	DH13NL				9	4	5.5	0012345678910
21	13137083	Chu Bá Hoàng Lâm	DH13NL				9	7	7.6	0012345678910
22	12137019	Phan Văn Linh	DH12NL				8	7	7.3	0012345678910
23	13137085	Nguyễn Thanh Long	DH13NL				7	8	7.7	0012345678910
24	13137087	Bùi Phú Hoàng Nam	DH13NL				8	7.5	7.7	0012345678910
25	13137097	Đặng Nguyễn	DH13NL				9	7	7.6	0012345678910
26	12137034	Vô Thanh Nhanh	DH12NL				0	0	0	0012345678910
27	13137100	Đinh Mai Nhật	DH13NL				8	7	7.3	0012345678910
28	13137102	Trần Minh Nhựt	DH13NL				8	6.5	7.0	0012345678910
29	13137103	Nguyễn Tăng Phát	DH13NL				8	6	6.6	0012345678910
30	13137105	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL				9	6.5	7.3	0012345678910



Mã nhận dạng 03071



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Thiết bị lạnh (207422) - 001_DH13NL_01

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi 14/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH13NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ3 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13137106	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL				8	4	5.2	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	13137109	Bùi Văn Phúc	DH13NL				8	7	7.3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
33	13137110	Nguyễn Minh Phúc	DH13NL				9	7.5	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	13137111	Nguyễn Quốc Phúc	DH13NL				9	6	6.9	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
35	13137116	Nguyễn Đức Reo	DH13NL				9	5.5	6.6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
36	13137119	Nguyễn Hải Sơn	DH13NL				8	4	5.2	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
37	13137124	Vũ Đức Tân	DH13NL				7	7	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	10137029	Nguyễn Tăng Thành	DH10NL				0	0	0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	13137130	Lương Tấn Thanh	DH13NL				9	8	8.3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
40	13137128	Phan Lê Ngọc Thảo	DH13NL				8	6	6.6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
41	13137131	Lê Hoàng Thắng	DH13NL				6	0	0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	13137133	Nguyễn Đại Thiên	DH13NL				7	5	5.6	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
43	13137135	Trần Hoàng Thiên	DH13NL				6	4	4.6	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
44	13137138	Phạm Ngọc Thiện	DH13NL				9	6	6.9	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
45	13137140	Nguyễn Vĩnh Thuận	DH13NL				0	0	0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03071



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Thiết bị lạnh (207422) - 001_DH13NL_01

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi 14/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chức vụ	Số tờ	D1 %	D2 %	D3 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13137146	Đình Thanh	Toán	DH13NL			8	6.5	5.6	0012345678910	0123456789
47	13137147	Phạm Thế	Toán	DH13NL			8	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
48	13137151	Lê Minh	Tri	DH13NL			7	5	5.6	0012345678910	0123456789
49	13137152	Trần Anh	Tri	DH13NL			8	0	0	0012345678910	0123456789
50	13137154	Nguyễn Văn	Trưởng	DH13NL			7	7.5	7.4	0012345678910	0123456789
51	13137157	Doãn Nhật	Tủ	DH13NL			9	5	6.2	0012345678910	0123456789
52	13137158	Nguyễn Minh	Tủ	DH13NL			9	5	6.2	0012345678910	0123456789
53	13137003	Nguyễn Tuấn	Tủ	DH13NL			9	7	7.6	0012345678910	0123456789
54	13137155	Nguyễn Thanh	Tuấn	DH13NL			6	7	6.7	0012345678910	0123456789

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng:.....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

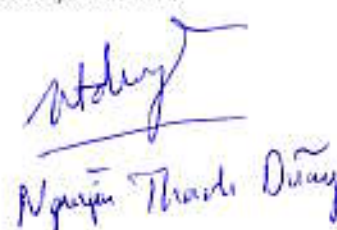


Cán Bộ Chấm Thi 1



PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật năng lượng tái tạo (207430) - 001_DH14NL_01**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 16/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Nguyễn Văn Lành

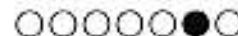
Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	D.Sá 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118122	Nguyễn Cường	DH14CK			8.0	9.0	5.5	6.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	13137029	Lê A Đăng	DH13NL			6.0	8.0	4.0	5.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	14137018	Trương Hoàng Dú	DH14NL			8.0	9.0	7.5	7.9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	13137032	Đỗ Văn Duy	DH13NL			9.0	8.0	7.0	7.4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	13118097	Nguyễn Hoàng Duy	DH13CK							○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	14137016	Trần Thanh Duy	DH14NL							○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	14137017	Châu Văn Duyệt	DH14NL			8.0	8.0	8.0	8.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	14137024	Nguyễn Đức Dương	DH14NL			7.0	8.0	5.0	6.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	14137026	Đào Minh Đạt	DH14NL			7.0	8.0	5.5	6.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	14137028	Nguyễn Văn Đông	DH14NL			8.0	9.0	3.5	5.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	13118132	Nguyễn Văn Hải	DH13CK			8.0	8.0	4.0	5.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	14137002	Lê Nguyễn Việt Hào	DH14NL			8.0	8.5	1.5	4.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	13118133	Nguyễn Hoàng Hào	DH13CK			6.0	10.0	5.0	6.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	14137036	Nguyễn Hồng Hiếu	DH14NL			6.0	9.0	1.5	3.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	14137042	Ngô Thị Ngọc Huyền	DH14NL			7.0	9.0	4.0	5.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 03075



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật năng lượng tái tạo (207430) - 001_DH14NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 16/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Nguyễn Văn Lành

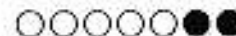
Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 40%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14137044	Nguyễn Văn Ka	DH14NL			8.0	9.0	4.0	5.8	001234567890	0123456789
17	14137045	Nguyễn Quốc Khanh	DH14NL			7.0	9.0	2.0	4.4	001234567890	0123456789
18	14118185	Hoàng Nguyễn Anh Khoa	DH14CK			6.0	9.0	3.3	5.0	001234567890	0123456789
19	14137046	Nguyễn Nhật	DH14NL			8.0	8.5	6.5	5.4	001234567890	0123456789
20	14118188	Trần Nguyễn Phương	DH14CK			7.0	9.0	5.5	6.5	001234567890	0123456789
21	15118046	Trần Văn	DH15CK			8.0	8.5	5.5	6.5	001234567890	0123456789
22	13137081	Vũ Đình Nguyên	DH13NL			8.0	8.0	3.5	5.3	001234567890	0123456789
23	14137048	Lê Thế	DH14NL			8.0	9.0	5.0	6.4	001234567890	0123456789
24	13118208	Bùi Lương Bảo	DH13CK			8.0	8.0	4.0	5.6	001234567890	0123456789
25	14137003	Nguyễn Tấn	DH14NL			8.0	9.0	4.0	5.8	001234567890	0123456789
26	13137087	Bùi Phú Hoàng	DH13NL			8.0	8.0	3.0	5.0	001234567890	0123456789
27	14137004	Nguyễn Hoài	DH14NL			8.0	9.0	4.0	5.8	001234567890	0123456789
28	13118030	Trần Quốc	DH13CK			8.0	8.0	5.5	6.5	001234567890	0123456789
29	13118033	Phạm Đình	DH13CK			6.0	8.0	5.0	5.8	001234567890	0123456789
30	14137051	Nguyễn Hữu	DH14NL			8.0	9.0	2.0	4.6	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03075



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật năng lượng tái tạo (207430) - 001_DH14NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 16/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Nguyễn Văn Lành

Lớp

DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Điểm %	D2 Điểm %	D. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14137053	Lê Minh Nhut	DH14NL			8.0	8.5	4.0	5.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14118216	Nguyễn Nhật Phi	DH14CK			8.0	9.0	5.5	6.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13137110	Nguyễn Minh Phúc	DH13NL			8.0	8.0	4.8	6.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13118044	Nguyễn Như Quỳnh	DH13CK			6.0	8.0	3.0	4.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14137057	Trần Phước Sang	DH14NL			8.0	9.0	3.3	5.4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14137062	Nguyễn Ngọc Sơn	DH14NL			8.0	8.0	3.0	4.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL			8.0	8.0	1.0	3.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	14137065	Nguyễn Minh Tài	DH14NL			8.0	8.0	8.0	8.4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14118062	Đỗ Văn Tào	DH14CK			8.0	9.0	3.0	5.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14137068	Nguyễn Việt Tân	DH14NL			8.0	8.0	7.5	7.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	14137069	Ngô Văn Thanh	DH14NL			6.0	8.0	3.0	4.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	14137070	Trần Văn Thành	DH14NL			8.0	8.0	3.0	5.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	14137005	Nguyễn Hữu Thế	DH14NL			8.0	8.5	5.0	6.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	14137073	Nguyễn Thanh Thế	DH14NL			8.0	9.0	4.5	6.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	14137080	Nguyễn Ngọc Thuận	DH14NL			8.0	9.0	4.0	5.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03075



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật năng lượng tái tạo (207430) - 001_DH14NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 16/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Nguyễn Văn Lành

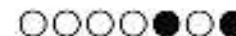
Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 Đ1 %	Đ2 Đ2 %	Đ.Số Đ.Số %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14137083	Vũ Quốc Tĩnh	DH14NL			8.0	9.0	4.3	6.0	0012345678910	0123456789
47	13137147	Phạm Thế Toàn	DH13NL			8.0	8.0	1.8	4.3	0012345678910	0123456789
48	14137085	Đinh Thành Trọng	DH14NL			6.0	8.0	3.5	4.9	0012345678910	0123456789
49	13118364	Trương Công Hoài	DH13CK			8.0	8.0	2.8	4.9	0012345678910	0123456789
50	14137088	Huỳnh Văn Trường	DH14NL			8.0	8.0	2.0	4.2	0012345678910	0123456789
51	13137157	Đoàn Nhật Tú	DH13NL			8.0	9.0	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
52	13137003	Nguyễn Tuấn Tú	DH13NL			8.0	8.0	5.0	6.0	0012345678910	0123456789
53	14137006	Triệu Kim Tú	DH14NL			8.0	9.0	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
54	14137089	Đinh Như Tuấn	DH14NL							0012345678910	0123456789
55	14137092	Cao Tấn Tùng	DH14NL			8.0	9.0	2.0	4.6	0012345678910	0123456789
56	14137093	Trần Bá Tùng	DH14NL			8.0	8.0	4.5	5.9	0012345678910	0123456789
57	14137091	Phạm Đức Tuyên	DH14NL			8.0	9.0	4.3	5.8	0012345678910	0123456789
58	13118064	Nguyễn Văn Ty	DH13CK			8.0	8.0	3.3	5.0	0012345678910	0123456789
59	14137095	Trương Thế Vinh	DH14NL			8.0	9.0	4.0	5.8	0012345678910	0123456789
60	14137099	Trương Quốc Vương	DH14NL			8.0	9.0	4.5	6.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03075



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật năng lượng tái tạo (207430) - 001_DH14NL_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 16/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Nguyễn Văn Lành

Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ1 %	D2 Đ2 %	D.Số Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	14137100	Huỳnh Nhật Vy	DH14NL			7.0	8.0	5.0	6.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 58 Số sinh viên vắng: 3

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Lê Văn Truân

 Lê Khắc Quý

 Bộ Môn

 Nguyễn Văn Lành

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học Nhóm **Kỹ thuật năng lượng tái tạo (207430)** - ĐHH DH14CK 02

Số Tiếp Chi 3

Ngày Thi: 16/06/2017

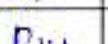
Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đ1 %	Đ2 Đ2 %	Đ.Số Đ.Số %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118097	Trần Lâm An	DH14CK			5.4	9	4.5	5.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13137008	Vũ Tuấn Anh	DH13NL			5.0	8	4.5	5.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK			6.6	9	6.3	6.9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13137019	Nguyễn Văn Bình	DH13NL			5.0	8	6.0	6.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK			6.0	8	5.0	5.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118007	Võ Văn Cảnh	DH14CK			5.4	9	5.5	6.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14118117	Lê Tiến Công	DH14CK			7.2	9	7.5	7.7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK			6.0	9	5.0	6.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118132	Nguyễn Võ Trí	DH14CK			7.2	9	4.5	5.9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118017	Nguyễn Thanh Diễm	DH14CK			6.2	8	4.5	5.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118141	Trần Văn Diệp	DH14CK			6.0	8	6.0	6.4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13137052	Huỳnh Tấn Hạnh	DH13NL			4.8	8	3.8	4.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13137056	Đỗ Văn Hiếu	DH13NL			4.2	8	6.0	6.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK			4.8	9	4.0	5.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118162	Bùi Xuân Hoàng	DH14CK			5.4	8	5.0	5.7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03074



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật năng lượng tái tạo (207430) - 001_DH14CK_02

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 16/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 20 %	D. Số 60 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118164	Tôn Nhật Hoàng	DH14CK			5.6	8	6.0	6.3	0012345678910	0123456789
17	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK			6.6	8	4.5	5.6	0012345678910	0123456789
18	14118030	Nguyễn Đức Huy	DH14CK			6.0	0	2.5	2.8	0012345678910	0123456789
19	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK			5.4	9	6.0	6.5	0012345678910	0123456789
20	14118186	Phạm Anh Khoa	DH14CK			6.0	8	5.0	5.8	0012345678910	0123456789
21	14118034	Đinh Đức Kiên	DH14CK			4.8	9	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
22	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			6.2	9	4.0	5.4	0012345678910	0123456789
23	14118192	Lê Thành Long	DH14CK			5.4	9	5.0	5.9	0012345678910	0123456789
24	14118038	Thượng Công Lộc	DH14CK			7.2	8	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
25	14118198	Mai Văn Minh	DH14CK			6.6	9	5.0	6.1	0012345678910	0123456789
26	14118200	Phạm Quang Nam	DH14CK			5.4	8	3.5	4.8	0012345678910	0123456789
27	13137097	Đặng Nguyên	DH13NL			5.4	8	3.5	4.8	0012345678910	0123456789
28	14118207	Nguyễn Lê Nguyễn	DH14CK			5.6	9	3.0	4.8	0012345678910	0123456789
29	14118214	Nguyễn Xuân Phát	DH14CK			5.6	8	4.0	5.1	0012345678910	0123456789
30	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK			6.2	8	4.5	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03074



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật năng lượng tái tạo (207430) - 001_DH14CK_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 16/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D. Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118218	Phạm Thanh Phong	DH14CK	Phong		6.0	8	5.5	6.1	0012345678910	00123456789
32	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK	Phuc		5.4	8	4.5	5.4	0012345678910	00123456789
33	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK	Phuc		6.6	8	5.0	5.9	0012345678910	00123456789
34	14118226	Nguyễn Tấn Phước	DH14CK	Phuc		5.0	8	6.0	6.4	0012345678910	00123456789
35	14137056	Trần Minh Quang	DH14NL	Quang		6.6	8	4.5	5.6	0012345678910	00123456789
36	14118057	Tạ Minh Quân	DH14CK	✓						0012345678910	00123456789
37	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK	Quoc		4.0	8	6.5	6.3	0012345678910	00123456789
38	14118239	Văn Công Sĩ	DH14CK	Si		6.0	0	6.0	4.8	0012345678910	00123456789
39	13137119	Nguyễn Hải Sơn	DH13NL	Son		6.2	8	7.5	7.3	0012345678910	00123456789
40	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK	Tai		6.0	9	8.0	7.8	0012345678910	00123456789
41	14137074	Nguyễn Mậu Thiết	DH14NL	Thiet		7.2	9	8.0	8.0	0012345678910	00123456789
42	14118264	Nguyễn Xuân Thiệu	DH14CK	Thieu		6.6	9	4.5	5.8	0012345678910	00123456789
43	14118267	Nguyễn Hoàng Thông	DH14CK	✓						0012345678910	00123456789
44	14118268	Nguyễn Nhật Thông	DH14CK	✓						0012345678910	00123456789
45	14118084	Ngô Văn Trung	DH14CK	✓						0012345678910	00123456789



Mã nhận dạng 03074



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm **Kỹ thuật năng lượng tái tạo (207430) - 001_DH14CK_02**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 16/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: TV303

Giảng viên: Nguyễn Huy Bích

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	D.Số %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK			5.4	9	5.0	5.9	0012345678910	0123456789
47	14118292	Nguyễn Tấn Truyền	DH14CK			6.8	8	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
48	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK			5.4	8	6.5	6.6	0012345678910	0123456789
49	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK			6.0	9	3.8	5.3	0012345678910	0123456789
50	14118304	Phạm Thanh Tùng	DH14CK							0012345678910	0123456789
51	14118305	Trương Thanh Tùng	DH14CK			5.0	9	6.0	6.4	0012345678910	0123456789
52	14118309	Bùi Thanh Vinh	DH14CK							0012345678910	0123456789
53	14118311	Trần Xuân Vinh	DH14CK			7.2	8	7.0	7.2	0012345678910	0123456789
54	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK			6.0	9	5.0	6.0	0012345678910	0123456789
55	14137097	Lê Hoàng Vũ	DH14NL			6.2	9	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
56	14118315	Trần Bá Vương	DH14CK							0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 49 Số sinh viên vắng: 7

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Thanh Dũng

 Phan Thị Hiền

 Bộ Môn

 Cán Bộ Chấm Thi 1

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm **Cầm biển trong điều khiển (207501) - 001_DH14TD_01**

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 07/06/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Lê Văn Bạt

Lớp **DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138027	Lương Thế Anh	DH12TD			0	1,5		1,2	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13138027	Bùi Minh Bảo	DH13TD			✓	✓		✓	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14138036	Nguyễn Hữu Nguyên	DH14TD			7,0	2,5		3,4	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13138030	Trần Huy	DH13TD			8,0	5,25		5,8	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14138002	Nguyễn Mạnh Cường	DH14TD			9,0	6,5		7,0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14138003	Võng	DH14TD			7,0	1,0		2,2	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14138042	Tô Đình Dân	DH14TD			8,5	5,25		5,9	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13138002	Trương Quang Đại	DH13TD			5,0	3,0		3,4	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14138007	Sầm Văn Đạo	DH14TD			✓	✓		✓	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14138045	Nguyễn Thành Đạt	DH14TD			9,0	7,25		7,6	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14138047	Lương Hồng Đông	DH14TD			8,0	2,5		3,2	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13138003	Lương Đình Đồng	DH13TD			8,0	5,25		5,8	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14138009	Hoàng Văn Anh Đức	DH14TD			1,5	5,0		5,7	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13138051	Ngô Lộc Trường	DH13TD			6,0	2,5		3,2	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13138052	Tô Minh Đức	DH13TD			6,0	2,5		3,2	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03077



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Cảm biến trong điều khiển (207501) - 001_DH14TD_01**

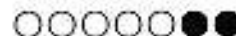
Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Lê Văn Bạ

Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14138048	Nguyễn Hữu Hải	DH14TD			6,5	2,0		2,9	0012345678910	0123456789
17	13138060	Phan Hồng Hải	DH13TD			3,5	6,0		6,3	0012345678910	0123456789
18	13138068	Hoàng Minh Hiếu	DH13TD			3,0	3,5		4,2	0012345678910	0123456789
19	14138051	Lê Văn Hiếu	DH14TD			6,0	2,0		3,2	0012345678910	0123456789
20	13138076	Vô Minh Hòa	DH13TD			6,0	2,5		3,2	0012345678910	0123456789
21	12138047	Dương Văn Hoàn	DH12TD			3,0	1,5		2,2	0012345678910	0123456789
22	13138263	Hạ Tiến Hoàng	DH13TD			8,0	5,5		6,0	0012345678910	0123456789
23	14138011	Nguyễn Chánh Hoàng	DH14TD			3,0	2,0		3,0	0012345678910	0123456789
24	13138005	Đậu Việt Hùng	DH13TD			6,0	2,5		3,2	0012345678910	0123456789
25	13138085	Hoàng Thanh Hùng	DH13TD			V	V		V	0012345678910	0123456789
26	12138055	Huỳnh Tấn Hưng	DH12TD			6,5	4,0		4,5	0012345678910	0123456789
27	13138089	Tô Văn Hưng	DH13TD			6,0	2,0		2,8	0012345678910	0123456789
28	14138056	Vô Thành Hưng	DH14TD			8,5	3,5		4,5	0012345678910	0123456789
29	13138090	Hà Văn Hương	DH13TD			8,0	5,25		6,2	0012345678910	0123456789
30	14138014	Trần Quang Khải	DH14TD			3,0	2,5		3,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03077

Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Cảm biến trong điều khiển (207501) - 001_DH14TD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Lê Văn Bạt

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13138097	Trần Tiến	Khôi	DH13TD	<i>Khoa</i>	6,5	2,0		2,9	00102345678910	0123456789
32	13138098	Vũ Văn	Khuong	DH13TD	<i>[Signature]</i>	7,0	3,0		3,8	00102345678910	0123456789
33	13138099	Cao Hoàng	Lâm	DH13TD	<i>Abay</i>	8,5	6,5		6,9	00102345678910	0123456789
34	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng	Lâm	DH14TD	V	V	V		V	00102345678910	0123456789
35	14138017	Trần Đức	Lâm	DH14TD	V	V	V		V	00102345678910	0123456789
36	13138103	Nguyễn Đình	Lâm	DH13TD	<i>Lam</i>	7,0	1,5		2,6	00102345678910	0123456789
37	13138008	Phan Xuân	Liêm	DH13TD	<i>Uey</i>	6,0	2,0		2,8	00102345678910	0123456789
38	14138018	Nguyễn Hoàng	Long	DH14TD	<i>Long</i>	8,0	5,0		5,6	00102345678910	0123456789
39	13138117	Nguyễn Quốc	Mạnh	DH13TD	<i>Quoc</i>	7,0	2,5		3,4	00102345678910	0123456789
40	13138118	Nguyễn Văn	Mến	DH13TD	<i>mao</i>	9,0	5,0		5,8	00102345678910	0123456789
41	13138010	Nguyễn Ngọc	Nam	DH13TD	<i>Nam</i>	7,0	2,0		3,0	00102345678910	0123456789
42	14138068	Võ Lê Hoài	Nam	DH14TD	<i>nam</i>	7,5	5,0		5,5	00102345678910	0123456789
43	14138070	Lê Thành	Nghĩa	DH14TD	<i>th</i>	9,0	7,0		7,4	00102345678910	0123456789
44	14138020	Lê	Nghiêm	DH14TD	<i>Pham</i>	7,5	5,0		5,5	00102345678910	0123456789
45	12138123	Nguyễn Tấn	Nghiêm	DH12TD	<i>ty</i>	7,5	5,0		5,5	00102345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03077



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Cảm biến trong điều khiển (207501) - 001_DH14TD_01**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Lê Văn Bạt

Lớp **DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14138071	Nguyễn Thị Kiều	Ngoan	DH14TD		8,0	2,5		3,6	0012345678910	0123456789
47	14138072	Nguyễn Vũ	Nguyễn	DH14TD		9,0	5,5		6,2	0012345678910	0123456789
48	14138073	Nguyễn Thành	Nhân	DH14TD		9,0	6,5		7,2	0012345678910	0123456789
49	14138021	Trần Duy	Nhân	DH14TD		7,0	2,0		3,0	0012345678910	0123456789
50	13138141	Nguyễn Huỳnh	Nhưong	DH13TD		8,0	2,0		3,2	0012345678910	0123456789
51	13138148	Phạm Khánh	Phú	DH13TD		8,0	5,0		5,6	0012345678910	0123456789
52	14138022	Bùi Thanh	Phong	DH14TD		9,0	6,5		6,8	0012345678910	0123456789
53	13138154	Huỳnh Văn	Phúc	DH13TD		8,0	3,0		3,8	0012345678910	0123456789
54	14138023	Lê Hoàng	Phúc	DH14TD		7,5	3,5		4,3	0012345678910	0123456789
55	13138157	Nguyễn Hồng	Phúc	DH13TD		6,0	5,0		5,2	0012345678910	0123456789
56	14138078	Võ Đại	Phước	DH14TD		8,0	5,0		5,6	0012345678910	0123456789
57	14138077	Võ Văn	Phương	DH14TD		8,0	6,5		6,8	0012345678910	0123456789
58	14138027	Phạm Nhật	Quang	DH14TD		7,5	5,0		5,5	0012345678910	0123456789
59	13138165	Mai Hồng	Quán	DH13TD		6,0	5,0		5,2	0012345678910	0123456789
60	13138166	Ngô Nguyễn Minh	Quán	DH13TD	V	V	V		V	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03077



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cầm biển trong điều khiển (207501) - 001_DH14TD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Lê Văn Bùn

Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	12138127	Phan Thanh Quý	DH12TD			0	2,0		2,4	001234567890	0123456789
62	13138171	Lê Tuấn Sang	DH13TD			6,0	6,25		6,2	001234567890	0123456789
63	13138172	Nguyễn Văn Sang	DH13TD			6,0	7,0		6,8	001234567890	0123456789
64	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD			5,0	3,5		3,8	001234567890	0123456789
65	13138175	Bùi Thái Sơn	DH13TD			8,5	5,0		5,7	001234567890	0123456789
66	14138083	Nguyễn Hồng Sơn	DH14TD			8,5	5,5		6,1	001234567890	0123456789
67	14138028	Phạm Văn Sỹ	DH14TD			9,0	5,25		6,0	001234567890	0123456789
68	13138185	Lê Duy Tân	DH13TD			8,5	6,0		6,5	001234567890	0123456789
69	13138192	Phạm Văn Thành	DH13TD			6,5	5,0		5,3	001234567890	0123456789
70	13138195	Hà Đình Thành	DH13TD			6,5	5,0		5,3	001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng:.....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Cảm biến trong điều khiển (207501) - 002_DH14TD_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017 - Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi HD205 Giảng viên: Lê Văn Bạ

Lớp **DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14138088	Nguyễn Đình Trung	Thành	DH14TD		3,0	2,0		3,0	○ ○ ○ ○ ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	13138198	Phan Tiến	Thành	DH13TD		3,0	3,5		4,2	○ ○ ○ ○ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	13138199	Trịnh Việt	Thành	DH13TD		3,0	5,0		5,4	○ ○ ○ ○ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	13138201	Vân Thiên	Thăng	DH13TD		✓	✓		✓	③ ○ ○ ○ ○ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	13138205	Vương Bảo	Thế	DH13TD		3,0	2,0		3,0	○ ○ ○ ○ ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	14138096	Nguyễn Công	Thiện	DH14TD		8,5	6,0		6,5	○ ○ ○ ○ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	14138098	Huỳnh Quốc	Thống	DH14TD		8,0	3,0		4,0	○ ○ ○ ○ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	14138031	Tổng Ngọc Anh	Thư	DH14TD		8,5	6,8		7,1	○ ○ ○ ○ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	14138032	Lâm Văn	Tiến	DH14TD		8,0	3,0		4,0	○ ○ ○ ○ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	13138219	Hồ	Tiếp	DH13TD		8,0	3,0		7,2	○ ○ ○ ○ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	14138100	Nguyễn Văn	Tinh	DH14TD		8,0	3,5		7,6	○ ○ ○ ○ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	13138220	Trương Tấn	Tinh	DH13TD		0	5,0		4,0	○ ○ ○ ○ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	14138034	Nguyễn Minh	Trí	DH14TD		3,5	5,0		5,5	○ ○ ○ ○ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	14138106	Nguyễn Trọng	Trí	DH14TD		3,0	2,5		3,4	○ ○ ○ ○ ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	13138231	Lê Minh	Trọng	DH13TD		6,0	2,0		2,8	○ ○ ○ ○ ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 03078



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: Cầm biển trong điều khiển (207501) - 002_DHI4TD_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 07/06/2017 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi: HD205 Giảng viên: Lê Văn Bạt

Lớp: DHI3TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D. Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13138232	Trần Hữu Trọng	DHI13TD	✓		✓	✓		✓	0012345678910	0123456789
17	14138109	Nguyễn Thái Trường	DHI14TD	Trương		8,0	5,0		5,6	0012345678910	0123456789
18	12138103	Phạm Văn Trường	DHI12TD	Phạm		6,0	3,0		3,6	0012345678910	0123456789
19	13138020	Trần Thanh Tuấn	DHI13TD	Trần		6,0	2,0		2,8	0012345678910	0123456789
20	14138113	Trịnh Châu Tử	DHI14TD	Trịnh		7,5	5,0		5,5	0012345678910	0123456789
21	13138249	Nguyễn Khánh Tường	DHI13TD	Nguyễn		9,0	7,5		7,8	0012345678910	0123456789
22	13138255	Phùng Anh Vĩ	DHI13TD	✓		✓	✓		✓	0012345678910	0123456789
23	13138254	Phạm Văn Việt	DHI13TD	Việt		9,0	5,0		5,8	0012345678910	0123456789
24	13138021	Trần Thanh Vĩnh	DHI13TD	Trần		6,5	3,0		3,7	0012345678910	0123456789
25	13138256	Nguyễn Lê Nhật Vũ	DHI13TD	✓		✓	✓		✓	0012345678910	0123456789
26	13138022	Ngô Quốc Vương	DHI13TD	Ngô		9,0	6,0		6,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 22. Số sinh viên vắng: 4.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Đào Duy Vinh

Nguyễn Văn Chơ

Nguyễn Văn Dũng

Lê Văn Bạt

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 01

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm tc
1	14153001	Nguyễn Tuấn Anh	DH14CD			6	8	7	7	○○○1234567890	0123456789
2	14153065	Lê Ngọc Ân	DH14CD			6	5	7	6,4	○○○1234567890	0123456789
3	14153003	Nguyễn Chí Bảo	DH14CD			6	8	7	7	○○○1234567890	0123456789
4	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD			8	8	7	7,4	○○○1234567890	0123456789
5	14153005	Võ Đức Bầy	DH14CD			6	8	8	7	○○○1234567890	0123456789
6	14153068	Nguyễn Hoàng Anh	DH14CD			6	8	8	7,6	○○○1234567890	0123456789
7	14153007	Phạm Hòa Chính	DH14CD			8	8	8	8	○○○1234567890	0123456789
8	14153008	Huỳnh Ngọc Cường	DH14CD			8	7	8	7,8	○○○1234567890	0123456789
9	14153070	Mai Thạch Dũ	DH14CD			4	8	8	7,2	○○○1234567890	0123456789
10	14153071	Thái Anh Dũng	DH14CD			8	8	8	8	○○○1234567890	0123456789
11	14153075	Đỗ Minh Đức	DH14CD			4	8	9	7,8	○○○1234567890	0123456789
12	14138008	Lê Văn Đồng	DH14TD			8	8	9	8,6	○○○1234567890	0123456789
13	14153013	Nguyễn Sơn Hà	DH14CD			8	8	9	8,6	○○○1234567890	0123456789
14	14153014	Hồ Đức Hải	DH14CD			8	8	9	8,6	○○○1234567890	0123456789
15	14154017	Lê Minh Hải	DH14OT			8	8	9	8,6	○○○1234567890	0123456789
16	15153016	Sân Thanh Hải	DH15CD			6	8	7	7	○○○1234567890	0123456789
17	14153079	Bùi Văn Hân	DH14CD			6	8	7	7	○○○1234567890	0123456789
18	14153080	Lê Khoa Hậu	DH14CD			8	8	7	7,4	○○○1234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 01

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14153086	Nguyễn Xuân Hoài	DH14CD			8	8	7	7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14138012	Nguyễn Duy Hoàng	DH14TD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14153088	Nguyễn Văn Hoàng	DH14CD			6	8	7	7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14153094	Hứa Tiến Hưng	DH14CD			6	8	7	7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	13153122	Mai Đức Hùng	DH13CD			7	8	7	7,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	14138057	Nguyễn Triều Khang	DH14TD			6	8	7	7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	14138058	Nguyễn Đăng Khoa	DH14TD			4	8	7	6,6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	14138016	Phạm Đăng Khôi	DH14TD			8	8	9	8,6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	13138098	Vũ Văn Khương	DH13TD			4	5	5	5,4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	14153022	Trần Tuấn Kiệt	DH14CD			8	8	9	8,6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	14153023	Đinh Thuận Duy	DH14CD			8	8	9	8,6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	14153025	Phạm Thanh Lâm	DH14CD			8	8	5	6,8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	14138064	Lê Đình Long	DH14TD			3	8	8	7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	14153102	Hồ Bảo Lộc	DH14CD			6	8	9	8,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	14153027	Nguyễn Phan Lợi	DH14CD			8	8	9	8,6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	14153028	Bùi Vũ Luân	DH14CD			8	8	8	8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	14138019	Nguyễn Thành Luân	DH14TD			6	8	8	7,6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	14153029	Hàng Lực	DH14CD			8	8	9	8,6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 01

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	13153150	Nguyễn Tiến Mạnh	DH13CD							0001234567890	0123456789
38	13153015	Chu Hoài Nam	DH13CD	Nam		8	8	9	8,6	0001234567890	0123456789
39	14153031	Lê Nhật Nam	DH14CD	Nam		6	8	9	8,2	0001234567890	0123456789
40	14153103	Nguyễn Đức Nam	DH14CD	Đức		8	8	9	8,6	0001234567890	0123456789
41	14153036	Phan Trọng Nghĩa	DH14CD	Phan		8	8	8	8	0001234567890	0123456789
42	14153107	Đinh Như Nhân	DH14CD	Nhân		8	8	8	8	0001234567890	0123456789
43	14153037	Lê Trung Nhân	DH14CD	Trung		8	8	8	8	0001234567890	0123456789
44	14153038	Lưu Thế Nhân	DH14CD	Thế		4	8	8	7,2	0001234567890	0123456789
45	14153039	Nguyễn Văn Nhân	DH14CD	Nhân		8	8	8	8	0001234567890	0123456789
46	14153040	Phạm Thị Nhân	DH14CD	Phạm		8	8	7	7,4	0001234567890	0123456789
47	14153109	Nguyễn Hiệp Duy Nhân	DH14CD	Nhân		8	8	7	7,4	0001234567890	0123456789
48	14153041	Vũ Minh Nhật	DH14CD	Minh		6	8	7	7	0001234567890	0123456789
49	13138163	Phạm Lưu Phước	DH13TD	Phạm		4	5	7	6	0001234567890	0123456789
50	14153044	Bùi Đức Phương	DH14CD	Bùi		8	8	7	7,4	0001234567890	0123456789
51	12153130	Đỗ Văn Sang	DH12CD							0001234567890	0123456789
52	14138083	Nguyễn Hồng Sơn	DH14TD	Hồng		4	8	5	5,4	0001234567890	0123456789
53	14153117	Phạm Quốc Sỹ	DH14CD	Quốc		6	8	5	5,8	0001234567890	0123456789
54	14138085	Lê Hữu Tài	DH14TD	Lê		6	8	5	5,8	0001234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 01

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
55	14153118	Phan Thương Hoài L. Tâm	DH14CD			8	8	7	7,4	○○○1234567890	0123456789
56	14153119	Trần Trí	DH14CD			8	8	9	8,6	○○○1234567890	0123456789
57	13153022	Nguyễn Hữu Tân	DH15CD			6	8	9	8,2	○○○1234567890	0123456789
58	14153123	Đỗ Hồng Thái	DH14CD			8	8	9	8,6	○○○1234567890	0123456789
59	14153125	Lưu Đức	DH14CD			4	8	9	7,8	○○○1234567890	0123456789
60	14138091	Dương Thanh Thảo	DH14TD			4	8	9	7,8	○○○1234567890	0123456789
61	13153023	Tăng Thành Thảo	DH13CD			4	8	9	7,8	○○○1234567890	0123456789
62	14153129	Phạm Hoàng Thân	DH14CD			8	8	9	8,6	○○○1234567890	0123456789
63	14153050	Nguyễn Phú Thịnh	DH14CD			8	8	9	8,6	○○○1234567890	0123456789
64	13153024	Lê Văn Thuận	DH13CD			8	8	9	8,6	○○○1234567890	0123456789
65	14153053	Nguyễn Văn Tính	DH14CD			4	8	9	7,8	○○○1234567890	0123456789
66	14138104	Phan Văn Toàn	DH14TD			4	5	5	4,8	○○○1234567890	0123456789
67	14153054	Đinh Ngọc Trán	DH14CD			8	8	5	6,2	○○○1234567890	0123456789
68	14138034	Nguyễn Minh Trí	DH14TD			4	8	5	5,4	○○○1234567890	0123456789
69	14153137	Phạm Ngọc Trí	DH14CD			4	8	5	5,4	○○○1234567890	0123456789
70	14153138	Phan Văn Trọng	DH14CD			6	8	5	5,8	○○○1234567890	0123456789
71	14153139	Lê Văn Trường	DH14CD			6	8	9	8,2	○○○1234567890	0123456789
72	14153140	Nguyễn Mạnh Tuấn	DH14CD			8	8	9	8,6	○○○1234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 01

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
73	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD	<i>Luân</i>		6	8	9	8,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
74	14153143	Nguyễn Thanh Tùng	DH14CD	<i>Tung</i>		8	8	8	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
75	14138111	Võ Xuân Tùng	DH14TD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
76	14153059	Phạm Ngọc Tuyển	DH14CD	<i>Ng</i>		4	8	8	7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
77	13138249	Nguyễn Khánh Tường	DH13TD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
78	14153060	Nguyễn Công Tường	DH14CD	<i>Tung</i>		8	8	8	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
79	13153029	Trần Văn Vị	DH13CD	<i>Vị</i>		4	8	8	7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
80	14153062	Trịnh Thành Việt	DH14CD	<i>Việt</i>		8	8	8	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 05

Hiện diện: 75

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/hộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đào Duy Vinh

Trần Văn Vị

Đào Duy Vinh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm: **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 001_DH14CC_01** Số Tin Ch: 3

Ngày Thi: **19/06/2017** Giờ Thi: **09:30** Phòng Thi: **CT102** Giảng viên: **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Lớp: **DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)** Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ Số Thi	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118002	Lê Văn Thiế Anh	DH14CC			5.25	6	9	7.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	13137008	Vũ Tuấn Anh	DH13NL			5.5	7.5	6.0	6.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD			5.5	0	3	4.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC			4.5	2	1	1.9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK			5.5	9	2	4.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC			4.75	8	5	5.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC			4	6	4.5	4.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	14153007	Phạm Hòa Chính	DH14CD			5	8	6	6.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	14118118	Phạm Đức Công	DH14CC			5.5	7	7.5	7.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	12153043	Hồ Thành Danh	DH12CD			4.5	7	4	4.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	14138042	Tô Đình Dân	DH14TD			4.75	10	8.5	8.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC			5.5	8	5	5.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	14118134	Nguyễn Văn Đại	DH14CK			6	9	8.5	8.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	14118014	Nguyễn Bảo Đàm	DH14CC			5.5	8	9	8.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			5	8	8.5	7.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 03081



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 001_DH14CC_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi CT102 Giảng viên: Nguyễn Vũ Ngọc Thạch

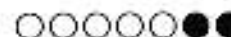
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D. Số Thi	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			4.75	8	8.5	7.7	0012345678910	0123456789
17	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC			6	8	7	7.0	0012345678910	0123456789
18	13153073	Nguyễn Văn Đâu	DH13CD			5.75	8	8.5	7.8	0012345678910	0123456789
19	14118141	Trần Văn Diệp	DH14CK			5.5	6	8	7.1	0012345678910	0123456789
20	15153010	Nguyễn Tấn Đình	DH15CD			4.5	1	1	1.7	0012345678910	0123456789
21	15153015	Lê Cảnh Trường	Giang			4.75	6	5	5.2	0012345678910	0123456789
22	14118019	Nguyễn Hùng	Giang			5	9	5	5.8	0012345678910	0123456789
23	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK			5.25	6	3	4.1	0012345678910	0123456789
24	15153016	Sân Thanh Hải	DH15CD			5	9	4	5.2	0012345678910	0123456789
25	15153018	Dương Thanh Hân	DH15CD			6	6	7	6.6	0012345678910	0123456789
26	13154020	Đặng Ngọc Hiếu	DH13OT			5.75	10	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
27	14118166	Vô Văn Hòa	DH14CK			5.5	8	3	4.5	0012345678910	0123456789
28	14118162	Bùi Xuân Hoàng	DH14CK			4.75	6	6.5	6.1	0012345678910	0123456789
29	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK			5.75	7	8	7.4	0012345678910	0123456789
30	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC		✓	5.5	6	0	2.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03081



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 001_DH14CC_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi CT102 Giảng viên: Nguyễn Vũ Ngọc Thạch

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến hàng quân NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH14CC			4.5	6	2	5.3	0012345678910	0123456789
32	14153094	Hứa Tiến Hưng	DH14CD			5	9	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
33	14118178	Trần Ngọc Hưng	DH14CC			6.25	8	9	8.3	0012345678910	0123456789
34	13138006	Đào Thanh Hữu	DH13TD			5.5	3	5	4.7	0012345678910	0123456789
35	14118181	Phạm Duy Khanh	DH14CC			7	8	7	7.2	0012345678910	0123456789
36	13118186	Đào Xuân Khôi	DH13CK			5	8.5	5	5.7	0012345678910	0123456789
37	14118189	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH14CK			5.75	7	4.5	5.3	0012345678910	0123456789
38	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC			2.5	8	4.5	4.8	0012345678910	0123456789
39	13153011	Chu Văn Long	DH13CD			5.5	8	5	5.7	0012345678910	0123456789
40	13153012	Nguyễn Hữu Lộc	DH13CD			5.75	5	3	4.0	0012345678910	0123456789
41	14118038	Thượng Công Lộc	DH14CK			4.25	3	6.5	5.4	0012345678910	0123456789
42	13118209	Đỗ Văn Minh	DH13CK	✓	✓	0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
43	14118040	Hoàng Vương Nam	DH14CC			6	9	9.5	8.7	0012345678910	0123456789
44	13137097	Đặng Nguyễn	DH13NL			4.75	8.5	5.5	6.0	0012345678910	0123456789
45	14118206	Lê Từ Nguyên	DH14CC			5	6	1	2.8	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 002_DH14CC_01** Số Tin Ch **3**

Ngày Thi **19/06/2017** Giờ Thi: **09:30** Phòng Thi **HD303** Giảng viên: **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

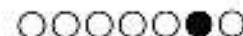
Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D. Số T. kết	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK	<i>[Signature]</i>		5	8	7	6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	14153038	Lưu Thế Nhân	DH14CD	<i>[Signature]</i>		6,25	7	8	7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	14153109	Nguyễn Hiệp Duy	DH14CD	<i>[Signature]</i>		6	9	5,5	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	14118046	Nguyễn Phúc Bảo	DH14CC	<i>[Signature]</i>		5,25	6	5	5,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	14118047	Nguyễn Hữu Phát	DH14CC	<i>[Signature]</i>		5	7	6,5	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	14118215	Vô Tấn Phát	DH14CC	<i>[Signature]</i>		4,25	8	5	4,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC	<i>[Signature]</i>		4,75	7	6	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK	<i>[Signature]</i>		6,25	6	6	6,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK	<i>[Signature]</i>		4,5	6	4	4,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	13154045	Tăng Hồng Phúc	DH13OT	<i>[Signature]</i>		5	9	2	4,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC	<i>[Signature]</i>		5,5	7	7	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	13154158	Nguyễn Hoài Phương	DH13OT	<i>[Signature]</i>		4,75	8	7	6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC	<i>[Signature]</i>		5,25	6	5,5	5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC	<i>[Signature]</i>		6	8	2	4,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	14138027	Phạm Nhật Quang	DH14TD	<i>[Signature]</i>		5	8	8,5	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 03082



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 002_DH14CC_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Nguyễn Vũ Ngọc Thạch

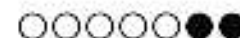
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	D.Số Thi	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC			6	9	2	4.2	0012345678910	0123456789
17	14118238	Trương Tuấn Sang	DH14CC			5.75	8	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
18	14118239	Văn Công Sĩ	DH14CK			5.25	5	7	6.3	0012345678910	0123456789
19	14118240	Trịnh Văn Sơn	DH14CK			5	9	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
20	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC			6	7	6	6.2	0012345678910	0123456789
21	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK			6	6	5	5.4	0012345678910	0123456789
22	14118062	Đỗ Văn Tàu	DH14CK			5.25	6	5.0	5.3	0012345678910	0123456789
23	14118063	Huỳnh Ngân Tâm	DH14CC			0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
24	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC			5.5	8	9	8.1	0012345678910	0123456789
25	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC			5.5	2.5	4	4.0	0012345678910	0123456789
26	14118259	Nguyễn Gia Thế	DH14CK			5.5	9	5	5.9	0012345678910	0123456789
27	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC			5	7	3	4.2	0012345678910	0123456789
28	14137074	Nguyễn Mậu Thiết	DH14NL			6.75	2	6	5.4	0012345678910	0123456789
29	14118266	Phan Minh Thọ	DH14CK			6.5	8	7.5	7.4	0012345678910	0123456789
30	15138067	Nguyễn Đình Thông	DH15TD			5.5	5	1	2.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03082



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 002_DH14CC_01 Số Tin Ch 3

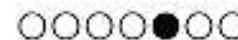
Ngày Thi 19/06/2017 - Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm) Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số Tỷ	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118072	Nguyễn Gia Thuật	DH14CK			6.25	8	3	4.7	001234567890	0123456789
32	15153065	Lê Văn Thương	DH15CD			4	7.5	5	5.3	001234567890	0123456789
33	14118274	Trần Văn Thương	DH14CC			6	9	8	7.8	001234567890	0123456789
34	13118301	Lê Đức Tin	DH13CC			6	5	3	4.0	001234567890	0123456789
35	13138220	Trương Tấn Tinh	DH13TD			5	6	6.5	6.1	001234567890	0123456789
36	15153069	Lê Minh Tài	DH15CD			5.5	5	8.5	7.2	001234567890	0123456789
37	13334219	Nguyễn Văn Triều	CD13CI			5	3	4	4.0	001234567890	0123456789
38	14118081	Lê Ngọc Đăng Trình	DH14CK			5	7	6.5	6.3	001234567890	0123456789
39	14118292	Nguyễn Tấn Truyền	DH14CK			5.5	8	4.0	5.1	001234567890	0123456789
40	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK			5.25	9	4.0	5.3	001234567890	0123456789
41	14118092	Nguyễn Hoàng Anh Tú	DH14CC			5	7	2.0	3.6	001234567890	0123456789
42	14118296	Nguyễn Duy Tuấn	DH14CC			0	0	0	0.0	001234567890	0123456789
43	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK			5.5	6	4.5	5.0	001234567890	0123456789
44	14118319	Lê Anh Tuấn	DH14CC			4.75	9	5.0	5.8	001234567890	0123456789
45	15153073	Nguyễn Anh Tuấn	DH15CD			4.5	6	5	5.1	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03082



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 002_DH14CC_01** Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/06/2017 - Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP) Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC			7	8	4	5.4	0012345678910	0123456789
47	13138240	Phạm Anh Tuấn	DH13TD			5.25	2	5	4.5	0012345678910	0123456789
48	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK			5.25	0	8	5.9	0012345678910	0123456789
49	14153143	Nguyễn Thanh Tùng	DH14CD			5	9	5	5.8	0012345678910	0123456789
50	14153062	Trịnh Thành Việt	DH14CD			5.75	9	6	6.6	0012345678910	0123456789
51	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC			6.5	9	9	8.5	0012345678910	0123456789
52	14118094	Lê Minh Võ	DH14CC			2.5	9	7	6.5	0012345678910	0123456789
53	13118359	Vũ Gia Vỹ	DH13CK			4.5	9	5	5.7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 54 Số sinh viên vắng: 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hiền
Cao Đức Lợi
Đặng Hải Dũng
Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật TD khi nén & thủy lực (207504) - 001_DH14CK_01 Số Tin Ch 3

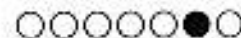
Ngày Thi 19/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi CT201 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô) Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12154223	Lê Công Tuấn Anh	DH12OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13137013	Dặng Hoài Bảo	DH13NL	<i>H Hoài</i>		5,5	7,5	5,0	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
3	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK	<i>H Chí</i>		4,5	8,5	2,5	4,1	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137019	Nguyễn Văn Bình	DH13NL	<i>B Văn</i>		3,8	10	5,0	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
5	15138006	Nguyễn Văn Bình	DH15TD	<i>B Văn</i>		4,8	9,0	7,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14118116	Trương Chiến	DH14CK	<i>Ch Chiến</i>		5,3	9,0	5,0	5,9	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
7	14118120	Nguyễn Minh Cường	DH14CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK	<i>C Cường</i>		6,0	9,0	7,0	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
9	13154089	Phạm Việt Cường	DH13OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137032	Đỗ Văn Duy	DH13NL	<i>D Văn</i>		5,0	10	7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
11	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC	<i>D Đăng</i>		6,5	8,0	6,0	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	14137024	Nguyễn Đức Dương	DH14NL	<i>D Đức</i>		3,5	9,0	5,5	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
13	14137026	Đào Minh Đạt	DH14NL	<i>D Minh</i>		5,3	9,0	5,0	5,9	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
14	14118016	Phạm Tấn Đạt	DH14CK	<i>D Tấn</i>		3,0	9,0	0	2,4	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
15	14118017	Nguyễn Thanh Điền	DH14CK	<i>T Thanh</i>		6,3	8,0	2,0	4,1	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03083



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 001_DH14CK_02** Số Tin Ch. 3

Ngày Thi 19/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi CT201 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118018	Trần Phương Đông	DH14CK			4,3	10	7,0	7,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14138008	Lê Văn Đồng	DH14TD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138051	Ngô Lộc Trường Đức	DH13TD			5,0	0	3,0	2,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13138052	Tô Minh Đức	DH13TD			4,5	10	5,0	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13137051	Nguyễn Hoàng Giang	DH13NL			4,0	4,0	8,0	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13137052	Huỳnh Tấn Hạnh	DH13NL			2,0	4,5	4,5	4,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13137058	Mai Hoàng Hiệp	DH13NL			5,0	9,0	7,5	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14118159	Phạm Tấn Hiệp	DH14CK			5,0	8,5	7,0	6,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13137056	Đỗ Văn Hiền	DH13NL			5,8	9,0	6,5	6,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14153085	Huỳnh Thanh Hoài	DH14CD			4,3	6,0	8,5	7,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14153086	Nguyễn Xuân Hoài	DH14CD			6,0	5,0	9,0	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14118164	Tôn Nhật Hoàng	DH14CK			4,0	8,0	2,0	3,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118156	Đỗ Minh Huy	DH13CK			5,5	9,0	7,5	7,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14118030	Nguyễn Đức Huy	DH14CK			7,0	8,5	2,0	4,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14154104	Huỳnh Văn Hưng	DH14OT			4,5	8,5	6,0	6,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03083



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật TB khi nền & thủy lực (207504) - 001_DHI4CK_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/06/2017 - Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi CT201 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH13NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt) Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13137167	Nguyễn Thành Hưng	DH13NL			5,0	5,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
32	13154025	Nguyễn Doan Khang	DH13OT			3,0	3,5	4,5	4,0	0012345678910	0123456789
33	13137073	Nguyễn Hùng Khang	DH13NL			3,8	8,5	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
34	14138057	Nguyễn Triều Khang	DH14TD			1,5	6,0	3,0	3,3	0012345678910	0123456789
35	15138032	Nguyễn Văn Khế	DH15TD			5,5	10	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
36	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH13OT			3,3	5,5	1,0	2,4	0012345678910	0123456789
37	13137079	Phan Đặng Tuấn	DH13NL			3,8	8,5	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
38	13137081	Vũ Đình Nguyễn Khương	DH13NL			4,3	8,0	2,0	3,7	0012345678910	0123456789
39	13138098	Vũ Văn Khương	DH13TD			4,3	8,5	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
40	14118034	Đinh Đức Kiên	DH14CK			4,5	7,5	7,5	6,9	0012345678910	0123456789
41	13154029	Huỳnh Vũ Kiệt	DH13OT			4,3	4,5	2,0	3,0	0012345678910	0123456789
42	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK			3,5	8,0	4,5	5,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 38 Số sinh viên vắng: 4

Ngày 15 Tháng 8 Năm 2017

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 002 DH14CK 02 Số Tin Ch 3

Ngày Thi: 19/06/2017 - Giờ Thi: 09:30 - Phòng Thi: HD301 - Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

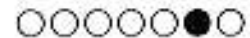
Lốp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118036	Nguyễn Thành	Lê	DH14CC			4,3	10	5,0	5,9	○①①234●⑥789⑩	①①2345678●
2	15118057	Nguyễn Thanh	Long	DH15CC			6,8	10	7,0	7,6	○①①23456●⑧9⑩	①①2345●789
3	15153033	Phạm Văn	Long	DH15CD			6,0	8,5	8,5	8,0	○①①234567●⑨⑩	●①23456789
4	14137048	Lê Thế	Lực	DH14NL			8,0	10	6,0	7,2	○①①23456●⑧9⑩	①①●3456789
5	13138117	Nguyễn Quốc	Mạnh	DH13TD			4,0	9,0	4,5	5,3	○①①234●⑥789⑩	①①2●456789
6	14137003	Nguyễn Tấn	Minh	DH14NL			6,5	9,0	6,0	6,7	○①①2345●⑦89⑩	①①23456●⑧9
7	12344172	Trịnh Hữu	Nghĩa	CD12CI							●①①23456789⑩	①①23456789
8	14118207	Nguyễn Lê	Nguyễn	DH14CK			2,0	2,0	3,0	2,6	○①①●3456789⑩	①①2345●789
9	14153040	Phạm Thị	Nhân	DH14CD			4,5	9,0	9,0	8,1	○①①234567●⑨⑩	①●23456789
10	14118045	Trần Trọng	Nhân	DH14CC			6,8	9,0	8,0	8,0	○①①234567●⑨⑩	●①23456789
11	14137053	Lê Minh	Nhật	DH14NL			4,0	10	4,5	5,5	○①①234●⑥789⑩	①①234●⑥789
12	14118214	Nguyễn Xuân	Phát	DH14CK			2,8	9,0	2,0	3,6	○①①2●3456789⑩	①①2345●789
13	13138157	Nguyễn Hồng	Phúc	DH13TD			5,0	9,5	7,0	7,1	○①①23456●⑧9⑩	①●23456789
14	13137110	Nguyễn Minh	Phúc	DH13NL			3,5	10	5,0	5,7	○①①234●⑥789⑩	①①23456●⑧9
15	14118223	Phạm Hoàng	Phượng	DH14CK			4,5	7,5	5,0	5,4	○①①234●⑥789⑩	①①23●56789



Mã nhận dạng 03084



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 002_DH14CK_02 Số Tin Ch 3

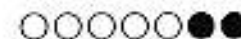
Ngày Thi 19/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD301 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt) Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14137056	Trần Minh Quang	DH14NL			5,0	7,0	3,0	4,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118057	Tạ Minh Quân	DH14CK							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13154048	Phạm Hữu Quý	DH13OT			0	0	7,0	4,2	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD			4,5	9,0	8,0	7,5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
20	13137119	Nguyễn Hải Sơn	DH13NL			3,0	9,0	4,5	5,1	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14138085	Lê Hữu Tài	DH14TD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK			7,0	7,5	8,0	7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
23	14137070	Trần Văn Thành	DH14NL			4,3	7,0	4,0	4,7	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
24	14137005	Nguyễn Hữu Thế	DH14NL			4,5	6,0	4,0	4,5	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
25	14137073	Nguyễn Thanh Thế	DH14NL			5,5	7,0	4,0	4,9	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
26	14118264	Nguyễn Xuân Thiệu	DH14CK			4,0	7,5	2,0	2,9	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
27	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK			4,3	10	2,0	4,1	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	14118267	Nguyễn Hoàng Thông	DH14CK			5,5	10	5,0	6,1	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	14118268	Nguyễn Nhật Thông	DH14CK							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	14137080	Nguyễn Ngọc Thuận	DH14NL			5,0	8,0	7,5	7,1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03084



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 002_DH14CK_01 Số Tin Ch: 3

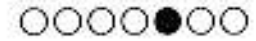
Ngày Thi 19/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD301 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa) Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13138217	Nguyễn Đức Tiến	DH13TD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13137146	Đinh Thanh Toàn	DH13NL	<i>Đinh Thanh Toàn</i>		4,5	5,5	7,0	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
33	14118076	Nguyễn Văn	DH14CC	<i>Nguyễn Văn</i>		6,0	9,0	4,0	5,4	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
34	13154188	Nguyễn Duy	DH13OT	<i>Nguyễn Duy</i>		2,5	4,5	5,5	4,1	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13153244	Nguyễn Thanh	DH13CD	<i>Nguyễn Thanh</i>		4,0	9,0	2,5	4,1	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13334222	Từ Hữu	CD13CI	<i>Từ Hữu</i>		0	7,5	5,0	4,5	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
37	14118084	Ngô Văn	DH14CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13118319	Nguyễn Huy	DH13CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13118364	Trương Công Hoài	DH13CK	<i>Trương Công Hoài</i>		6,0	9,0	7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
40	14118086	Nguyễn Công	DH14CK	<i>Nguyễn Công</i>		4,0	4,0	4,5	4,3	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
41	13137156	Dương Minh	DH13NL	<i>Dương Minh</i>		9,0	7,5	6,0	5,7	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
42	13137157	Đoàn Nhật	DH13NL	<i>Đoàn Nhật</i>		5,0	10	7,0	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
43	13137003	Nguyễn Tuấn	DH13NL	<i>Nguyễn Tuấn</i>		5,5	8,5	3,0	4,6	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
44	14137092	Cao Tấn	DH14NL	<i>Cao Tấn</i>		4,0	8,0	1,0	3,0	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	14137093	Trần Bá	DH14NL	<i>Trần Bá</i>		6,3	9,0	8,5	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03084



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 002_DH14CK_02 Số Tin Ch. 3

Ngày Thi 19/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi HD301 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm) Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14118305	Trương Thanh Tùng	DH14CK			2,0	10	4,5	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	14153059	Phạm Ngọc Tuyển	DH14CD			4,5	8,5	5,5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	14118093	Trần Phước Vinh	DH14CK			6,5	4,5	9,0	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	14118311	Trần Xuân Vinh	DH14CK			6,0	10	9,5	8,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK			1,5	7,5	4,5	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK			4,5	5,0	5,0	4,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 11. Số sinh viên vắng: 7.

Ngày 15 Tháng 8 Năm 2017

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

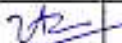
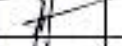
Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 001 DH13NL_05 Số Tin Ch 3

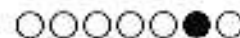
Ngày Thi: 19/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi: TV301 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt) Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13137006	Mai Thế Anh	DH13NL			6,3	6,5	4,5	5,3	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13137011	Nguyễn Thiên Ân	DH13NL			4,5	8,0	3,0	4,3	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13138027	Bùi Minh Bảo	DH13TD	✓						●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13137015	Phạm Thái Minh	DH13NL			5,3	10	8,5	8,2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC			5,0	7,0	4,0	3,0	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13154090	Vũ Văn Cường	DH13OT			7,3	10	5,0	6,5	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
7	13118109	Phạm Đại	DH13CC			0	0	2,0	4,2	○①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13137048	Nguyễn Văn Đăng	DH13NL			5,5	10	3,0	4,9	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	13137001	Nguyễn Duy Hậu	DH13NL			6,5	8,0	3,0	4,7	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
10	13137068	Lê Văn Hùng	DH13NL			4,8	10	7,0	7,2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13137074	Mai Quang Khánh	DH13NL			3,5	7,0	4,5	4,8	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
12	13137080	Lê Thành Khôi	DH13NL			4,5	6,5	3,0	4,0	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13137083	Chư Bà Hoàng Lân	DH13NL			5,3	8,5	4,5	5,5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
14	13118194	Lê Hoàng Lễ	DH13CC			8,0	10	9,0	9,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13137085	Nguyễn Thanh Long	DH13NL			4,5	9,5	4,5	5,5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03080



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 001_DH13NL_05 Số Tin Ch 3

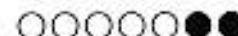
Ngày Thi 19/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi TV301 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP) Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118037	Trần Đình Hải	Long	DH14CC	Log	8,3	10	8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
17	13118204	Trương Thanh	Lạc	DH13CK	luc	3,0	10	4,0	5,0	0012344●678910	●123456789
18	13137087	Bùi Phú Hoàng	Nam	DH13NL	Hoang	2,3	7,0	4,0	4,3	00123●5678910	012●456789
19	13137090	Chau Vanh	Nêk	DH13NL	Chau	4,5	10	5,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
20	13137096	Lara Thiện	Ngôn	DH13NL	Thien	7,8	8,0	8,0	8,0	001234567●910	●123456789
21	13153164	Lara Ngọc	Nhân	DH13CD	Ngoc	5,0	7,0	6,5	6,3	0012345●78910	012●456789
22	13137100	Đinh Mai	Nhật	DH13NL	May	5,5	8,0	7,0	6,9	0012345●78910	012345678●
23	13137102	Trần Minh	Nhật	DH13NL	Minh	6,5	10	5,0	6,3	0012345●78910	012●456789
24	15153046	Phạm Huỳnh	Pháp	DH15CD	Huynh	7,0	10	5,0	6,4	0012345●78910	0123●56789
25	13137103	Nguyễn Tăng	Phát	DH13NL	Phat	4,5	9,0	6,5	6,6	0012345●78910	012345●789
26	13137105	Nguyễn Thanh	Phong	DH13NL	Thanh	5,5	8,5	4,5	5,5	0012345●78910	01234●6789
27	13137106	Nguyễn Thanh	Phong	DH13NL	Phong	7,0	8,0	4,0	5,4	001234●678910	0123●56789
28	13137109	Bùi Văn	Phúc	DH13NL	Bui	5,0	8,0	4,0	5,0	001234●678910	●123456789
29	13118039	Huỳnh Hồng	Phúc	DH13CK	Hong	2,0	10	4,0	3,0	0012●45678910	●123456789
30	13137111	Nguyễn Quốc	Phúc	DH13NL	Quoc	4,5	9,0	3,0	4,5	00123●5678910	01234●6789



Mã nhận dạng 03080



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật TB khí nén & thủy lực (207504) - 001_DH13NL_05 Số Tin Ch 3

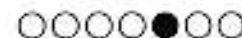
Ngày Thi 19/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi TV301 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa) Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13138163	Phạm Lưu Phước	DH13TD			6,5	8,5	6,0	6,6	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
32	13137115	Phạm Mai Quỳnh	DH13NL			8,0	10	5,0	6,6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
33	13137116	Nguyễn Đức Reo	DH13NL			8,0	7,0	8,0	7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
34	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK			1,5	7,0	1,0	2,3	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
35	13137121	Vì Văn Tấn	DH13NL			5,5	9,5	5,0	6,0	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	13137124	Vũ Đức Tân	DH13NL			6,0	10	8,0	8,0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
37	13137130	Lương Tấn Thanh	DH13NL			5,0	9,5	7,0	7,1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	13137128	Phan Lê Ngọc Thảo	DH13NL			5,5	10	7,5	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
39	13137131	Lê Hoàng Thăng	DH13NL			4,0	10	5,0	5,8	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
40	13137135	Trần Hoàng Thiến	DH13NL			4,3	9,5	7,5	7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
41	13137138	Phạm Ngọc Thiến	DH13NL			6,5	8,5	8,0	7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
42	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13CI			4,0	10	5,5	6,1	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	13137151	Lê Minh Trí	DH13NL			4,0	9,5	4,5	5,4	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
44	13137152	Trần Anh Trí	DH13NL			5,0	9,5	8,0	7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
45	14154062	Nguyễn Thế Trọng	DH14OT			5,0	6,0	3,0	4,0	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03080



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 001_DH13NL_05 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/06/2017 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi TV301 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa) Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13138232	Trần Hữu Trọng	DH13TD	V						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13334226	Đặng Trung	CD13CI	F		2,5	0	2,0	1,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13137154	Nguyễn Văn Trường	DH13NL	Th		6,5	0	4,5	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13137158	Nguyễn Minh Tú	DH13NL	Th		5,0	9,0	6,0	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13153272	Đinh Quốc Vũ	DH13CD	Đinh		7,0	10	9,0	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 48. Số sinh viên vắng: 2

Ngày 15 Tháng 9 Năm 2017

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo

Phạm Quang Thắng

Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Văn Công Chính

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 04

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 40%	Điểm thực	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138001	Trương Văn An	DH15TD	<i>Am</i>		10	2	6	5.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15138002	Bùi Thị Vân	DH15TD	<i>BTV</i>		10	3.5	9	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13118004	Nguyễn Thế Bảo	DH13CC	<i>NTB</i>		10	4.5	4	4.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15138004	Trần Hải Bảo	DH15TD	<i>THB</i>		8	10	9.5	9.5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD	<i>TVB</i>		5	5	0	1.5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13118005	Đỗ Thành Chung	DH13CC	<i>DTCh</i>		8	5	2.5	3.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15138007	Trương Thành Cúa	DH15TD	<i>TC</i>		10	8.5	7	7.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC							○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15138010	Đặng Xuân Danh	DH15TD	<i>DXD</i>		6	1.5	1	1.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15138016	Nguyễn Qui Dăng	DH15TD	<i>NQD</i>		8	3.5	4.5	4.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15138018	Nguyễn Hữu Duy	DH15TD	<i>NHD</i>		8	1.5	0	1.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15138019	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	DH15TD	<i>NVHD</i>		6	1.5	3.5	3.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13118009	Nguyễn Văn Dư	DH13CC	<i>NVD</i>		10	4	4	4.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13153068	Mai Quốc Đạt	DH13CD	<i>MQD</i>		10	4	5.5	5.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15138012	Nguyễn Hữu Đạt	DH15TD	<i>NHD</i>		5	6	6.5	6.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	15138013	Phạm Thành Đạt	DH15TD							○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15138011	Quách Tiến Đạt	DH15TD	<i>QTD</i>		10	5	4.5	5.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15138009	Huỳnh Tuấn Dăng	DH15TD	<i>HTD</i>		10	7	6	6.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 04

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10 %	D2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13118120	Trần Cư Được	DH13CC			6	6.5	5.5	5.8	○○○12345678910	○○123456789
20	13118126	Lê Xuân Hà	DH13CC			10	6.5	5.5	6.2	○○○12345678910	○○123456789
21	13118014	Bùi Văn Hào	DH13CC			8	6	4.5	5.2	○○○12345678910	○○123456789
22	12153168	Phan Phụng Hiệp	DH12CD			8	4	4.5	4.8	○○○12345678910	○○123456789
23	15153025	Nguyễn Minh Hiếu	DH15CD			6	7	5.5	5.9	○○○12345678910	○○123456789
24	13118146	Nguyễn Quốc Hòa	DH13CC			10	6.5	4	5.1	○○○12345678910	○○123456789
25	15138026	Ngô Văn Hoàn	DH15TD			10	7	3.5	4.9	○○○12345678910	○○123456789
26	13138079	Nguyễn Trần Minh Hoàng	DH13TD							○○○12345678910	○○123456789
27	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DH13CC			8	4.5	5.5	5.6	○○○12345678910	○○123456789
28	13153108	Bàn Thế Hồng	DH13CD			6	0	5	4.9	○○○12345678910	○○123456789
29	13153009	Ngô Thanh Huy	DH13CD			6	9	9.5	9.1	○○○12345678910	○○123456789
30	15138029	Đào Hữu Huỳnh	DH15TD			6	4	0.5	1.8	○○○12345678910	○○123456789
31	15138027	Bùi Hữu Hưng	DH15TD							○○○12345678910	○○123456789
32	15138030	Nguyễn Duy Kha	DH15TD			8	4	2.5	3.4	○○○12345678910	○○123456789
33	15138032	Nguyễn Văn Khé	DH15TD			10	7	4.5	5.6	○○○12345678910	○○123456789
34	13118023	Đoàn Nguyễn Anh Kim	DH13CC			10	6	3.5	4.7	○○○12345678910	○○123456789
35	13118194	Lê Hoàng Lê	DH13CC			8	3	9.5	8.1	○○○12345678910	○○123456789
36	15138036	Huỳnh Tấn Lộc	DH15TD			10	3	4.5	4.8	○○○12345678910	○○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 04

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 đ%	Đ2 đ%	Điểm thi lý	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tà điểm lẻ
37	13153012	Nguyễn Hữu Lộc	DH13CD			8	7	6	6.4	○○○12345678910	○○123456789
38	15138039	Nguyễn Hồ Tấn	DH15TD			8	4	9.5	8.3	○○○12345678910	○○123456789
39	13138260	Hoàng Đức	DH13TD			10	2.5	3	3.6	○○○12345678910	○○123456789
40	15138041	Trương Đức	DH15TD			6	6.5	9.5	8.6	○○○12345678910	○○123456789
41	15138042	Vũ Văn	DH15TD			10	6	0.5	2.6	○○○12345678910	○○123456789
42	13153152	Đặng Hoàng	DH13CD			5	5	0.5	1.9	○○○12345678910	○○123456789
43	15138043	Trần Thành	DH15TD			8	7	1	2.9	○○○12345678910	○○123456789
44	15153041	Bùi Hồng	DH15CD			10	4.5	6	6.1	○○○12345678910	○○123456789
45	15118076	Trương Trọng	DH15CC						✓	○○○12345678910	○○123456789
46	15138045	Bùi Minh	DH15TD			8	3.5	1.5	2.6	○○○12345678910	○○123456789
47	12153093	Hồ Vĩnh	DH12CD						✓	○○○12345678910	○○123456789
48	15138049	Nguyễn Hoàng	DH15TD			10	2	2.5	3.2	○○○12345678910	○○123456789
49	15138052	Nguyễn Quốc	DH15TD			0	3.5	0.5	1.1	○○○12345678910	○○123456789
50	13118250	Bạch Đình	DH13CC			10	5	2	3.4	○○○12345678910	○○123456789
51	15138054	Trang Minh	DH15TD						✓	○○○12345678910	○○123456789
52	13118257	Vũ Tuấn	DH13CC			10	3	7	6.5	○○○12345678910	○○123456789
53	15138058	Lê Quốc	DH15TD			8	4.5	9.5	8.1	○○○12345678910	○○123456789
54	15138059	Phạm Hồng	DH15TD			6	4.5	2.5	3.3	○○○12345678910	○○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 04

CBGD; Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
55	15138060	Lê Quốc Thắng	DH15TD			8	7.5	9.5	9.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	15138061	Phan Thị Mạnh	DH15TD			10	5	3	4.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	15138062	Nguyễn Hữu Thiên	DH15TD			10	4	2.5	3.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
58	15138063	Trần Duy Thiệu	DH15TD			10	4.5	3	4.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	15138064	Nguyễn Phước Toàn	DH15TD			6	5	1	2.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	15138065	Nguyễn Tấn	DH15TD			8	4	1	2.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
61	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD			8	5	4.5	8.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	13153024	Lê Văn Thuận	DH13CD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	15138069	Nguyễn Trần Nghĩa	DH15TD			10	3.5	1.5	2.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
64	13118319	Nguyễn Huy	DH13CC							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
65	13118323	Bùi Văn Truyền	DH13CC			10	4.5	3	4.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
66	13118344	Bùi Văn Tú	DH13CC			8	2.5	4	4.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
67	13118333	Nguyễn Anh Tuấn	DH13CC			10	4.5	3	4.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
68	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			8	2.5	5	4.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
69	13153261	Trương Văn Tuy	DH13CD			6	3.5	0	1.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
70	13118063	Lê Văn Trọng	DH13CC			10	5	3	4.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
71	13153029	Trần Văn Vĩ	DH13CD			10	8	2	4.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
72	15138072	Lê Thúc Vĩnh	DH15TD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 04

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	<u>D1</u> 10 %	<u>D2</u> 10 %	<u>Điểm</u> thi 30	<u>Điểm</u> T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
73	13118353	Hoàng Đức Vũ	DH13CC			6	2,5	2,5	2,9	0012345678910	0123456789
74	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD			10	1	1,5	2,3	0012345678910	0123456789
75	13153280	Lương Trung Vượng	DH13CD			10	7,5	2,5	4,3	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngang Awan

Đang tiến hành

Nguyen Thi Hong

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 06

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thứ 3	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15138003	Đặng Hoàng Anh	DH15TD			8	1.5	0.5	1.5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13118074	Võ Đặng Phạm Anh	DH13CC			8	2	4	4.0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15118002	Phan Huỳnh Ân	DH15CK						✓	③①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15153003	Đào Lưu Bình	DH15CD			10	7	3	4.5	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	15153004	Nguyễn Phan Hải Vư	DH15CD			5	3	3.5	3.6	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	15153005	Mai Tuấn Cường	DH15CD			7	6.5	1	2.7	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	15153013	Nguyễn Trường Duy	DH15CD			10	6.5	3.5	4.8	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	15138020	Võ Hải Duy	DH15TD			10	3.5	3.5	4.2	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD			8	6	0	2.0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC			10	6	2.5	4.0	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	15118010	Lâm Văn Đại	DH15CK			8	4.5	5	5.2	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15138008	Huỳnh Tuấn Hải Đăng	DH15TD			8	4.5	9.5	8.4	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	15153011	Ngô Phú Đò	DH15CD			8	7	4.5	8.9	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15153012	Huỳnh Đức	DH15CD			8	6.5	4.5	5.3	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD			10	3	5.5	5.5	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	15153019	Nguyễn Nhựt Hào	DH15CD			8	6.5	3.5	4.6	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15138021	Phạm Thị Thúy Hằng	DH15TD			6	4.5	4	4.3	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15153018	Dương Thanh Hân	DH15CD			6	4	6	5.6	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 10 %	Điểm thi 10	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15153021	Đặng Trung Hậu	DH15CD			8	3	9.5	8.1	00012345678910	0023456789
20	15118031	Nguyễn Bình Phương	DH15CK			10	4.5	3	4.0	00012345678910	00123456789
21	15138023	Nguyễn Thế Hiền	DH15TD						✓	00012345678910	00123456789
22	15118032	Ngô Đại Hiệp	DH15CK			8	7	0.5	2.6	00012345678910	00123456789
23	15153023	Lê Trung Hiếu	DH15CD			6	3	2	2.6	00012345678910	00123456789
24	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK			10	3.5	4	4.5	00012345678910	00123456789
25	15138074	Phạm Lê Thanh Hòa	DH15TD			6	7	7	6.9	00012345678910	00123456789
26	13138085	Hoàng Thanh Hùng	DH13TD						✓	00012345678910	00123456789
27	15137029	Phạm Đăng Huy	DH15NL						✓	00012345678910	00123456789
28	13153119	Nguyễn Văn Hưng	DH13CD			0	4	5	4.3	00012345678910	00123456789
29	13153121	Võ Thị Kim Hương	DH13CD			10	6	6	6.4	00012345678910	00123456789
30	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC						✓	00012345678910	00123456789
31	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC			10	0.5	4	0.7	00012345678910	00123456789
32	15153030	Hoàng Văn Kỳ	DH15CD			8	1.5	1.5	2.2	00012345678910	00123456789
33	15118049	Nguyễn Văn Lâm	DH15CK			10	11	3.5	4.3	00012345678910	00123456789
34	15118051	Mai Văn Lịch	DH15CK						✓	00012345678910	00123456789
35	15118055	Lê Thanh Long	DH15CK						✓	00012345678910	00123456789
36	15138038	Nguyễn Hoàng Long	DH15TD			6	5	6	5.8	00012345678910	00123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 06

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 L %	Đ2 L %	Điểm thử	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
37	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC	<i>Long</i>		8	8.5	8.5	8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	15153033	Phạm Văn Long	DH15CD	<i>Phạm Văn Long</i>		7	2.5	5.5	5.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	15153032	Huỳnh Tấn Lợi	DH15CD	<i>Lợi</i>		9	3.5	3.5	4.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	15118060	Phạm Văn Mái	DH15CK						✓	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	15153037	Lê Đức Mạnh	DH15CD	<i>Lê Đức Mạnh</i>		10	7	9.5	9.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC						✓	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	15153040	Hồ Văn Nghĩa	DH15CD	<i>Hồ Văn Nghĩa</i>		10	9	9.5	9.5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	15153044	Nguyễn Văn Nhân	DH15CD	<i>Nguyễn Văn Nhân</i>		5	2	6.5	5.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	15138046	Lê Minh Nhật	DH15TD	<i>Lê Minh Nhật</i>		10	8.5	9.5	9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	15137038	Nguyễn Văn Nhiên	DH15NL	<i>Nguyễn Văn Nhiên</i>		10	5	0.5	2.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	15138047	Phạm Thị Đức	DH15TD	<i>Phạm Thị Đức</i>		10	3.5	6.5	6.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	15153046	Phạm Huỳnh Pháp	DH15CD	<i>Phạm Huỳnh Pháp</i>		8	3.5	5	5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
49	15153047	Mai Tấn Phát	DH15CD	<i>Mai Tấn Phát</i>		10	8	9.5	9.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	15118078	Nguyễn Tấn Phát	DH15CK	<i>Nguyễn Tấn Phát</i>		6	5.5	5	5.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	13118038	Trần Cảnh Phú	DH13CC	<i>Trần Cảnh Phú</i>		10	6	7.5	7.5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	15118081	Trương Văn Phúc	DH15CK	<i>Trương Văn Phúc</i>		10	6	3.5	4.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	15153048	Đinh Hoàng Phương	DH15CD	<i>Đinh Hoàng Phương</i>		8	4.5	9.5	8.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	15153051	Nguyễn Anh Quân	DH15CD	<i>Nguyễn Anh Quân</i>		10	7.5	8	8.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 06

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 10 %	Điểm thi lý	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
55	15153052	Nguyễn Trung Minh	Quân	DH15CD		10	2	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
56	15118085	Võ Văn	Quốc	DH15CC						0012345678910	0123456789
57	15118087	Nguyễn Thanh	Son	DH15CC		10	5	6	6.2	0012345678910	0123456789
58	15153054	Nguyễn	Sỹ	DH15CD		8	6	2	3.4	0012345678910	0123456789
59	15153055	Nguyễn Thái	Tài	DH15CD		10	5	6	6.2	0012345678910	0123456789
60	15153056	Trần Tấn	Tài	DH15CD		10	4	9.5	8.5	0012345678910	0123456789
61	15153057	Đỗ Thành	Tâm	DH15CD		10	2.5	2.5	3.3	0012345678910	0123456789
62	13118266	Huỳnh Thanh	Tâm	DH13CC		8	4	9.5	8.3	0012345678910	0123456789
63	15153059	Lương Văn	Tấn	DH15CD		6	1.5	0.5	1.3	0012345678910	0123456789
64	12153144	Lưu Thế	Thắng	DH12CD						0012345678910	0123456789
65	15153062	Lâm Minh	Thị	DH15CD		8	5	4	4.6	0012345678910	0123456789
66	15137054	Chu Đức	Thiện	DH15NL		8	3	6.5	6.0	0012345678910	0123456789
67	15137055	Trần Ngọc	Thiện	DH15NL		8	4.5	8.5	7.7	0012345678910	0123456789
68	13118284	Lâm Văn	Thiệt	DH13CC		10	8.5	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
69	15153064	Nguyễn Hiếu	Thuận	DH15CD		10	6.5	2.5	4.1	0012345678910	0123456789
70	13118298	Nguyễn Văn	Tiến	DH13CC		5	2	0.5	1.3	0012345678910	0123456789
71	13153238	Mai Thanh	Tĩnh	DH13CD		0	0	7.5	5.3	0012345678910	0123456789
72	15153067	Trương Văn	Tĩnh	DH15CD		6	3	4	4	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 06

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
73	15118109	Lưu Ngọc Anh	Toán	DH15CK					✓	0012345678910	0123456789
74	15153068	Nguyễn Huy	Toán	DH15CD	✓	8	2	0.5	1.6	0012345678910	0123456789
75	15153071	Hồ Thái	Trung	DH15CD	✓	5	1.5	2.5	2.6	0012345678910	0123456789
76	15118124	Bùi Anh	Tuần	DH15CK					✓	0012345678910	0123456789
77	15153073	Nguyễn Anh	Tuần	DH15CD	✓	8	3.5	1	2.2	0012345678910	0123456789
78	15118133	Dặng Hoàng	Vũ	DH15CK					✓	0012345678910	0123456789
79	15118136	Dỗ Văn	Vương	DH15CK					✓	0012345678910	0123456789
80	15118138	Hồ Sỹ	ý	DH15CK					✓	0012345678910	0123456789

Số lượng vãng:

Hiện diện:

Cần hỗ trợ thi

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi I

Cán bộ chấm thi 2

Ng. Hùng Khon

Đang kiểm tra

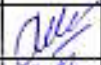
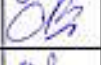
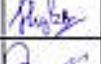
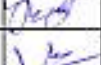
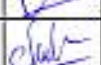
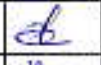
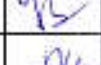
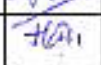
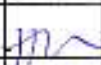
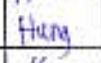
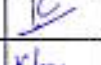
Ng Hong Khon

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 07

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 20 %	Điểm thi lý	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153001	Nguyễn Tuấn Anh	DH14CD			5	5	0	1.5	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
2	14153003	Nguyễn Chí Bảo	DH14CD			10	5	6	6.2	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
3	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD			8	3.5	1	2.2	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
4	14153005	Võ Đức Bảy	DH14CD			10	5.5	3.5	4.6	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
5	14153006	Hồ Nguyễn Văn Cảnh	DH14CD			10	3	4.5	4.8	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
6	14153007	Phạm Hòa Chính	DH14CD			10	5	7	6.9	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
7	14153009	Lê Mạnh Cường	DH14CD			8	5	4.5	5.0	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
8	14153075	Đỗ Minh Đức	DH14CD			10	5	5	5.5	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
9	14118141	Trần Văn Điệp	DH14CK			10	5.5	6.5	6.7	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
10	14153013	Nguyễn Sơn Hà	DH14CD			10	6	2.5	4.0	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
11	14153014	Hồ Đức Hải	DH14CD			8	6	8.5	8	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
12	14153079	Bùi Văn Hân	DH14CD			8	6	3	4.1	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
13	14153080	Lê Khoa Hậu	DH14CD			10	4.5	8	7.5	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
14	12138047	Dương Văn Hoàn	DH12TD			0	5	1	1.7	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
15	14153094	Hứa Tiến Hưng	DH14CD			10	7.5	8.5	8.5	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
16	14153019	Cao Bá Kế	DH14CD			8	7	4.5	5.4	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
17	14118186	Phạm Anh Khoa	DH14CK			6	3.5	0.5	1.7	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●
18	14153022	Trần Tuấn Kiệt	DH14CD			8	5.5	9	8.2	○●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 07

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 10 %	Điểm thi %	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14153030	Trần Lộc Minh	DH14CD							00012345678910	0123456789
20	14118040	Hoàng Vương	DH14CC	Nam		10	5.5	6	6.3	00012345678910	0123456789
21	14153103	Nguyễn Đức	DH14CD	Đức		6	6.5	6.5	6.5	00012345678910	0123456789
22	14153034	Chê Thành	DH14CD	Chê		5	7	6	6.1	00012345678910	0123456789
23	13118220	Nguyễn Ngọc	DH13CC	Ngọc		10	6	6.5	6.8	00012345678910	0123456789
24	14153107	Đinh Như	DH14CD	Như		10	4	4.5	5.0	00012345678910	0123456789
25	14153037	Lê Trung	DH14CD	Trung		6	5.5	0.5	2.1	00012345678910	0123456789
26	14153040	Phạm Thị	DH14CD	Thị		8	4	1	2.3	00012345678910	0123456789
27	14153109	Nguyễn Hiệp Duy	DH14CD	Hiệp		6	7	4.5	5.2	00012345678910	0123456789
28	14153041	Vũ Minh	DH14CD	Minh		10	4.5	3	4.0	00012345678910	0123456789
29	14153045	Võ Xuân	DH14CD	Xuân		10	6.5	3	4.1	00012345678910	0123456789
30	14153117	Phạm Quốc	DH14CD	Quốc		10	5	5.5	5.9	00012345678910	0123456789
31	14153049	Nguyễn Thanh	DH14CD	Thanh		8	5	0.5	2.2	00012345678910	0123456789
32	14153050	Nguyễn Phú	DH14CD	Phú		10	5	4.5	5.2	00012345678910	0123456789
33	14153134	Nguyễn Thanh	DH14CD	Thanh		6	4	1	2.1	00012345678910	0123456789
34	14153054	Đinh Ngọc	DH14CD	Ngọc		10	5.5	0.5	2.5	00012345678910	0123456789
35	14153138	Phan Văn	DH14CD	Văn		10	7.5	0.5	2.9	00012345678910	0123456789
36	14153139	Lê Văn	DH14CD	Văn		8	7.5	7	7.2	00012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 07

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 10 %	Điểm thi 30	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD	<i>Tuấn</i>		8	6	3.5	4.5	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	14153143	Nguyễn Thanh Tùng	DH14CD	<i>Tùng</i>		10	7	0.5	2.8	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	14153062	Trịnh Thành Việt	DH14CD	<i>Vce f</i>		8	8	1	3.1	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	13118065	Lương Hoài Vinh	DH13CC	<i>Vinh</i>		10	5	6.5	6.6	○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 04

Hiện diện: 39

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ng Hong Chuan

1. Định nghĩa
 Định nghĩa: Một hàm số được gọi là hàm số bậc nhất nếu nó có dạng:

Ng^o Hoàng Thảo

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13153034	Phạm Nhật Anh	DH13CD			8	7	4	7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	12153140	Võ Văn Quốc Anh	DH12CD			8	7	6	6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD			6	4	6	5,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13153045	Trần Đức Cảnh	DH13CD			7	8	6	6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13153059	Nguyễn Quốc Dũng	DH13CD			6	5	8	7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13153054	Lâm Thái Duy	DH13CD			8	5	9	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13153063	Trần Văn Dương	DH13CD			8	4	8	7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13153068	Mai Quốc Đạt	DH13CD			8	8	8	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD			6	7	8	7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13153073	Nguyễn Văn Đầu	DH13CD			5	8	8	7,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13153005	Đặng Hữu Độ	DH13CD			8	5	7	6,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13153076	Lê Khải Định	DH13CD			8	4	6	6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13153078	Trương Công Định	DH13CD			6	4	6	5,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13153006	Nguyễn Tam Đức	DH13CD			8	5	6	6,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13153084	Nguyễn Trúc Giang	DH13CD						0	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13153086	Dương Minh Hào	DH13CD			8	4	6	6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13153092	Lê Quang Hậu	DH13CD			6	4	6	5,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13153093	Phùng Văn Hậu	DH13CD			8	8	8	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Cơ sở TK hệ thống cơ điện tử (207620) - 01

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 20 %	Điểm 60 thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13153109	Nguyễn Tấn Hồng	DH13CD			6	4	8	6,8	○○○123456789	0123456789
20	13153111	Đỗ Ngọc Quốc Huy	DH13CD			8	8	7	7,4	○○○123456789	0123456789
21	13153009	Ngô Thanh Huy	DH13CD			8	4	7	6,6	○○○123456789	0123456789
22	13153119	Nguyễn Văn Hưng	DH13CD			6	7	7	6,8	○○○123456789	0123456789
23	13153121	Võ Thị Kim Hương	DH13CD			6	5	7	6,4	○○○123456789	0123456789
24	13153122	Mai Đức Hữu	DH13CD			6	7	8	7,4	○○○123456789	0123456789
25	13153124	Nguyễn Trọng Khang	DH13CD			6	4	6	5,6	○○○123456789	0123456789
26	13153127	Phạm Quốc Khánh	DH13CD			8	8	7	7,4	○○○123456789	0123456789
27	13153142	Nguyễn Văn Lâm	DH13CD			4	5	7	6	○○○123456789	0123456789
28	13153011	Chu Văn Long	DH13CD			8	8	8	8	○○○123456789	0123456789
29	10153070	Nguyễn Duy Long	DH10CD					0		○○○123456789	0123456789
30	13153012	Nguyễn Hữu Lộc	DH13CD			6	5	7	6,4	○○○123456789	0123456789
31	13153014	Trịnh Đình Minh	DH13CD			8	4	7	6,6	○○○123456789	0123456789
32	13153015	Chu Hoài Nam	DH13CD			8	7	6	6,6	○○○123456789	0123456789
33	13153152	Đặng Hoàng Nam	DH13CD			4	5	8	6,6	○○○123456789	0123456789
34	13153016	Nguyễn Minh Ngọc	DH13CD			8	5	7	6,8	○○○123456789	0123456789
35	13153164	Lưu Ngọc Nhân	DH13CD			4	4	6	5,2	○○○123456789	0123456789
36	13153166	Phan Thành Nhân	DH13CD			8	5	7	6,8	○○○123456789	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Cơ sở TK hệ thống cơ điện tử (207620) - 01

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	13153168	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	DH13CD			6	6	6	6	○○○12345678910	0123456789
38	09153068	Lê Hoài Phong	DH09CD17			4	4	4	4	○○○12345678910	0123456789
39	13153173	Nguyễn Văn Phong	DH13CD			6	5	8	7	○○○12345678910	0123456789
40	13153176	Huỳnh Nguyễn Phúc	DH13CD			4	5	8	6,6	○○○12345678910	0123456789
41	13153181	Nguyễn Hoàng Phương	DH13CD			8	5	7	6,8	○○○12345678910	0123456789
42	13153017	Hồ Văn Quang	DH13CD			6	5	8	7	○○○12345678910	0123456789
43	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD			4	4	8	6,4	○○○12345678910	0123456789
44	13153191	Lê Trọng Quốc	DH13CD			4	4	7	5,8	○○○12345678910	0123456789
45	13153196	Thân Văn Quyết	DH13CD			6	4	6	5,6	○○○12345678910	0123456789
46	13153021	Cao Thanh Tân	DH13CD			8	7	6	6,6	○○○12345678910	0123456789
47	13153206	Nguyễn Hà Tân	DH13CD			4	4	6	5,2	○○○12345678910	0123456789
48	12153081	Trần Đặng Thông Thái	DH12CD			6	4	6	5,6	○○○12345678910	0123456789
49	13153023	Tăng Thành Thảo	DH13CD			4	5	7	6	○○○12345678910	0123456789
50	13153211	Huỳnh Võ Minh Thắng	DH13CD			4	4	7	5,8	○○○12345678910	0123456789
51	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD			4	4	7	5,8	○○○12345678910	0123456789
52	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD			4	4	7	5,8	○○○12345678910	0123456789
53	13153222	Trương Phi Hoàn	DH13CD			8	4	7	6,6	○○○12345678910	0123456789
54	13153024	Lê Văn Thuận	DH13CD			7	4	7	6,4	○○○12345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Cơ sở TK hệ thống cơ điện tử (207620) - 01

CBGD: Đào Duy Vinh (743)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	13153025	Dặng Văn Thuyết	DH13CD			6	8	7	7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	13153229	Lê Quyết Tiến	DH13CD			4	4	6	5,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	13153232	Nguyễn Thành Tiến	DH13CD						0	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	13153238	Mai Thanh Tính	DH13CD			6	4	7	6,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	13153244	Nguyễn Thanh Trí	DH13CD			6	4	6	5,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	13153240	Nguyễn Công Triển	DH13CD			6	5	7	6,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
61	13153285	Nguyễn Quang Trung	DH13CD			8	4	6	6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	13153245	Nguyễn Tiên Trung	DH13CD			5	5	7	6,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	13153251	Nguyễn Xuân Trường	DH13CD			4	4	6	5,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
64	13153255	Lê Ngọc Triệu Tuấn	DH13CD			6	4	6	5,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
65	13153256	Lê Xuân Tuấn	DH13CD			6	8	8	7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
66	13153026	Phạm Lâm Anh Tuấn	DH13CD			8	6	8	7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
67	13153259	Trần Thanh Tuấn	DH13CD			6	5	8	7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
68	13153261	Trương Văn Tuy	DH13CD			4	5	8	6,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
69	13153028	Ngô Tấn Vinh	DH13CD			6	7	8	7,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
70	13153280	Lương Trung Vượng	DH13CD			6	8	8	7,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 3

Hiện diện: 67

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đào Duy Vinh
Ngày in : 21/05/2017 09:22

Đào Duy Vinh
Đặng Văn Dũng

Đào Duy Vinh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Mạch điện (207623) - 001_DH14CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 27/06/2017 - Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi HD205 Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

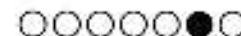
Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trung 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	D. Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14138037	Hồ Mạnh A	DH14TD	<i>[Signature]</i>		8	6.5	0	2.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
2	14153001	Nguyễn Tuấn Anh	DH14CD	<i>[Signature]</i>		6	7.5	0	2.9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
3	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD	<i>[Signature]</i>		6	7	1	3.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14153067	Nguyễn Khắc	DH14CD	<i>[Signature]</i>		10	3.5	1	2.7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
5	14153006	Hồ Nguyễn Văn	DH14CD	<i>[Signature]</i>		10	7	0	3.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	12153031	Lê Văn	DH12CD	<i>[Signature]</i>		8	7	1	5.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14153068	Nguyễn Hoàng Anh	DH14CD	<i>[Signature]</i>		8	7.5	1.5	4.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14153007	Phạm Hòa	DH14CD	<i>[Signature]</i>		10	6.5	2	4.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14153008	Huỳnh Ngọc	DH14CD	<i>[Signature]</i>		10	7	0	3.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15153005	Mai Tuấn	DH15CD	<i>[Signature]</i>		10	7	0	3.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13153283	Võ Quốc	DH13CD	<i>[Signature]</i>		8	6.5	4	5.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14138042	Tô Đình	DH14TD	<i>[Signature]</i>		8	8.5	9	8.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13138042	Quách Đình	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8	7.5	0	3.1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14153071	Thái Anh	DH14CD	<i>[Signature]</i>		10	6	2	4.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14153010	Trần Vũ Anh	DH14CD	<i>[Signature]</i>		0	7	2	3.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 03103



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Mạch điện (207623) - 001_DHI4CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 27/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD205

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

Lớp DHI4TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 10%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14138045	Nguyễn Thành Đạt	DHI4TD			8	6	6	6.2	0012345678910	0123456789
17	15153010	Nguyễn Tấn Đình	DHI5CD			10	7.5	0	3.3	0012345678910	0123456789
18	15153011	Ngô Phú Đồ	DHI5CD			10	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
19	14138008	Lê Văn Đồng	DHI4TD			10	8	0	3.4	0012345678910	0123456789
20	14138009	Hoàng Văn Anh Đức	DHI4TD			8	4.5	3	4.0	0012345678910	0123456789
21	13138051	Ngô Lộc Trường	DHI3TD			8	6	0	2.6	0012345678910	0123456789
22	15153015	Lê Cảnh Trường	DHI5CD			10	8	0	3.4	0012345678910	0123456789
23	15153016	Sân Thanh Hải	DHI5CD			6	3	0	1.5	0012345678910	0123456789
24	14153015	Đặng Đình Hiệp	DHI4CD			8	6.5	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
25	12153168	Phan Phụng Hiệp	DHI2CD			8	7	0	2.9	0012345678910	0123456789
26	13138068	Hoàng Minh Hiếu	DHI3TD			8	4	1.5	2.9	0012345678910	0123456789
27	15153026	Nguyễn Trung Hiếu	DHI5CD			10	9	4.5	6.4	0012345678910	0123456789
28	13138076	Võ Minh Hòa	DHI3TD			10	5.5	3	4.5	0012345678910	0123456789
29	14153085	Huỳnh Thanh Hoài	DHI4CD			8	4.5	0	2.2	0012345678910	0123456789
30	14138012	Nguyễn Duy Hoàng	DHI4TD							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03103



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Mạch điện (207623) - 001_DH14CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 27/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD205

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 40%	D. Số 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14153094	Hứa Tiến Hưng	DH14CD			8	7	1	3.5	0012345678910	0123456789
32	13138089	Tô Văn Hưng	DH13TD			6	7	0	2.7	0012345678910	0123456789
33	13138006	Đào Thanh Hân	DH13TD			10	6.5	0	3	0012345678910	0123456789
34	14153019	Cao Bá Kế	DH14CD			8	7	0	2.9	0012345678910	0123456789
35	14138057	Nguyễn Triều Khang	DH14TD			10	4	2	3.4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 34 Số sinh viên vắng: 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Diễn thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Mạch điện (207623) - 002 DH14CD 01

Số Tín Ch. 2

Ngày Thi 27/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phong Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

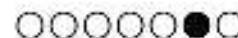
Lớn DH14TD (Kỹ thuật điều khiển vũ tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 0 %	D2 10 %	D. Số 6.6	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14138016	Phạm Đăng	Khôi	DH14TD					✓	0012345678910	0123456789
2	14153023	Đinh Thiện Duy	Lâm	DH14CD	<i>Tu</i>	6	6.5	0	2.6	0012345678910	0123456789
3	14153024	Ngô Tường	Lâm	DH14CD	<i>Thay</i>	4	7	0	2.5	0012345678910	0123456789
4	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng	Lâm	DH14TD	<i>Huy</i>	8	8	1.5	4.1	0012345678910	0123456789
5	14138017	Trần Đức	Lâm	DH14TD	<i>Đ</i>	8	5	0	2.3	0012345678910	0123456789
6	13138103	Nguyễn Đình	Lân	DH13TD	<i>Lan</i>	10	6.5	2	4.2	0012345678910	0123456789
7	14138018	Nguyễn Hoàng	Long	DH14TD	<i>Long</i>	8	4	0	2	0012345678910	0123456789
8	14153102	Hồ Bảo	Lộc	DH14CD	<i>B</i>	10	6	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
9	14153027	Nguyễn Phan	Lợi	DH14CD	<i>Phan</i>	10	7.5	3	5.1	0012345678910	0123456789
10	14153028	Bùi Vũ	Luân	DH14CD	<i>B</i>	10	4.5	1	3.0	0012345678910	0123456789
11	14153029	Hàng	Lạc	DH14CD	<i>H</i>	10	7	2	4.3	0012345678910	0123456789
12	14153030	Trần Lộc	Minh	DH14CD	<i>L</i>	8	2.5	0	1.6	0012345678910	0123456789
13	14153032	Nguyễn Thanh	Nam	DH14CD	<i>Nam</i>	8	6.5	4	5.2	0012345678910	0123456789
14	14153036	Phan Trọng	Nghĩa	DH14CD	<i>Ph</i>	10	7	4	5.5	0012345678910	0123456789
15	14153107	Đinh Như	Nhân	DH14CD	<i>Nhân</i>	10	7	0	3.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03104



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Mạch điện (207623) - 002_DH14CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 27/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Đình Khon

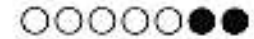
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 40%	D. Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14153037	Lê Trung Nhân	DH14CD			10	6	2.5	4.3	0001234567890	0123456789
17	14153038	Lưu Thế Nhân	DH14CD			8	4	0	2.0	0001234567890	0123456789
18	14153040	Phạm Thị Nhân	DH14CD			10	3	0.5	2.2	0001234567890	0123456789
19	14138021	Trần Duy Nhân	DH14TD			4	4	0	1.6	0001234567890	0123456789
20	13138148	Phạm Khánh Phi	DH13TD			10	5.5	0	2.7	0001234567890	0123456789
21	14138027	Phạm Nhật Quang	DH14TD			6	6.5	0	2.6	0001234567890	0123456789
22	13138166	Ngô Nguyễn Minh Quân	DH13TD			8	6.5	0	2.8	0001234567890	0123456789
23	15153051	Nguyễn Anh Quân	DH15CD			10	4	0	2.2	0001234567890	0123456789
24	15153052	Nguyễn Trung Minh Quân	DH15CD			8	7.5	1.5	4	0001234567890	0123456789
25	13138015	Vũ Hán Quốc	DH13TD			8	5	0.5	2.6	0001234567890	0123456789
26	14153045	Vũ Xuân Quỳnh	DH14CD			10	6	0	2.8	0001234567890	0123456789
27	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD			10	5.5	0	2.7	0001234567890	0123456789
28	14138083	Nguyễn Hồng Sơn	DH14TD			6	6.5	2.5	4.1	0001234567890	0123456789
29	14153117	Phạm Quốc Sỹ	DH14CD			10	7.5	0	3.3	0001234567890	0123456789
30	14138085	Lê Hữu Tài	DH14TD			8	6.5	3.5	4.9	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03104



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Mạch điện (207623) - 002_DH14CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 27/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

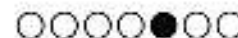
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 40%	D.Số 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14153049	Nguyễn Thanh Tâm	DH14CD			8	6	0	2.6	00102345678910	0123456789
32	14153118	Phan Thương Hoài L.	DH14CD			8	6	4	5.0	00102345678910	0123456789
33	14153119	Trần Trí	DH14CD			10	7	0	3.1	00102345678910	0123456789
34	14153123	Đỗ Hồng	DH14CD			10	8	0	2.4	00102345678910	0123456789
35	14153124	Hà Duy	DH14CD			10	5	3	4.3	00102345678910	0123456789
36	14153125	Lưu Đức	DH14CD			10	7	0	3.1	00102345678910	0123456789
37	13138198	Phạm Tiến	DH13TD			8	6.5	0	2.8	00102345678910	0123456789
38	14138091	Dương Thanh	DH14TD			0	7	2.5	4.2	00102345678910	0123456789
39	14138096	Nguyễn Công	DH14TD			8	4	3.5	4.1	00102345678910	0123456789
40	14153050	Nguyễn Phú	DH14CD			8	7	0	2.9	00102345678910	0123456789
41	15153065	Lê Văn	Thường			8	8	2.5	4.7	00102345678910	0123456789
42	14138032	Lâm Văn	Tiến			10	6.5	0.5	3.3	00102345678910	0123456789
43	13138217	Nguyễn Đức	DH13TD						✓	00102345678910	0123456789
44	14138100	Nguyễn Văn	Tinh			10	4	6	5.8	00102345678910	0123456789
45	15153068	Nguyễn Huy	Toàn			10	7	0	3.1	00102345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03104



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Mạch điện (207623) - 002_DH14CD_01

Số Tín Chỉ 2

Ngày Thi 27/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Đình Khon

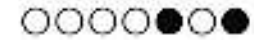
Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 40%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14138104	Phan Văn Toàn	DH14TD			8	6	0	2.6	0012345678910	0123456789
47	15153069	Lê Minh Tới	DH15CD			8	8.5	1	4.0	0012345678910	0123456789
48	14153054	Đinh Ngọc Trăn	DH14CD			10	2.5	0.5	2.1	0012345678910	0123456789
49	14153137	Phạm Ngọc Trí	DH14CD			10	6	0	2.8	0012345678910	0123456789
50	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD			8	7	0.5	3.2	0012345678910	0123456789
51	14153138	Phan Văn Trọng	DH14CD			10	3	1.5	2.8	0012345678910	0123456789
52	13153246	Từ Sỹ Trung	DH13CD			4	7.5	0	2.7	0012345678910	0123456789
53	15153072	Võ Văn Truyền	DH15CD			10	7	0	3.1	0012345678910	0123456789
54	14138109	Nguyễn Thái Trường	DH14TD			10	6	0	2.8	0012345678910	0123456789
55	14153139	Lê Văn Trường	DH14CD			10	7	0	3.1	0012345678910	0123456789
56	15153073	Nguyễn Anh Tuấn	DH15CD			10	9	1.5	4.6	0012345678910	0123456789
57	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD			4	6.5	1.5	3.3	0012345678910	0123456789
58	14138111	Võ Xuân Tùng	DH14TD							0012345678910	0123456789
59	14153059	Phạm Ngọc Tuyền	DH14CD			8	3.5	2	3.1	0012345678910	0123456789
60	14138113	Trịnh Châu Từ	DH14TD			10	7	0	3.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03104



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học\Nhóm Mạch điện (207623) - 002_DHI4CD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 27/06/2017

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

Lớp DHI4CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 10%	D Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14153060	Nguyễn Công Tường	DHI4CD			10	3.5	0	2.1	0012345678910	0123456789
62	13153272	Đình Quốc Vũ	DHI3CD			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
63	13153031	Trần Thế Vương	DHI3CD			10	6	0	2.8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 60. Số sinh viên vắng: 3.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

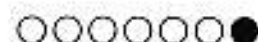
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 03161

Trang 1/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án Robot (207625) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13153034	Phạm Nhật Anh	DH13CD						8.7	0012345678910	0123456789
2	12153140	Võ Văn Quốc Anh	DH12CD						8.4	0012345678910	0123456789
3	13153045	Trần Đức Cảnh	DH13CD						8.1	0012345678910	0123456789
4	13153059	Nguyễn Quốc Dũng	DH13CD						7	0012345678910	0123456789
5	13153054	Lâm Thái Duy	DH13CD						7.9	0012345678910	0123456789
6	13153063	Trần Văn Dương	DH13CD						7.2	0012345678910	0123456789
7	13153068	Mai Quốc Đạt	DH13CD						8.6	0012345678910	0123456789
8	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD						8.6	0012345678910	0123456789
9	13153073	Nguyễn Văn Dầu	DH13CD						8.1	0012345678910	0123456789
10	13153005	Đặng Hữu Dệ	DH13CD						7.2	0012345678910	0123456789
11	13153076	Lê Khải Định	DH13CD						✓	0012345678910	0123456789
12	13153078	Trương Công Định	DH13CD						8.4	0012345678910	0123456789
13	13153006	Nguyễn Tam Đức	DH13CD						8.6	0012345678910	0123456789
14	13153084	Nguyễn Trúc Giang	DH13CD						✓	0012345678910	0123456789
15	13153086	Dương Minh Hào	DH13CD						7.2	0012345678910	0123456789
16	13153092	Lê Quang Hậu	DH13CD						8.2	0012345678910	0123456789
17	13153093	Phùng Văn Hậu	DH13CD						8.6	0012345678910	0123456789
18	13153108	Bàn Thế Hồng	DH13CD						7.9	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án Robot (207625) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13153111	Đỗ Ngọc Quốc Huy	DH13CD						8.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13153119	Nguyễn Văn Hưng	DH13CD						8.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13153121	Vô Thị Kim Hương	DH13CD						8.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13153122	Mai Đức Hữu	DH13CD						7.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	13153124	Nguyễn Trọng Khang	DH13CD						7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	13153127	Phạm Quốc Khánh	DH13CD						8.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	13153142	Nguyễn Văn Lâm	DH13CD						7.9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13153011	Chu Văn Long	DH13CD						8.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	10153070	Nguyễn Duy Long	DH10CD						✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	13153012	Nguyễn Hữu Lộc	DH13CD						8.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	13153014	Trịnh Đình Minh	DH13CD						8.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	13153015	Chu Hoài Nam	DH13CD						7.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	13153152	Đặng Hoàng Nam	DH13CD						8.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	13153016	Nguyễn Minh Ngọc	DH13CD						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	13153164	Lưu Ngọc Nhân	DH13CD						7.9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	13153166	Phan Thành Nhân	DH13CD						7.9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	13153168	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	DH13CD						8.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	13153173	Nguyễn Văn Phong	DH13CD						7.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án Robot (207625) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	13153176	Huỳnh Nguyễn Phúc	DH13CD						8.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	13153181	Nguyễn Hoàng Phương	DH13CD						8.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	13153017	Hồ Văn Quang	DH13CD						7.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	13153191	Lê Trọng Quốc	DH13CD						8.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	13153196	Thần Văn Quyết	DH13CD						8.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	13153021	Cao Thanh Tân	DH13CD						8.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	13153206	Nguyễn Hà Tân	DH13CD						8.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	12153081	Trần Đặng Thông Thái	DH12CD						8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	13153023	Tăng Thành Tháo	DH13CD						8.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	13153211	Huỳnh Võ Minh Thắng	DH13CD						8.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD						7.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
49	13153223	Trần Hưu Thọ	DH13CD						8.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	13153222	Trương Phi Hoàn	DH13CD						7.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	13153025	Dặng Văn Thuyết	DH13CD						7.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	13153229	Lê Quyết Tiến	DH13CD						8.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	13153238	Mai Thanh Tinh	DH13CD						7.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	13153244	Nguyễn Thanh Tri	DH13CD						7.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đồ án Robot (207625) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
55	13153240	Nguyễn Công Triền	DH13CD						8.2	○○○1234567●910	○1○23456789
56	13153285	Nguyễn Quang Trung	DH13CD						8.8	○○○1234567●910	○1234567●89
57	13153245	Nguyễn Tiến Trung	DH13CD						7.2	○○○123456●78910	○1○23456789
58	13153246	Từ Sỹ Trung	DH13CD						7.4	○○○123456●78910	○123456789
59	13153251	Nguyễn Xuân Trường	DH13CD						8	○○○1234567●910	○123456789
60	13153255	Lê Ngọc Triệu Tuấn	DH13CD						8.2	○○○1234567●910	○1○23456789
61	13153256	Lê Xuân Tuấn	DH13CD						9.1	○○○12345678910	○●23456789
62	13153026	Phạm Lâm Anh Tuấn	DH13CD						7.9	○○○123456●78910	○123456789
63	13153259	Trần Thanh Tuấn	DH13CD						8.6	○○○1234567●910	○123456789
64	13153261	Trương Văn Tuy	DH13CD						8.6	○○○1234567●910	○123456789
65	13153028	Ngô Tấn Vinh	DH13CD						8.8	○○○1234567●910	○123456789
66	13153280	Lương Trung Vượng	DH13CD						9	○○○12345678910	○123456789

Số lượng vắng: 05

Hiện diện: 63

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

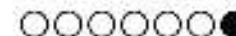
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Đăng Khoa

Nguyễn Đăng Khoa

Nguyễn Đăng Khoa



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 001 DH14TD 01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi: 30/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phóng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

Lớp **DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 20 %	D3 10 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14138037	Hồ Mạnh A	DH14TD			8	2	2	26	001034567890	0123456789
2	13153043	Phan Ngọc Cao	DH13CD			10	5	4	49	001234567890	0123456789
3	14138036	Nguyễn Hữu Nguyên Chương	DH14TD			8	4	2.5	3.5	001234567890	0123456789
4	14138002	Nguyễn Mạnh Cường	DH14TD			10	9	5	6.7	001234567890	0123456789
5	14138003	Vòng Cường	DH14TD						✓	001234567890	0123456789
6	13153283	Vô Quốc Danh	DH13CD			10	2	1	2.2	001234567890	0123456789
7	14138042	Tô Đình Dân	DH14TD			10	9	7	7.9	001234567890	0123456789
8	14153010	Trần Vũ Anh Duy	DH14CD						✓	001234567890	0123456789
9	13153061	Trần Đại Dương	DH13CD			10	4	3	4.0	001234567890	0123456789
10	14138007	Sầm Văn Đạo	DH14TD			10	6.5	2	4.2	001234567890	0123456789
11	14138045	Nguyễn Thành Đạt	DH14TD			10	8.5	4	6.0	001234567890	0123456789
12	14138047	Lương Hồng Đông	DH14TD			10	6.5	4.5	5.7	001234567890	0123456789
13	14138008	Lê Văn Đồng	DH14TD			8	2	2.5	2.9	001234567890	0123456789
14	14138009	Hoàng Văn Anh Đức	DH14TD			10	4	3	4.0	001234567890	0123456789
15	14138051	Lê Văn Hiếu	DH14TD			8	2	1.5	2.3	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03107



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 001_DH14TD_01

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi 30/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

Lớp

DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 10%	D Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14138011	Nguyễn Chánh Hoàng	DH14TD			10	3	1	2.5	001234567890	0123456789
17	14138012	Nguyễn Duy Hoàng	DH14TD			8	6.5	1	3.2	001234567890	0123456789
18	12138055	Huỳnh Tấn Hưng	DH12TD			6	6	1	3.0	001234567890	0123456789
19	13153120	Trương Ngọc Hưng	DH13CD			6	9	5	6.3	001234567890	0123456789
20	14138056	Vô Thành Hưng	DH14TD			8	3	5	6.5	001234567890	0123456789
21	13138006	Đào Thanh Hữu	DH13TD			6	2	1.5	2.1	001234567890	0123456789
22	13153123	Trần Minh Kha	DH13CD			8	8	2	4.4	001234567890	0123456789
23	14138057	Nguyễn Triển Khang	DH14TD			9	7	3	4.8	001234567890	0123456789
24	13153127	Phạm Quốc Khánh	DH13CD			10	6	5	5.8	001234567890	0123456789
25	14138058	Nguyễn Đăng Khoa	DH14TD			8	7	3.5	5.0	001234567890	0123456789
26	14138016	Phạm Đăng Khôi	DH14TD			8	7	1	3.3	001234567890	0123456789
27	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng Lâm	DH14TD			10	2	1	2.2	001234567890	0123456789
28	14138017	Trần Đức Lâm	DH14TD			0	4	1	1.8	001234567890	0123456789
29	14138064	Lê Đình Long	DH14TD			6	7	2.5	4.2	001234567890	0123456789
30	14138018	Nguyễn Hoàng Long	DH14TD			10	6.5	3.5	5.1	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03107



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 001_DH14TD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

Lớp

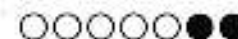
DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10%	D2 10%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14138011	Nguyễn Chánh Hoàng	DH14TD	<i>est</i>		10	3	1	2.5	0012345678910	0123456789
17	14138012	Nguyễn Duy Hoàng	DH14TD	<i>duy</i>		6	6.5	1	3.2	0012345678910	0123456789
18	12138055	Huỳnh Tấn Hưng	DH12TD	<i>hưng</i>		6	6	1	3.0	0012345678910	0123456789
19	13153120	Trương Ngọc Hưng	DH13CD	<i>hưng</i>		6	9	5	6.3	0012345678910	0123456789
20	14138056	Võ Thành Hưng	DH14TD	<i>tg</i>		8	9	5	6.5	0012345678910	0123456789
21	13138006	Đào Thanh Hữu	DH13TD	<i>thanh</i>		6	2	1.5	2.1	0012345678910	0123456789
22	13153123	Trần Minh Kha	DH13CD	<i>tr</i>		8	8	2	4.4	0012345678910	0123456789
23	14138057	Nguyễn Triều Khang	DH14TD	<i>khang</i>		9	7	3	4.8	0012345678910	0123456789
24	13153127	Phạm Quốc Khánh	DH13CD	<i>pham</i>		10	6	5	5.8	0012345678910	0123456789
25	14138058	Nguyễn Đăng Khoa	DH14TD	<i>tk</i>		8	7	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
26	14138016	Phạm Đăng Khôi	DH14TD	<i>ph</i>		6	7	1	3.3	0012345678910	0123456789
27	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng Lâm	DH14TD	<i>lam</i>		10	2	1	2.2	0012345678910	0123456789
28	14138017	Trần Đức Long	DH14TD	<i>tr</i>		0	4	1	1.8	0012345678910	0123456789
29	14138064	Lê Đình Long	DH14TD	<i>le</i>		6	7	2.5	4.2	0012345678910	0123456789
30	14138018	Nguyễn Hoàng Long	DH14TD	<i>long</i>		10	6.5	3.5	5.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03107



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/ Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 001_DH14TD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 30/06/2017 - Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV303 Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

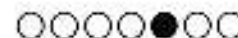
Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 10%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14138019	Nguyễn Thành Luân	DH14TD	<i>Luân</i>		10	6.5	1	3.4	001234567890	0123456789
32	14138068	Võ Lê Hoài Nam	DH14TD	<i>Hoài Nam</i>		10	4	3	4.0	001234567890	0123456789
33	14138020	Lê Nghiêm	DH14TD	<i>Phước</i>		8	6.5	4	5.2	001234567890	0123456789
34	14138071	Nguyễn Thị Kiều	DH14TD	<i>Ngọc</i>		8	9	5	6.5	001234567890	0123456789
35	14153038	Lưu Thế Nhân	DH14CD	<i>Thế Nhân</i>		10	3	2	3.1	001234567890	0123456789
36	14138021	Trần Duy Nhân	DH14TD	<i>Trần Duy</i>		10	2	0	1.6	001234567890	0123456789
37	14138022	Hải Thanh Phong	DH14TD	<i>Phong</i>		10	4	3	4	001234567890	0123456789
38	14138025	Lê Ngọc Phước	DH14TD							001234567890	0123456789
39	14138078	Vũ Đại Phước	DH14TD	<i>Phước</i>		10	7	7	7.3	001234567890	0123456789
40	14138077	Vũ Văn Phương	DH14TD	<i>Phương</i>		10	9	2	4.9	001234567890	0123456789
41	14138027	Phạm Nhật Quang	DH14TD	<i>Phạm Nhật</i>		0	4	2.5	2.7	001234567890	0123456789
42	14138028	Phan Văn Sỹ	DH14TD	<i>Phan Văn</i>		8	7.5	3.5	5.2	001234567890	0123456789
43	14138085	Lê Hữu Tài	DH14TD	<i>Lê Hữu</i>		8	2	3	3.2	001234567890	0123456789
44	14153124	Hà Duy Thái	DH14CD	<i>Hà Duy</i>		8	2.5	1	4.0	001234567890	0123456789
45	14138088	Nguyễn Đăng Trung	DH14TD	<i>Nguyễn Đăng</i>		8	4	3.5	4.1	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 03107



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học: Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 001_DH14TD_01

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi 30/06/2017

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 50%	Đ.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14138091	Dương Thanh Thảo	DH14TD	Th		0	7.5	3	4.1	0012345678910	0123456789
47	13138201	Vân Thiên	DH13TD	Thiên		0	3	0.5	1.2	0012345678910	0123456789
48	13153216	Lê Bửu	DH13CD	Phuoc		10	8	2.5	5.5	0012345678910	0123456789
49	14138096	Nguyễn Công	DH14TD	Ng		8	9	8.5	8.6	0012345678910	0123456789
50	14153133	Nguyễn Văn	DH14CD	V		8	3.5	3.5	4.0	0012345678910	0123456789
51	14138031	Tổng Ngọc Anh	DH14TD	Tha		6	9	3.5	5.4	0012345678910	0123456789
52	14138032	Lâm Văn	DH14TD	Tien		10	6.5	5	6.0	0012345678910	0123456789
53	14138100	Nguyễn Văn	DH14TD	Ng		8	6.5	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
54	14138104	Phan Văn	DH14TD	Phan		10	9	3.5	5.8	0012345678910	0123456789
55	14138106	Nguyễn Trọng	DH14TD	Tran		8	6.5	2	4.0	0012345678910	0123456789
56	14138109	Nguyễn Thái	DH14TD	Thuy		10	3	4	4.3	0012345678910	0123456789
57	14153058	Nguyễn Văn	DH14CD	Van		6	3	1.5	2.4	0012345678910	0123456789
58	14138113	Trịnh Châu	DH14TD	Trinh		8	9	5	6.5	0012345678910	0123456789
59	13138249	Nguyễn Khánh	DH13TD						✓	0012345678910	0123456789
60	13153027	Đào Hoàng	DH13CD	Dao		8	4.5	5	5.2	0012345678910	0123456789